

Ngày Tháng 09 Năm 2020

CHUYÊN ĐỀ 1: LÀM QUEN VỚI CHƯƠNG TRÌNH BẢNG EXCEL**Tiết 1:****CHƯƠNG TRÌNH BẢNG TÍNH LÀ GÌ?****I. MỤC TIÊU.****- Kiến thức:**

- Biết nhu cầu sử dụng của chương trình bảng tính trong đời sống và trong học tập.
- Biết được một số chức năng của chương trình bảng tính;

- Kỹ năng: - Biết cách nhập, sửa, xóa dữ liệu trong ô của trang tính.**- Thái độ:** - Nghiêm túc, có ý thức.**- Các năng lực, phương pháp cần hướng tới**

- Các năng lực

- NL giải quyết vấn đề
- NL sáng tạo
- NL tự quản lý bản thân
- NL hợp tác
- NL tự học
- NL giao tiếp
- NL sử dụng ngôn ngữ
- NL sử dụng công nghệ thông tin

- Phương pháp và hình thức dạy học

- Phương pháp dạy học, phương pháp hoạt động nhóm, phương pháp giao bài tập.
- Hình thức dạy học : Dạy học trên lớp ; DH trên phòng máy tính, tự học, hoạt động nhóm.

II. CHUẨN BỊ:

- Giáo viên: Giáo án, SGK, máy tính.
- Học sinh: Dụng cụ học tập, sách, vở, xem trước bài mới.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. Hoạt động khởi động : Ở cuối năm học lớp 6, các em đã được học cách trình bày một số nội dung văn bản bằng bảng cho cô đọng, dễ hiểu và dễ so sánh. Trong chương trình lớp 7 chúng ta sẽ đi tìm hiểu về vấn đề này đó là chương trình bảng tính

B. Hình thành kiến thức mới

Ở cuối năm học lớp 6, các em đã được học cách trình bày một số nội dung văn bản bằng bảng cho cô đọng, dễ hiểu và dễ so sánh. Trong chương trình lớp 7 chúng ta sẽ đi tìm hiểu về vấn đề này đó là chương trình bảng tính.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
Hoạt động 1:(13') Tìm hiểu về bảng và nhu cầu xử lý thông tin bằng	
GV: Em nào có thể cho thầy một ví dụ về việc trình bày văn bản bằng bảng ? HS: Danh bạ điện thoại, địa chỉ, BC kết quả học tập cá nhân... GV: Nhận xét câu trả lời của HS và tổng kết lại. GV: Đưa thêm ví dụ: Báo cáo số liệu. HS: nghe giảng, ghi chép GV: Vậy ngoài việc trình bày thông tin trực quan, cô đọng, dễ so sánh, chúng ta còn có nhu cầu sử dụng bảng để thực hiện các công việc xử lý thông tin như tính toán, tổng hợp, thống kê số liệu. GV: Đưa ra ví dụ về nhiệt độ trung bình trong các tháng. GV: Em nào có thể cho thầy biết tháng nào có nhiệt độ trung bình cao nhất, tháng nào có nhiệt	1. Bảng và nhu cầu xử lý thông tin dạng bảng. - <i>Bảng tính là tập hợp các ô tạo ra do sự giao nhau của cột và hàng.</i>

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
<p>độ trung bình thấp nhất?</p> <p>HS: Tháng 6 có nhiệt độ trung bình cao nhất, tháng 12 có nhiệt độ trung bình thấp nhất.</p> <p>GV: Nhận xét câu trả lời của học sinh và tổng kết lại</p> <p>HS: nghe giảng, ghi chép.</p> <p>GV: Nếu thay số liệu dưới dạng biểu đồ thì kết quả thế nào?</p> <p>HS: Sử dụng biểu đồ sẽ cho kết quả trực quan hơn.</p> <p>GV: Vậy từ các số liệu trong các bảng, đôi khi người ta còn có nhu cầu vẽ các biểu đồ để minh họa trực quan cho các số liệu ấy để dễ so sánh, dự đoán và phân tích.</p> <p>Vậy em nào có thể tổng kết lại cho thầy những công dụng của việc trình bày dữ liệu dạng bảng.</p> <p>HS: - Cô đọng, dễ hiểu, dễ so sánh</p> <p>- Thực hiện các nhu cầu tính toán(tính tổng, trung bình cộng, xác định giá trị lớn nhất, nhỏ nhất...)</p> <p>- Có thể tạo biểu đồ từ các số liệu trên bảng để đánh giá một cách trực quan, nhanh chóng.</p>	<p>- <i>Nhu cầu xử lý thông tin dạng bảng:</i></p> <p>+ Cô đọng, dễ hiểu, dễ so sánh</p> <p>+ Thực hiện các nhu cầu tính toán(tính tổng, trung bình cộng, xác định giá trị lớn nhất, nhỏ nhất...)</p> <p>+ Có thể tạo biểu đồ từ các số liệu trên bảng để đánh giá một cách trực quan, nhanh chóng.</p>
<i>Hoạt động 2:(30') Giới thiệu về chương trình bảng tính.</i>	
<p>GV: Đưa ra ví dụ về bảng điểm của lớp.</p> <p>GV: Nếu bảng điểm được lập trên giấy thì khi có sự thay đổi số liệu, bảng điểm sẽ như thế nào?</p> <p>HS: Sẽ bị tẩy xóa rất bẩn, nhìn rất rối, không rõ ràng đồng thời phải tính toán lại rất mất công.</p> <p>GV: Nhận xét và kết luận: Nhưng nếu chúng ta sử dụng chương trình bảng tính thì tất cả các vấn đề trên đều được khắc phục.</p> <p>GV: Vậy em nào có thể cho thầy biết chương trình bảng tính là gì?</p> <p>HS: Trả lời.</p> <p>GV: Hiện nay có nhiều chương trình bảng tính khác nhau. Tuy nhiên chúng đều có một số tính năng cơ bản chung.</p> <p>HS: Nghe giảng, ghi chép.</p> <p>GV: Theo các em trên màn hình làm việc của chương trình bảng tính thường có cái gì?</p> <p>HS: Bảng chọn, thanh công cụ, các nút lệnh và màn hình làm việc.</p> <p>GV: Vậy các em hãy nêu sự khác biệt giữa màn hình làm việc của chương trình bảng tính so với màn hình làm việc của chương trình soạn thảo văn bản Word?</p> <p>HS: Màn hình làm việc của chương trình bảng tính khác với màn hình làm việc của chương trình soạn thảo văn bản Word là nó được trình bày dưới dạng bảng và chia thành các hàng và các cột.</p>	<p><i>1. Chương trình bảng tính là gì:</i></p> <p>Là phần mềm được thiết kế để giúp ghi lại và trình bày thông tin dưới dạng bảng, thực hiện các tính toán cũng như xây dựng các biểu đồ biểu diễn một cách trực quan các số liệu đã có trong bảng.</p> <p><i>2. Các đặc trưng của chương trình bảng tính.</i></p> <p><i>a. Màn hình làm việc.</i></p> <p>+ Các bảng chọn, thanh công cụ, các nút lệnh.</p> <p>+ Được trình bày dưới dạng bảng và chia thành các hàng và các cột</p> <p><i>b. Dữ liệu:</i></p>

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
<p>GV: Chương trình bảng tính dùng chủ yếu để thực hiện các tính toán nên nó có các tính năng riêng khác với chương trình soạn thảo văn bản.</p> <p>HS: nghe giảng, ghi chép</p> <p>GV: Chỉ cho HS một ví dụ về ô</p> <p>HS: Quan sát và ghi chép</p> <p>GV: Các em hãy liệt kê các kiểu dữ liệu được lưu giữ trong bảng tính sau đây.</p> <p>HS: Kiểu kí tự, kiểu số</p> <p>GV: Chương trình bảng tính cung cấp công cụ để em có thể thực hiện một cách tự động công việc tính toán, cập nhật tự động kết quả khi dữ liệu ban đầu thay đổi mà không cần tính toán lại.</p> <p>Ngoài ra, chương trình bảng tính còn cung cấp các hàm có sẵn đặc biệt hữu ích để sử dụng khi tính toán.</p> <p>VD: Tính điểm tổng kết khi biết điểm của từng môn, xếp loại HSG, HS yếu...</p> <p>HS: Quan sát, lắng nghe.</p> <p>GV: Một tính năng nữa của chương trình bảng tính là khả năng sắp xếp và lọc dữ liệu.</p> <p>VD: Với việc lưu giữ bảng điểm của lớp trong chương trình bảng tính, cô có thể sắp xếp học sinh theo các tiêu chuẩn khác nhau một cách nhanh chóng. Ngoài ra cô cũng có thể lọc riêng nhóm học sinh theo học lực, hạnh kiểm... mà không ảnh hưởng tới các dữ liệu ban đầu.</p> <p>HS: Lắng nghe, ghi chép</p> <p>GV: Ngoài ra chương trình bảng tính có có 1 tính năng khác mà ta đã trình bày ở phần trước là có thể tạo biểu đồ từ số liệu có sẵn.</p> <p>HS: Nghe giảng</p> <p>GV: Em hãy cho thầy biết công dụng của việc tạo biểu đồ trong chương trình bảng tính?</p> <p>HS: Hỗ trợ tạo biểu đồ giúp cho việc so sánh, đánh giá, thống kê, dự đoán số liệu.</p>	<p>+ Lưu giữ và xử lý nhiều kiểu dữ liệu khác nhau.</p> <p>VD: kiểu kí tự, kiểu số...</p> <p>+ Dữ liệu nhập vào được lưu giữ và hiển thị trong các thành phần cơ sở của bảng gọi là các ô.</p> <p><i>c. Khả năng tính toán và sử dụng các hàm có sẵn.</i></p> <p>+ Tự động tính toán, khả năng thực hiện các phép toán từ đơn giản đến phức tạp một cách chính xác.</p> <p>+ Cung cấp các hàm có sẵn</p> <p>VD: Hàm tính tổng, hàm thống kê....</p> <p><i>d. Sắp xếp và lọc dữ liệu:</i></p> <p>+ Sắp xếp và lọc dữ liệu theo những tiêu chuẩn khác nhau mà không ảnh hưởng tới các dữ liệu ban đầu.</p> <p><i>e. Tạo biểu đồ:</i></p> <p>+ Hỗ trợ tạo biểu đồ giúp cho việc so sánh, đánh giá, thống kê, dự đoán số liệu.</p>

C. Hoạt động ứng dụng: Với các tính năng trên, các em thấy chương trình bảng tính rất tiện dụng và hữu ích trong cuộc sống và học tập.

D. Hoạt động bổ sung

Về nhà học bài và xem trước phần bài còn lại

IV. Củng cố

V. DẶN DÒ VÀ RÚT KINH NGHIỆM

Ngày Tháng 09 Năm 2020

Tiết 2:

CHƯƠNG TRÌNH BẢNG TÍNH LÀ GÌ?

I. MỤC TIÊU.

- Kiến thức:

- Nhận biết được một số thành phần cơ bản trên màn hình chương trình bảng tính.
- Hiểu được khái niệm về hàng, cột, ô tính, địa chỉ ô tính
- **Kỹ năng:** Biết cách nhập, sửa, xóa dữ liệu trong ô của trang tính.
- **Thái độ:** Nghiêm túc, có ý thức.
- **Các năng lực, phương pháp cần hướng tới**
 - Các năng lực
 - NL giải quyết vấn đề
 - NL sáng tạo
 - NL tự quản lý bản thân
 - NL hợp tác
 - NL tự học
 - NL giao tiếp
 - NL sử dụng ngôn ngữ
 - NL sử dụng công nghệ thông tin
 - Phương pháp và hình thức dạy học
 - Phương pháp dạy học, phương pháp hoạt động nhóm, phương pháp giao bài tập.
 - Hình thức dạy học: Dạy học trên lớp; DH trên phòng máy tính, tự học, hoạt động nhóm.

II. CHUẨN BỊ:

- Giáo viên: Giáo án, SGK, máy tính.
- Học sinh: Dụng cụ học tập, sách, vở, xem trước bài mới.

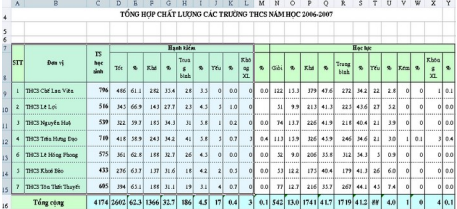
III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. Hoạt động khởi động: (KT bài cũ, GT bài mới)

- KT bài cũ: Chương trình bảng tính là gì?
- GT bài mới: Các em biết chương trình bảng tính là gì rồi. Tiết này chúng ta sẽ tìm hiểu các thành phần trên 1 chương trình bảng tính và cách nhập dữ liệu vào trang tính.

B. Hình thành kiến thức mới

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
Hoạt động 1:(20') Giới thiệu về màn hình làm việc của chương trình bảng tính	
GV: Microsoft Excel là chương trình bảng tính được sử dụng phổ biến hiện nay. Trong môn học này các em sẽ làm quen với các kiến thức và kỹ năng cơ bản để làm việc với chương trình bảng tính thông qua Microsoft Excel. HS: Tập trung, nghe giảng, ghi chép. GV: Em hãy nêu sự giống nhau giữa màn hình Word và màn hình Excel? HS: Có sự giống nhau đó là: thanh tiêu đề, thanh công cụ, thanh bảng chọn, thanh trạng thái, thanh cuộn dọc, ngang. GV: Nhận xét câu trả lời của HS và tổng kết lại. GV: Tương tự như chương trình soạn thảo Word, chương trình bảng tính cũng có các thành phần tương tự. Nhưng vì chương trình bảng tính chủ yếu dùng để xử lý dữ liệu nên nó có những đặc trưng riêng. HS: Nghe giảng GV: Em hãy quan sát màn hình làm việc của chương trình bảng tính có gì khác với màn hình Word? HS: Khác: Thanh công thức, bảng chọn Data, tên cột, tên hàng, tên các trang tính,	3. Màn hình làm việc của chương trình bảng tính: <div style="display: flex; justify-content: space-between;"> <div> + Thanh tiêu đề + Thanh công cụ + Thanh trạng thái + Thanh cuộn dọc, ngang + Bảng chọn Data </div> <div> + Thanh bảng chọn + Các nút lệnh + Thanh công thức + Trang tính </div> </div> a. Thanh công thức: Là thanh công cụ đặc trưng của chương trình bảng tính. Được sử dụng để nhập, hiển thị dữ liệu hoặc công thức trong ô tính. b. Bảng chọn Data: Nằm trên thanh bảng chọn(menu). Nơi để chứa các lệnh dùng để xử lý dữ liệu. c. Trang tính: là miền làm việc chính của

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
<p>ô tính. GV: Nhận xét và tổng kết lại và đưa ra các khái niệm.</p> <p>GV: Các em hãy xác định cho thầy hàng 4, cột D, ô D4? HS: Quan sát và lên chỉ vị trí của ô. GV: Nhận xét và đưa ra đáp án HS: Quan sát, ghi chép. GV: Em hãy xác định cho thầy vùng hình chữ nhật được đánh dấu có địa chỉ như thế nào? HS: Quan sát lên chỉ vị trí của khối. GV: Nhận xét và đưa ra đáp án đúng HS: lắng nghe, ghi chép</p>	<p>trang tính, được chia thành các cột và các hàng, vùng giao giữa cột và hàng gọi là ô tính.</p> <p>+ Các cột của trang tính được đánh thứ tự liên tiếp từ trái sang phải bằng các chữ cái, được gọi là tên cột, bắt đầu từ A, B, C...</p> <p>+ Các hàng của trang tính được đánh thứ tự liên tiếp từ trên xuống dưới bằng các số, gọi là tên hàng, bắt đầu từ 1, 2, 3...</p> <p>+ Địa chỉ của 1 ô là cặp tên cột và tên hàng mà ô nằm trên đó.</p> <p>+ Khối: Là tập hợp các ô tính liên nhau tạo thành một vùng hình chữ nhật. Địa chỉ của khối là cặp địa chỉ của ô trên cùng bên trái và ô dưới cùng bên phải, được phân cách bằng dấu 2 chấm (:).</p>
Hoạt động 2:(20') Nhập dữ liệu vào trang tính	
<p>GV: Để nhập dữ liệu vào trang tính chúng ta phải thực hiện 3 bước sau:</p> <p>+ B1: Nháy chuột trái vào ô cần nhập.</p> <p>+ B2: Đưa dữ liệu vào từ bàn phím.</p> <p>+ B3: Nhấn phím Enter hoặc có thể chọn 1 ô tính khác.</p> <p>HS: Nghe giảng, ghi chép GV: Để sửa dữ liệu trong ô tính ta làm như thế nào? HS: Nháy đúp chuột vào ô cần sửa dữ liệu, thực hiện các thao tác sửa dữ liệu, nhấn phím Enter. GV: Nhận xét. HS: Ghi chép GV: Ở phần mềm soạn thảo Word, để di chuyển trên trang văn bản thì các em làm thế nào? HS: Sử dụng chuột và các thanh cuộn dọc, ngang</p> <p>Sử dụng các mũi tên trên bàn phím. GV: Trong chương trình bảng tính, chúng ta cũng làm tương tự như thế nếu muốn di chuyển trên trang tính. HS: Chú ý, ghi chép GV: Trong soạn thảo văn bản Word, muốn gõ chữ Việt chúng ta làm thế nào? HS: Cần có chương trình gõ tiếng Việt và phông chữ Việt. GV: Trong chương trình bảng tính, chúng</p>	<p>4. Nhập dữ liệu vào trang tính:</p> <p>a. <i>Nhập và sửa dữ liệu:</i> * <i>Nhập dữ liệu:</i> + B1: Nháy chuột trái vào ô cần nhập. + B2: Đưa dữ liệu vào từ bàn phím. + B3: Nhấn phím Enter * <i>Sửa dữ liệu:</i> + B1: Nháy đúp chuột vào ô cần sửa. + B2: Thực hiện các thao tác sửa dữ liệu bằng bàn phím. + B3: Nhấn phím Enter.</p> <p>b. Di chuyển trên trang tính: + Sử dụng chuột và các thanh cuộn dọc, ngang + Sử dụng các mũi tên trên bàn phím.</p>  <p>c. Gõ chữ Việt trên trang tính:</p> <p>+ Cần có chương trình gõ Tiếng Việt, vd như: Unikey, Vietkey + Có phông chữ Việt + Kiểu gõ và quy tắc gõ chữ Việt có dấu tương tự như chương trình soạn thảo mà các em đã học</p>

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
ta muốn gõ chữ Việt thì làm tương tự như trong chương trình Word.	

C. Hoạt động thực hành

D. Hoạt động ứng dụng.

E. Hoạt động bổ sung : Làm bài tập 1.10 sách bài tập.

IV. Củng cố

V. DẶN DÒ VÀ RÚT KINH NGHIỆM

Ngày Tháng 09 Năm 2020

Tiết 3:

I.

BÀI THỰC HÀNH SỐ 1: LÀM QUEN VỚI CHƯƠNG TRÌNH BẢNG TÍNH EXCEL

MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Khởi động và kết thúc Excel.
- Nhận biết các ô, hàng, cột trên bảng tính Excel.
- Cách di chuyển trên trang tính và nhập dữ liệu vào trang tính.

2. Kỹ năng:

- Biết khởi động và kết thúc phiên làm việc với Excel.
- Di chuyển và nhập liệu trên trang tính.

3. Thái độ: - Nghiêm túc có ý thức học tập.

4. Các năng lực, phương pháp cần hướng tới

- Các năng lực
 - NL giải quyết vấn đề
 - NL tự học
 - NL sáng tạo
 - NL giao tiếp
 - NL tự quản lý bản thân
 - NL sử dụng ngôn ngữ
 - NL hợp tác
 - NL sử dụng công nghệ thông tin
- Phương pháp và hình thức dạy học
 - Phương pháp dạy học, phương pháp hoạt động nhóm, phương pháp giao bài tập.
 - Hình thức dạy học : Dạy học trên lớp ; DH trên phòng máy tính, tự học, hoạt động nhóm.

II. CHUẨN BỊ:

- Giáo viên: Bài thực hành, phòng máy vi tính.
- Học sinh: Xem trước nội dung của bài thực hành.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. Hoạt động khởi động: (KT bài cũ, GT bài mới)

- KT bài cũ: Em hãy nêu các tính năng chung của các chương trình bảng tính?
- GT bài mới: (1') Ở tiết trước các em đã làm quen với chương trình bảng tính điện tử, tiết này chúng ta tiến hành thực nghiệm trên máy tính.

B. Hình thành kiến thức mới

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
<i>Hoạt động 1:(15')</i> Khởi động , lưu kết quả và thoát khỏi Excel.	
Gv: hãy nêu các cách để khởi động Excel.	<u>1. Khởi động Excel:</u>

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
<p>Hs: Từng em lên thực hiện trên máy tính cho các em còn lại quan sát.</p> <p>Gv: Dựa vào màn hình bảng tính nêu điểm giống và khác nhau giữa màn hình Word và Excel ?</p> <p>Hs: Chỉ ra sự giống và khác</p> <p>Gv: Để lưu file thì làm như thế nào?</p> <p>Hs: Lên tiến hành thao tác lưu ở máy giáo viên</p>	<p>Chọn Start\All program\ Microsoft Excel</p> <p>Nháy đúp chuột vào biểu tượng  trên desktop.</p> <p>2. Lưu kết quả và thoát khỏi Excel:</p> <p>a. Lưu file:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chọn File\Save hoặc sử dụng nút lệnh Save  <p>b. Thoát:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chọn File\Exit hoặc sử dụng nút lệnh  phía trên bên phải trang tính.
Hoạt động 2:(20') Thực hành làm theo yêu cầu của bài tập 1, 2 SGK.	
<p>Gv: Yêu cầu học sinh làm theo nhóm và viết thu hoạch vào giấy nộp ở cuối giờ?</p> <p>Hs: Tiến hành thực hành giải quyết các yêu cầu của bài tập, rút ra nhận xét cho từng bài.</p> <p>Gv: Giám sát, hướng dẫn các em việc thực hiện các bài tập của học sinh.</p> <p>Hs: Tiến hành lần lượt từng em thực hiện các thao tác.</p> <p>Chú ý: Em nào cũng phải được thực hiện ít nhất 1-2 lần các thao tác mà bài tập yêu cầu.</p>	<p>Bài tập 1:</p> <p>Khác: Có thanh công thức, cột, dòng, ô tính, bảng chọn Data.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảng chọn Data: Chứa các lệnh về xử lý dữ liệu - Hàng và cột chứa ô được chọn đổi màu. <p>Bài tập 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dữ liệu mới nhập vào sẽ xoá dữ liệu cũ của ô. - Phím Delete dùng để xoá dữ liệu trong ô.

C. Hoạt động ứng dụng

D. Hoạt động bổ sung: Học thuộc cách thức khởi động chương trình bảng tính Microsoft Excel và ghi nhớ các thao tác trên ô tính, nghiên cứu làm bài tập 3 SGK

IV. Củng cố

V. DẶN DÒ VÀ RÚT KINH NGHIỆM

Ngày Tháng 09 Năm 2020

Tiết 4:**I.**
**BÀI THỰC HÀNH SỐ 1:
LÀM QUEN VỚI CHƯƠNG TRÌNH BẢNG TÍNH EXCEL**
MỤC TIÊU.**1.Kiến thức :**

- Khởi động và kết thúc Excel.
- Nhận biết các ô, hàng, cột trên bảng tính Excel.
- Cách di chuyển trên trang tính và nhập dữ liệu vào trang tính.

2. Kỹ năng: Di chuyển và nhập số liệu một cách chính xác, phân biệt được dữ liệu kiểu số, kiểu ký tự.

3. Thái độ: Nghiêm túc, kiên nhẫn.

4. Các năng lực, phương pháp cần hướng tới

- Các năng lực
 - NL giải quyết vấn đề
 - NL tự học
 - NL sáng tạo
 - NL giao tiếp
 - NL tự quản lý bản thân
 - NL sử dụng ngôn ngữ
 - NL hợp tác
 - NL sử dụng công nghệ thông tin
- Phương pháp và hình thức dạy học
 - Phương pháp dạy học, phương pháp hoạt động nhóm, phương pháp giao bài tập.
 - Hình thức dạy học : Dạy học trên lớp ; DH trên phòng máy tính, tự học, hoạt động nhóm.

II. CHUẨN BỊ:

- Giáo viên: Bài thực hành, phòng máy vi tính.
- Học sinh: Xem trước nội dung của bài thực hành.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**A. Hoạt động khởi động: (KT bài cũ, GT bài mới)****B. Hình thành kiến thức mới**

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
Hoạt động 1:(30') Thực hành làm bài tập 3 SGK.	
Gv: Yêu cầu 1 hs thực hành một lần và lưu file với tên <i>danh sach lop em</i> Hs: Tiến hành làm bài tập.	Bài tập 3: - Nhập đúng nội dung. - Rút ra nhận xét về vị trí dữ liệu dạng số và dạng chữ trên ô tính. Dữ liệu kiểu số căn thẳng lề phải còn dữ liệu kiểu văn bản căn thẳng lề trái của ô tính.
Gv: Giám sát và hướng dẫn hs cách soạn thảo tiếng việt trên bảng tính.	- Lưu kết quả và thoát khỏi Excel:
Hoạt động 1:(10') Kiểm tra đánh giá	
Gv: Lần lượt kiểm tra từng bài làm của Hs và chỉ ra những yêu cầu chưa đạt được. Hs: Sửa lại bài làm. Gv Lưu ý những lỗi thường mắc phải. Hs: Chú ý ghi chép.	

Hoạt động của GV và HS	Nội dung

C. Hoạt động ứng dụng:

- Để kết thúc việc nhập dữ liệu cho một ô thì các em sử dụng phím gì?

Phím: Enter

- Sửa chữa nội dung cho 1 ô thì có mấy cách tiến hành.

2 cách:

-Nháy đúp chuột vào ô cần sửa.

- Nháy chọn ô cần sửa và nhấn phím F2.

D. Hoạt động bổ sung Về nhà em nào có máy thì thực hành lại, đọc trước bài các thành phần chính trên và dữ liệu trên trang tính.

IV. Củng cố

V. RÚT KINH NGHIỆM VÀ DẶN DÒ

Ngày 21 Tháng 09 Năm 2020

Tiết 5:**CÁC THÀNH PHẦN CHÍNH VÀ DỮ LIỆU TRÊN TRANG TÍNH****I. MỤC TIÊU:****1. Kiến thức:**

- Tìm hiểu các thành phần trên bảng tính.
- Thao tác chọn đối tượng trên Excel.

2. Kỹ năng: Hiểu được bảng tính là gì, chức năng của các thành phần cơ bản trên trang tính.

3. Thái độ: Nghiêm túc, có ý thức.

4. Các năng lực, phương pháp cần hướng tới

- Các năng lực
 - NL giải quyết vấn đề
 - NL sáng tạo
 - NL tự quản lý bản thân
 - NL hợp tác
 - NL tự học
 - NL giao tiếp
 - NL sử dụng ngôn ngữ
 - NL sử dụng công nghệ thông tin
- Phương pháp và hình thức dạy học
 - Phương pháp dạy học, phương pháp hoạt động nhóm, phương pháp giao bài tập.
 - Hình thức dạy học : Dạy học trên lớp ; DH trên phòng máy tính, tự học, hoạt động nhóm.

II. CHUẨN BỊ:

- Giáo viên: Giáo án, SGK, máy tính.
- Học sinh: Dụng cụ học tập, sách, vở, xem trước bài mới.

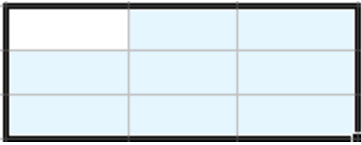
III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

1. **Ổn định tổ chức** (1'):

2. **Kiểm tra bài cũ**: (5') Em hãy nêu các cách để khởi động chương trình bảng tính Excel?

3. **Bài mới**: **Đặt vấn đề**: (1') Với cửa sổ của Excel mà các em đã học ở các tiết trước, các em đã nắm hết các chức năng của các thành phần trên đó chưa?. Tiết học hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu sâu hơn về các thành phần đó.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
<i>Hoạt động 1: (10') Tìm hiểu cấu trúc của bảng tính</i>	
Gv: Thế nào gọi là Bảng tính ? Hs: trả lời Gv: Vậy số lượng các trang tính có bị giới hạn không? Hs: Trả lời Gv: Nêu cách đổi tên trang tính, chèn thêm trang tính Hs: Ghi bài	1. Bảng tính: - Bảng tính được tạo thành từ các trang tính + Trang tính bao gồm các ô, cột, hàng. + Trang tính được kích hoạt là trang tính đang được hiển thị trên màn hình, có nhãn trang màu trắng, tên trang viết bằng chữ đậm. + Mỗi bảng tính chứa rất nhiều trang tính. + Đổi tên trang tính: Nháy chuột phải vào tên trang tính cần đổi, chọn Rename + Chèn trang tính: Nháy chuột phải vào tên trang tính cần chèn, chọn Insert\Worksheet.
<i>Hoạt động 2: (25') Tìm hiểu các thành phần trên trang tính.</i>	
Gv: Ngoài các thành phần của trang tính như ô tính, hàng, cột thì còn có các thành phần gì nữa?	- Hộp tên: Là ô hiển thị địa chỉ của ô được chọn. <div style="border: 1px solid black; padding: 2px; display: inline-block;">B4</div>

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
<p>Hs: Nêu Hộp tên, Khối, Thanh công thức</p> <p>Gv: Rút ra kết luận và lấy ví dụ về khối ô.</p> <p>Hs: Chỉ ra tên hàng, tên cột</p> <p>Gv: Ví dụ minh họa cụ thể.</p> <p>Hs: Lắng nghe, ghi chép</p>	<p>- Khối: là nhóm ô liên kề nhau tạo thành hình chữ nhật.</p> <p>Vd: C3:H6</p>  <p>- Thanh công thức: Cho biết nội dung của ô đang được chọn.</p> <p>✗ ✓ fx </p>

4. Kết luận củng cố: (3')

- Bảng tính có nhiều trang tính.
- Các thành phần chính trên trang tính: các hàng, các cột, ô tính, hộp tên, khối, thanh công thức.

Ngày Tháng 09 Năm 2020

Tiết 6:**CÁC THÀNH PHẦN CHÍNH VÀ DỮ LIỆU
TRÊN TRANG TÍNH****I. MỤC TIÊU:****1. Kiến thức:**

- Hiểu được vai trò của thanh công thức.
- Phân biệt được dữ liệu kiểu số và dữ liệu kiểu kí tự trên trang tính.

2. Kỹ năng:

- Cách chọn các đối tượng trên trang tính, di chuyển trên trang tính và nhập dữ liệu vào trang tính, sửa chữa dữ liệu trên ô tính.

3. Thái độ:

- Nghiêm túc, có ý thức, nhận thức được việc biết cách lựa chọn các thành phần của trang tính cũng như phân biệt các kiểu dữ liệu trên trang tính.

4. Các năng lực, phương pháp cần hướng tới

- Các năng lực
 - NL giải quyết vấn đề
 - NL tự học
 - NL sáng tạo
 - NL giao tiếp
 - NL tự quản lý bản thân
 - NL sử dụng ngôn ngữ
 - NL hợp tác
 - NL sử dụng công nghệ thông tin
- Phương pháp và hình thức dạy học
 - Phương pháp dạy học, phương pháp hoạt động nhóm, phương pháp giao bài tập.
 - Hình thức dạy học : Dạy học trên lớp ; DH trên phòng máy tính, tự học, hoạt động nhóm.

II. CHUẨN BỊ:

- Giáo viên: Giáo án, SGK, máy tính.
- Học sinh: Dụng cụ học tập, sách, vở, xem trước bài mới.

III. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP:

1. Ổn định tổ chức (1’):
2. Kiểm tra bài cũ: Trên trang tính gồm những thành phần nào?
3. Bài mới:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
Hoạt động 1:(15’) Chọn các đối tượng trên trang tính	
GV: Quan sát hình vẽ 15 SGK và cho thầy biết cách chọn các đối tượng trên trang tính. HS: Trả lời GV: Nhận xét và tổng kết lại HS: lắng nghe, ghi chép GV: Cho HS quan sát các hình vẽ 16 -19 trong sách giáo khoa và rút ra nhận xét. HS: Tập trung nghiên cứu và phát biểu. GV: Hãy quan sát hình vẽ 19 SGK, em hãy cho biết có gì khác so với các hình vẽ	3. Chọn các đối tượng trên trang tính. <ul style="list-style-type: none"> - Chọn 1 ô: Đưa con trỏ chuột đến ô đó nhấp chuột - Chọn 1 hàng: Nháy chuột vào tên hàng cần chọn - Chọn 1 cột: Nháy chuột vào tên cột - Chọn 1 khối: Kéo thả chuột từ 1 ô góc đến ô góc đối diện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
khác? HS: Có 2 khối ô được chọn, đó là C6:D10 và F6:F12 GV: Vậy để chọn đồng thời nhiều khối khác nhau chúng ta làm thế nào? HS: Trả lời GV: Tổng kết lại	- Chọn đồng thời nhiều khối:
Hoạt động 2:(15') Tìm hiểu các loại dữ liệu trên trang tính	
GV: Em hãy cho thầy biết trên trang tính có những loại dữ liệu gì? HS: Có dữ liệu số, chữ GV: Đưa ra kết luận HS Nghe giảng, ghi chép GV: Em hãy quan sát hình ảnh và cho thầy biết dữ liệu nào là dữ liệu kiểu ký tự, dữ liệu nào là dữ liệu kiểu số? HS: lần lượt nhận dạng các kiểu dữ liệu GV: Nhận xét câu trả lời của học sinh. HS: Lắng nghe, ghi chép.	4. Dữ liệu trên trang tính: a. Dữ liệu số: - Là các số 0,1..., 9, dấu cộng (+) chỉ số dương, dấu trừ (-) chỉ số âm và dấu % chỉ tỉ lệ phần trăm. VD: 120; +38; -150.... - Ở chế độ ngầm định, dữ liệu kiểu số được căn thẳng lề phải trong ô tính. - Thông thường, dấu phẩy (,) được dùng để phân cách hàng nghìn, hàng triệu..., dấu chấm (.) để phân cách phần nguyên và phần thập phân. b. Dữ liệu ký tự: - Là các dãy các chữ cái, chữ số và các ký hiệu. VD: Lớp 7A, Cộng hòa.... - Ở chế độ ngầm định, dữ liệu kiểu ký tự căn thẳng lề trái trong ô tính.
Hoạt động 2:(10') Trắc nghiệm kiến thức	
GV: Cụm từ “F8” trong hộp tên có nghĩa là: HS: C GV: Trang tính có thể chứa dữ liệu thuộc kiểu nào sau đây? HS: D GV: Tổng kết lại HS: Ghi chép	Câu 1:Cụm từ “F8”trong hộp tên có nghĩa là: A. Phím chức năng F8 B. Phong chữ hiện thời là F8 C. Ô ở cột F hàng 5 D. Ô ở hàng F cột 5 Câu 2: Trang tính có thể chứa dữ liệu thuộc kiểu nào sau đây? A. Ký tự B. Số C. Thời gian D. Tất cả các kiểu dữ liệu trên

4. Kết luận củng cố: (3')

- Các thành phần chính trên trang tính, cách chọn các đối tượng đó.
- Các kiểu dữ liệu trên trang tính

5.Dặn dò: Về nhà học bài chuẩn bị trước bài TH2

BÀI THỰC HÀNH SỐ 2
LÀM QUEN VỚI CÁC KIỂU DỮ LIỆU TRÊN TRANG TÍNH
I. MỤC TIÊU:**1. Kiến thức:**

- Phân biệt được bảng tính, trang tính và các thành phần chính của trang tính
- Mở và lưu bảng tính trên máy tính.

2. Kỹ năng:

- Cách chọn các đối tượng trên trang tính và nhập dữ liệu vào trang tính, sửa chữa dữ liệu trên ô tính.

3. Thái độ: - Nghiêm túc, tự giác, có ý thức học tập.**4. Các năng lực, phương pháp cần hướng tới**

- Các năng lực
 - NL giải quyết vấn đề
 - NL tự học
 - NL sáng tạo
 - NL giao tiếp
 - NL tự quản lý bản thân
 - NL sử dụng ngôn ngữ
 - NL hợp tác
 - NL sử dụng công nghệ thông tin
- Phương pháp và hình thức dạy học
 - Phương pháp dạy học, phương pháp hoạt động nhóm, phương pháp giao bài tập.
 - Hình thức dạy học : Dạy học trên lớp ; DH trên phòng máy tính, tự học, hoạt động nhóm.

II. CHUẨN BỊ:

- Giáo viên: Bài thực hành, phòng máy vi tính.
- Học sinh: Xem trước nội dung của bài thực hành.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

1. Ổn định tổ chức (1')
2. Kiểm tra bài cũ: Trang tính gồm có loại dữ liệu nào?
3. Bài mới:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
Hoạt động 1:(20) Khởi động và thoát khỏi Excel.	
GV: Yêu cầu hs mở chương trình bảng tính hoặc mở 1 bảng tính đã được lưu trên máy. Hs: Thực hiện trên máy tính . Gv: Nêu 2 cách lưu bảng tính Nếu mở bảng tính mới thì lưu bảng tính đó. Nếu mở một bảng tính có sẵn thì lưu với tên khác. HS: Thực hành Hs: Chỉ ra sự giống và khác Gv: Để lưu file thì làm như thế nào? Hs: Lên tiến hành thao tác lưu ở máy	1. Khởi động Excel: - Chọn Start\All program\ Microsoft Excel- Nháy đúp chuột vào biểu tượng  trên desktop. 2. Lưu kết quả và thoát khỏi Excel: a. Lưu file: - Chọn File\Save hoặc sử dụng nút lệnh Save  - Chọn File/Save as nếu lưu với tên khác. b. Thoát: - Chọn File\Exit hoặc sử dụng nút lệnh  phía trên bên phải trang tính.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
giáo viên	
<i>Hoạt động 2:(23') Tìm hiểu các thành phần chính của trang tính.</i>	
Gv: Giới thiệu cho Hs thao tác chọn một số đối tượng trên trang tính, phân biệt một số thành phần trên trang tính và yêu cầu các em làm theo. Gọi Hs lên bảng cho HS thực hiện theo đề bài và trả lời. Gọi 1 số em nhận xét.	<i>Bài tập 1: Tìm hiểu các thành phần chính của trang tính</i>

BÀI THỰC HÀNH SỐ 2
LÀM QUEN VỚI CÁC KIỂU DỮ LIỆU TRÊN TRANG TÍNH**I. MỤC TIÊU:****1. Kiến thức:**

- Phân biệt được bảng tính, trang tính và các thành phần chính của trang tính
- Mở và lưu bảng tính trên máy tính.

2. Kỹ năng:

- Cách chọn các đối tượng trên trang tính và nhập dữ liệu vào trang tính, sửa chữa dữ liệu trên ô tính.

3. Thái độ:

- Nghiêm túc, tự giác, có ý thức học tập.

4. Các năng lực, phương pháp cần hướng tới

- Các năng lực
 - NL giải quyết vấn đề
 - NL tự học
 - NL sáng tạo
 - NL giao tiếp
 - NL tự quản lý bản thân
 - NL sử dụng ngôn ngữ
 - NL hợp tác
 - NL sử dụng công nghệ thông tin
- Phương pháp và hình thức dạy học
 - Phương pháp dạy học, phương pháp hoạt động nhóm, phương pháp giao bài tập.
 - Hình thức dạy học : Dạy học trên lớp ; DH trên phòng máy tính, tự học, hoạt động nhóm.

II. CHUẨN BỊ:

- Giáo viên: Bài thực hành, phòng máy vi tính.
- Học sinh: Xem trước nội dung của bài thực hành.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

1. Ôn định tổ chức (1')
2. Kiểm tra bài cũ: Không
3. Bài mới:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
<i>Hoạt động 3:(14') Chọn các đối tượng trên trang tính.</i>	
GV: cho HS thực hiện theo đề bài và trả lời HS: Thực hành	<i>Bài tập 1: Chọn các đối tượng trên trang tính</i>
<i>Hoạt động 4:(20') Mở bảng tính và nhập dữ liệu vào trang tính.</i>	
GV: Yêu cầu học sinh mở bảng tính và nhập dữ liệu theo đề bài. HS: Thực hiện theo yêu cầu bài làm.	<i>Bài tập 3: Mở bảng tính</i> <i>Bài tập 4: Nhập dữ liệu vào trang tính</i>

4. Kết luận củng cố: (10')

- Tiến hành chấm điểm cho các nhóm và chỉ ra những yêu cầu chưa đạt được.

- Lưu ý những lỗi thường mắc phải và cách khắc phục

5. Dặn dò: về xem lại bài, chuẩn bị bài luyện gõ phím nhanh bằng Typing test

CHỦ ĐỀ 2: LUYỆN GÕ

Tuần 5

Tiết:9

Ngày soạn:

Ngày dạy:

LUYỆN GÕ PHÍM NHANH BẰNG TYPING TEST

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Nắm được các chức năng của các nút lệnh lựa chọn trên phần mềm

2. Kỹ năng: Luyện tập gõ nhanh, chính xác.

3. Thái độ: - Nghiêm túc, có ý thức.

4. Các năng lực, phương pháp cần hướng tới

- Các năng lực
 - NL giải quyết vấn đề
 - NL tự học
 - NL sáng tạo
 - NL giao tiếp
 - NL tự quản lý bản thân
 - NL sử dụng ngôn ngữ
 - NL hợp tác
 - NL sử dụng công nghệ thông tin
- Phương pháp và hình thức dạy học
 - Phương pháp dạy học, phương pháp hoạt động nhóm, phương pháp giao bài tập.
 - Hình thức dạy học : Dạy học trên lớp ; DH trên phòng máy tính, tự học, hoạt động nhóm.

II. PHƯƠNG PHÁP:

- Vấn đáp và thuyết trình.

II. CHUẨN BỊ:

- Giáo viên: Giáo án, SGK, máy tính, phần mềm Typing test.
- Học sinh: Dụng cụ học tập, sách, vở, xem trước bài mới.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

1. Ổn định tổ chức (1'):

2. Kiểm tra bài cũ: (15')

Câu 1: Hãy nêu các thành phần chính trên trang tính?

Câu 2: Trang tính có những kiểu dữ liệu nào?

Câu 3: Khi một khối được chọn thì ô nào được kích hoạt?

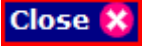
3. Bài mới:

Đặt vấn đề: (1') Trong khi làm việc với máy vi tính, chúng ta cần biết cách gõ 10 ngón tay để tăng tốc độ nhập liệu. Ở lớp 6, chúng ta đã từng sử dụng qua phần mềm Mario để luyện gõ phím. Hôm nay chúng ta sẽ được nghiên cứu một phần mềm khác có cùng chức năng như thế thông qua các trò chơi nhỏ.

2. Triển khai bài:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
<i>Hoạt động 1: (10') Tìm hiểu phần mềm Typing test</i>	
GV: Giới thiệu sơ lược về phần mềm luyện gõ phím Typing Test. Đây là một phần mềm chơi mà học - học mà chơi HS: Theo dõi, ghi bài GV: Vậy phần mềm này có tác dụng gì? HS: Giúp cho chúng ta luyện tập gõ phím nhanh và chính xác.	<p>1. Giới thiệu phần mềm: Typing Test là phần mềm luyện gõ phím nhanh bằng 10 ngón thông qua một số trò chơi đơn giản..</p> <p>2. Khởi động phần mềm:</p>

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
<p>GV: Em nào cho thầy biết cách khởi động phần mềm này?</p> <p>HS: Nháy đúp vào biểu tượng  trên desktop</p> <p>GV: Nhận xét> Ngoài ra các em có thể vào Start → Programs → Typing Test → Free Typing Test.</p> <p>HS: Theo dõi, lắng nghe, ghi chép</p> <p>GV: Giới thiệu màn hình của phần mềm.</p> <p>Gõ tên người luyện tập vào mục nào?</p> <p>HS: Vào mục Enter Your Name</p> <p>GV: Hướng dẫn các bước để vào trò chơi</p> <p>HS: Lắng nghe, quan sát, ghi chép</p>	<p>Cách 1: Nháy đúp chuột vào biểu tượng  trên màn hình nền.</p> <p>Cách 2: Vào Start → Programs → Typing Test → Free Typing Test.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gõ tên người luyện tập vào mục Enter your name. - Nháy chuột vào nút  tại vị trí góc phải bên dưới màn hình để qua bước tiếp theo. - Nháy chuột tại dòng chữ Warm up games để chuyển sang màn hình lựa chọn trò chơi. - Để bắt đầu mỗi trò chơi, chọn loại nhóm từ vựng trong mục Vocabulary hoặc With <p>Keys → nháy vào nút  để vào trò chơi.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 4 trò chơi tương ứng: <ul style="list-style-type: none"> + Bubbles (bong bóng) + ABC (bảng chữ cái) + Clouds (đám mây) + Wordtris (gõ từ nhanh)
Hoạt động 2:(25') Tìm hiểu các trò chơi của chương trình.	
<p>GV: Giới thiệu cách chơi trò chơi và thao tác mẫu cho HS thấy.</p> <p>Gọi 1 HS lên thao tác cho tất cả cùng xem.</p> <p>HS: Chú ý quan sát</p> <p>GV: Lưu ý HS phân biệt chữ hoa và chữ thường.</p> <p>GV: Hướng dẫn HS luyện kỹ năng gõ những bong bóng có màu sắc chuyển động nhanh trước.</p> <p>HS: lắng nghe, ghi chép</p> <p>GV: Giới thiệu cách chơi trò chơi và thao tác mẫu cho HS thấy.</p> <p>Gọi 1 HS lên thao tác cho tất cả cùng xem.</p>	<p>3. Trò chơi Bubbles (bong bóng):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các bọt khí bay từ dưới lên trên, trong các bọt khí có các chữ cái. Gõ chính xác chữ cái đó thì bọt khí biến mất. - Nếu gõ sai hoặc không gõ kịp để bọt khí chạm vào khung trên màn hình thì bị tính là bỏ qua. <p>* Lưu ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cần phân biệt chữ in hoa và chữ thường (gõ chữ in hoa với phím Shift). - Cần ưu tiên các bọt khí chuyển động nhanh hơn. - Score: điểm của người chơi. - Missed: số chữ bị bỏ qua. <p>4. Trò chơi ABC (bảng chữ cái):</p>

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
<p>HS: Lên bảng thao tác</p> <p>Lưu ý HS gõ nhanh và chính xác</p> <p>GV: Giới thiệu cách chơi trò chơi và thao tác mẫu cho HS thấy.</p> <p>Gọi 1 HS lên thao tác cho tất cả cùng xem.</p> <p>HS: Lên bảng thao tác</p> <p>Lưu ý HS gõ nhanh và chính xác</p> <p>GV: Giới thiệu cách chơi trò chơi và thao tác mẫu cho HS thấy.</p> <p>Gọi 1 HS lên thao tác cho tất cả cùng xem.</p> <p>HS: Lên bảng thao tác</p> <p>Lưu ý HS gõ nhanh và chính xác</p> <p>GV: Giới thiệu cách kết thúc phần mềm</p> <p>HS: Lắng nghe, ghi chép</p>	<p>- Một dãy các chữ cái xuất hiện theo vòng tròn.</p> <p>- Gõ chữ cái sáng màu đầu tiên và tiếp tục theo thứ tự xuất hiện của chúng.</p> <p>* Lưu ý:</p> <p>- Cần gõ nhanh và chính xác để hoàn thành trong 5 phút.</p> <p>- Score: điểm của người chơi.</p> <p>- Time: thời gian thi hành.</p> <p>5. Trò chơi Clouds (đám mây):</p> <p>- Xuất hiện các đám mây chuyển động từ phải sang trái. Có 1 đám mây được đóng khung, nếu xuất hiện chữ tại đám mây đó thì gõ đúng theo từ xuất hiện để đám mây biến mất.</p> <p>- Dùng phím Space hoặc Enter để chuyển sang đám mây tiếp theo.</p> <p>- Dùng phím Backspace để quay lại đám mây đã qua.</p> <p>* Lưu ý:</p> <p>- Cần quan sát kỹ, chuyển đám mây nhanh và gõ chính xác, chỉ bỏ qua tối đa sáu từ.</p> <p>- Score: điểm của người chơi.</p> <p>- Missed: số chữ bị bỏ qua.</p> <p>6. Trò chơi Wordtris (gõ từ nhanh):</p> <p>- Xuất hiện các thanh chữ rơi dần xuống khung chữ U.</p> <p>- Cần gõ nhanh và chính xác dòng chữ trên thanh rồi nhấn phím Spacebar để thanh chữ biến mất, ngược lại, thanh sẽ nằm lại trong khung.</p> <p>* Lưu ý:</p> <p>- Cần gõ nhanh và chính xác.</p> <p>- Khung chỉ chứa tối đa 6 thanh gõ.</p> <p>7. Kết thúc phần mềm:</p> <p>Nháy chuột vào vị trí  trên góc phải màn hình.</p>

4. Kết luận củng cố: (3')

- Cách khởi động trò chơi.
- Các trò chơi của chương trình.

LUYỆN GÕ PHÍM NHANH BẰNG TYPING TEST**I. MỤC TIÊU:****1. Kiến thức:**

- Nắm được các chức năng của các nút lệnh lựa chọn trên phần mềm

2. Kỹ năng: Luyện tập gõ nhanh, chính xác thông qua các trò chơi.**3. Thái độ:** Nghiêm túc, kiên nhẫn.**4. Các năng lực, phương pháp cần hướng tới**

- Các năng lực
 - NL giải quyết vấn đề
 - NL tự học
 - NL sáng tạo
 - NL giao tiếp
 - NL tự quản lý bản thân
 - NL sử dụng ngôn ngữ
 - NL hợp tác
 - NL sử dụng công nghệ thông tin
- Phương pháp và hình thức dạy học
 - Phương pháp dạy học, phương pháp hoạt động nhóm, phương pháp giao bài tập.
 - Hình thức dạy học : Dạy học trên lớp ; DH trên phòng máy tính, tự học, hoạt động nhóm.

II. CHUẨN BỊ:

- Giáo viên: Giáo án, SGK, phòng máy tính, phần mềm Typing test.
- Học sinh: Dụng cụ học tập, sách, vở.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

1. Ôn định tổ chức (1’):
2. Kiểm tra bài cũ: Không
3. Bài mới:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
<i>Hoạt động 1:(34’) Thực hành và tìm hiểu phần mềm</i>	
<i>Hoạt động 2:(10’) Kết thúc.</i>	
GV: Yêu cầu HS thoát khỏi phần mềm và tắt máy tính. HS: Thao tác GV: Nhận xét đánh giá tiết thực hành? - Những cái đã đạt được, những cái chưa đạt được. Cần tập luyện thêm gì? Cách khắc phục. HS: Lắng nghe, tiếp thu	

LUYỆN GÕ PHÍM NHANH BẰNG TYPING TEST**I. MỤC TIÊU:**

1. Kiến thức:

- Nắm được các chức năng của các nút lệnh lựa chọn trên phần mềm

2. Kỹ năng:

- Luyện tập gõ nhanh, chính xác thông qua các trò chơi.

3. Thái độ:

- Nghiêm túc, kiên nhẫn.

4. Các năng lực, phương pháp cần hướng tới

- Các năng lực
 - NL giải quyết vấn đề
 - NL tự học
 - NL sáng tạo
 - NL giao tiếp
 - NL tự quản lý bản thân
 - NL sử dụng ngôn ngữ
 - NL hợp tác
 - NL sử dụng công nghệ thông tin
- Phương pháp và hình thức dạy học
 - Phương pháp dạy học, phương pháp hoạt động nhóm, phương pháp giao bài tập.
 - Hình thức dạy học : Dạy học trên lớp ; DH trên phòng máy tính, tự học, hoạt động nhóm.

II. PHƯƠNG PHÁP:

- Thực hành.

II. CHUẨN BỊ:

- Giáo viên: Giáo án, SGK, phòng máy tính, phần mềm Typing test.
- Học sinh: Dụng cụ học tập, sách, vở.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

1. Ổn định tổ chức (1'.
2. Kiểm tra bài cũ: Không
3. Bài mới:
 1. **Đặt vấn đề:**
 2. **Triển khai bài:**

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
<i>Hoạt động 1:(35') Thực hành và tìm hiểu phần mềm</i>	
GV: Yêu cầu HS khởi động máy tính và khởi động phần mềm Typing test. HS: Thao tác trên máy	<p>1. Khởi động phần mềm Typing test</p> <p>Cách 1: Nháy đúp chuột vào biểu tượng  trên màn hình nền.</p> <p>Cách 2: Vào Start → Programs → Typing Test → Free Typing Test.</p> <p>- Gõ tên người luyện tập vào mục Enter your name.</p> <p>- Nháy chuột vào nút  tại vị trí góc phải bên dưới màn hình để qua bước tiếp theo.</p>

GV: Theo dõi các em thực hành để hướng dẫn, khắc phục những sai sót của các em
HS: Lắng nghe, rút kinh nghiệm

- Nháy chuột tại dòng chữ **Warm up games** để chuyển sang màn hình lựa chọn trò chơi.

- Để bắt đầu mỗi trò chơi, chọn loại nhóm từ vựng trong mục **Vocabulary** hoặc **With**

Keys → nháy vào nút  để vào trò chơi.

2. Trò chơi bong bóng:

2. Trò chơi ABC:

<i>Hoạt động 2:(10') Kết thúc.</i>	
GV: Yêu cầu HS thoát khỏi phần mềm và tắt máy tính. HS: Thao tác GV: Nhận xét đánh giá tiết thực hành? - Những cái đã đạt được, những cái chưa đạt được. Cần tập luyện thêm gì? Cách khắc phục. HS: Lắng nghe, tiếp thu	5. Kết thúc:

LUYỆN GÕ PHÍM NHANH BẰNG TYPING TEST**I. MỤC TIÊU:****1. Kiến thức:**

- Nắm được các chức năng của các nút lệnh lựa chọn trên phần mềm

2. Kỹ năng:

- Luyện tập gõ nhanh, chính xác thông qua các trò chơi.

3. Thái độ:

- Nghiêm túc, kiên nhẫn.

4. Các năng lực, phương pháp cần hướng tới

- Các năng lực
 - NL giải quyết vấn đề
 - NL tự học
 - NL sáng tạo
 - NL giao tiếp
 - NL tự quản lý bản thân
 - NL sử dụng ngôn ngữ
 - NL hợp tác
 - NL sử dụng công nghệ thông tin
- Phương pháp và hình thức dạy học
 - Phương pháp dạy học, phương pháp hoạt động nhóm, phương pháp giao bài tập.
 - Hình thức dạy học : Dạy học trên lớp ; DH trên phòng máy tính, tự học, hoạt động nhóm.

II. PHƯƠNG PHÁP:

- Thực hành.

II. CHUẨN BỊ:

- Giáo viên: Giáo án, SGK, phòng máy tính, phần mềm Typing test.
- Học sinh: Dụng cụ học tập, sách, vở.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

1. Ổn định tổ chức (1').
2. Kiểm tra bài cũ: Không
3. Bài mới:

1. Đặt vấn đề:**2. Triển khai bài:**

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
Hoạt động 1:(35') Thực hành và tìm hiểu phần mềm	
GV: Yêu cầu HS khởi động máy tính và khởi động phần mềm Typing test. HS: Thao tác trên máy	<p>1. Khởi động phần mềm Typing test</p> <p>Cách 1: Nháy đúp chuột vào biểu tượng  trên màn hình nền.</p> <p>Cách 2: Vào Start → Programs → Typing Test → Free Typing Test.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gõ tên người luyện tập vào mục Enter your name. - Nháy chuột vào nút  tại vị trí góc

phải bên dưới màn hình để qua bước tiếp theo.

- Nháy chuột tại dòng chữ **Warm up games** để chuyển sang màn hình lựa chọn trò chơi.

- Để bắt đầu mỗi trò chơi, chọn loại nhóm từ vừng trong mục **Vocabulary** hoặc **With**

Keys → nháy vào nút  để vào trò chơi.

GV: Theo dõi các em thực hành để hướng dẫn, khắc phục những sai sót của các em
HS: Lắng nghe, rút kinh nghiệm

3. Trò chơi đám mây

	4. Trò chơi gõ từ nhanh
Hoạt động 2: (7') Kết thúc.	
GV: Yêu cầu HS thoát khỏi phần mềm và tắt máy tính. HS: Thao tác GV: Nhận xét đánh giá tiết thực hành? - Những cái đã đạt được, những cái chưa đạt được. Cần tập luyện thêm gì? Cách khắc phục. HS: Lắng nghe, tiếp thu	5. Kết thúc:

4. Kết luận củng cố: (3')

- Cách khởi động trò chơi.
- Các trò chơi của chương trình.
- Về nhà các em tập gõ bàn phím

5. Dặn dò: Về nhà đọc trước bài thực hiện tính toán trên trang tính.

CHỦ ĐỀ 3: THỰC HIỆN TÍNH TOÁN VÀ SỬ DỤNG HÀM TRONG CHƯƠNG TRÌNH BẢNG TÍNH

Tuần 7
Tiết:13

Ngày soạn:
Ngày dạy:

Bài 3: THỰC HIỆN TÍNH TOÁN TRÊN TRANG TÍNH

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- HS nắm bắt được các thao tác tính toán bằng cách sử dụng các công thức.

2. Kỹ năng:

- Biết cách nhập các công thức thông thường và công thức địa chỉ để tính toán trong chương trình bảng tính.

3. Thái độ:

- Hiểu được tính năng ưu việt của chương trình bảng tính là tính toán.
- Hiểu được ưu điểm của việc sử dụng công thức chứa địa chỉ so với việc sử dụng công thức thông thường.
- Tập trung, nghiêm túc.

4. Các năng lực, phương pháp cần hướng tới

- Các năng lực
 - NL giải quyết vấn đề
 - NL tự học
 - NL sáng tạo
 - NL giao tiếp
 - NL tự quản lý bản thân
 - NL sử dụng ngôn ngữ
 - NL hợp tác
 - NL sử dụng công nghệ thông tin
- Phương pháp và hình thức dạy học
 - Phương pháp dạy học, phương pháp hoạt động nhóm, phương pháp giao bài tập.
 - Hình thức dạy học : Dạy học trên lớp ; DH trên phòng máy tính, tự học, hoạt động nhóm.

II. CHUẨN BỊ:

- Giáo viên: Giáo án, SGK, máy tính, máy chiếu.
- Học sinh: Dụng cụ học tập, sách, vở, xem trước bài mới.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

1. Ổn định tổ chức (1')
2. Kiểm tra bài cũ: Không
3. Bài mới:

Đặt vấn đề: (1') Ở các bài học trước, chúng ta đã biết được chương trình bảng tính là gì và công dụng của nó. Một trong những khả năng của chương trình bảng tính đó là khả năng tính toán. Vậy, các phép toán sẽ được viết trong chương trình bảng tính như thế nào? Cách viết công thức tính toán trong bảng tính có gì khác so với cách viết thông thường? Chúng ta sẽ cùng tìm hiểu trong bài học ngày hôm nay.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
<i>Hoạt động 1:(15') Sử dụng công thức để tính toán</i>	
GV: Em nào có thể cho thầy biết các phép toán trong toán học?	1. Sử dụng công thức để tính toán

Hoạt động của GV và HS	Nội dung		
<p>HS: Cộng, trừ, nhân, chia, lũy thừa, phần trăm</p> <p>GV: Nhận xét câu trả lời. Ký hiệu các phép toán trong toán học.</p> <p>HS: Trả lời +; -; x; ÷; %</p> <p>GV: Nhận xét và tổng kết lại: Chúng ta có thể thực hiện tất cả những phép toán trên trong chương trình bảng tính. Nhưng các ký hiệu các phép toán trên có một số thay đổi như sau:</p> <p>GV: Trình chiếu lên màn hình bảng ký hiệu toán học.</p> <p>HS: Quan sát, nghe giảng.</p> <p>GV: Yêu cầu HS thực hiện các phép tính ở dưới lớp. Sau 1, 2 phút, gọi 1 học sinh lên đọc đáp án của mình. Cả lớp nhận xét và góp ý.</p> <p>(23+4)/3-6</p> <p>8-2^3+5</p> <p>50+5*3^2-9</p> <p>(20-30/3)^2-80</p> <p>(7*7-9):5</p> <p>GV: Đưa ra đáp án, nêu ra phương án sai để học sinh nhận thức rõ việc viết công thức trong bảng tính phải tuân thủ theo đúng cú pháp và các ký hiệu đã quy định.</p>	Phép toán	Toán học	Chương trình bảng tính
	Cộng	+	+
	Trừ	-	-
	Nhân	x	*
	Chia	:	/
	Lũy thừa	5 ²	5 ²
	Phần trăm	%	%
<p>^, % để tính toán.</p> <p>- Trong bảng tính cũng cần thực hiện thứ tự phép tính:</p> <p>Biểu thức có dấu ngoặc “()”, “{ }”.</p> <p>+ Các phép toán lũy thừa, *, /, +, -.</p>			<p>- Trong bảng tính có thể sử dụng các phép tính: +, -, *, /,</p>
<p>Hoạt động 2:(20') Cách nhập công thức trong bảng tính</p>			
<p>GV: Yêu cầu HS quan sát hình 22 trong SGK.</p> <p>HS: Quan sát.</p> <p>GV: Mở bảng tính Excel và nhập công thức</p> <p>(40 – 12)/7+ (58+24)*6</p> <p>HS quan sát?</p> <p>GV: Có bao nhiêu bước để nhập công thức vào một ô tính?</p> <p>HS: trả lời.</p> <p>GV: Thực hiện mẫu các thao tác đó trên bảng tính.</p> <p>HS: Quan sát, lần lượt lên thực hiện trực tiếp trên máy.</p> <p>GV: Nhận xét</p> <p>GV: yêu cầu HS quan sát hình 23 SGK trang 23 ?</p>	<p>2. Nhập công thức:</p> <p>Có 4 bước để nhập công thức vào một ô:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Chọn ô cần nhập công thức.+ Gõ dấu =.+ Nhập công thức.+ Nhấn Enter để chấp nhận. <p>Lưu ý: Dấu =là dấu đầu tiên các em cần gõ khi nhập công thức vào 1 ô.</p>		

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
HS: Quan sát. GV: Nếu chọn một ô không có công thức và quan sát thanh công thức, em sẽ thấy nội dung trên thanh công thức giống với dữ liệu trong ô. Còn nếu trong ô là công thức các nội dung trong này sẽ khác nhau. HS: Chú ý quan sát và nghe giảng.	

4. Củng cố :

- Nhắc lại các bước để nhập công thức.
- Gọi 1 số em lên thực hành trên máy tính.

5. Dặn dò: Về nhà làm lại bài tập trả lời 4 câu hỏi trong SGK

Bài 3: THỰC HIỆN TÍNH TOÁN TRÊN TRANG TÍNH(tt)**I. MỤC TIÊU:**

1. **Kiến thức:**
 - HS nắm bắt được các thao tác tính toán bằng cách sử dụng các công thức.
2. **Kỹ năng:**
 - Biết cách nhập các công thức thông thường và công thức địa chỉ để tính toán trong chương trình bảng tính.
3. **Thái độ:**
 - Hiểu được tính năng ưu việt của chương trình bảng tính là tính toán.
 - Hiểu được ưu điểm của việc sử dụng công thức chứa địa chỉ so với việc sử dụng công thức thông thường.
 - Tập trung, nghiêm túc.
4. **Các năng lực, phương pháp cần hướng tới**
 - Các năng lực
 - NL giải quyết vấn đề
 - NL tự học
 - NL sáng tạo
 - NL giao tiếp
 - NL tự quản lý bản thân
 - NL sử dụng ngôn ngữ
 - NL hợp tác
 - NL sử dụng công nghệ thông tin
 - Phương pháp và hình thức dạy học
 - Phương pháp dạy học, phương pháp hoạt động nhóm, phương pháp giao bài tập.
 - Hình thức dạy học : Dạy học trên lớp ; DH trên phòng máy tính, tự học, hoạt động nhóm.

II. CHUẨN BỊ:

- Giáo viên: Giáo án, SGK, máy tính, máy chiếu.
- Học sinh: Dụng cụ học tập, sách, vở, xem trước bài mới.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

1. Ổn định tổ chức (1').
2. Bài cũ: Nhập công thức vào bảng tính Excel ta thực hiện những bước nào?
3. Bài mới:

Đặt vấn đề: (1') Ở tiết trước, chúng ta đã biết được cách sử dụng công thức để tính toán, tiết học này chúng ta sẽ tìm hiểu cách sử dụng địa chỉ trong công thức.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
<i>Hoạt động 1:(30') Sử dụng công thức để tính toán</i>	
GV: Trên thanh công thức hiển thị ô C5, điều đó có nghĩa là gì? HS: Suy nghĩ trả lời. GV: Em hãy cho thầy biết địa chỉ của một ô là gì? HS: Địa chỉ của một ô là cặp tên cột và tên hàng mà ô đó nằm trên. GV: Mở bảng tính Excel thực hành cho HS	<p>3. Sử dụng địa chỉ trong ô công thức</p> <p>Ví dụ:</p> $A1 = 25$ $B2 = 15$ <p>Trung bình cộng lại C3 là $(A1 + B2) / 2$.</p> <p>* Chú ý: Nếu giá trị của A1 hoặc B2</p>

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
<p>quan sát: Nhập dữ liệu $A1=25; B2=15$. Tính trung bình cộng tại ô $C3=(25+15)/2$. HS: Quan sát. GV: Nếu thay đổi dữ liệu trong ô B2 thì kết quả trong ô C3 có tự động thay đổi không? HS: Suy nghĩ trả lời. GV: Như vậy nếu dữ liệu trong ô B2 thì ta phải cập nhật công thức tại ô B2. HS: Nghe giảng. GV: Có một cách thay cho công thức $=(25+15)/2$ ta chỉ cần nhập công thức $=(A1+B2)/2$ vào ô C3. Thì dữ liệu trong ô C3 sẽ tự động cập nhật khi mỗi lần ta thay đổi dữ liệu của ô A1, B2. HS: Chú ý nghe giảng và ghi vở. GV: Vậy sử dụng công thức chứa địa chỉ có tiện lợi gì? HS: Trả lời. GV: Thao tác 1 vài lần trên máy HS: Quan sát và lần lượt lên bảng thực hiện</p>	<p>thay đổi thì ô C3 cũng thay đổi theo. - Vậy Sử dụng công thức chứa địa chỉ thì nội dung các ô liên quan sẽ tự động được cập nhật nếu nội dung các ô trong công thức bị thay đổi.</p>

4. Kết luận củng cố: (10')

- Chiếu lên màn hình các câu hỏi trắc nghiệm, gọi HS trả lời, GV nhận xét và tổng kết

5. Dặn dò: (3')

- Về nhà làm bài tập 3.3, 3.4 SBT
- Xem trước bài mới để chuẩn bị cho tiết thực hành tuần tới.

Tuần 8
Tiết:15

Ngày soạn:
Ngày dạy:

Bài thực hành 3: BẢNG ĐIỂM CỦA EM

I. MỤC TIÊU:

- 1. Kiến thức:** HS nắm bắt được các thao tác tính toán bằng cách sử dụng các công thức.
- 2. Kỹ năng:** Biết nhập và sử dụng công thức trên trang tính.
- 3. Thái độ:** Tập trung, nghiêm túc.
- 4. Các năng lực, phương pháp cần hướng tới**
 - Các năng lực
 - NL giải quyết vấn đề
 - NL tự học
 - NL sáng tạo
 - NL giao tiếp
 - NL tự quản lý bản thân
 - NL sử dụng ngôn ngữ
 - NL hợp tác
 - NL sử dụng công nghệ thông tin
 - Phương pháp và hình thức dạy học
 - Phương pháp dạy học, phương pháp hoạt động nhóm, phương pháp giao bài tập.
 - Hình thức dạy học : Dạy học trên lớp ; DH trên phòng máy tính, tự học, hoạt động nhóm.

II. CHUẨN BỊ:

- Giáo viên: Giáo án, SGK, phòng máy tính, máy chiếu.
- Học sinh: Dụng cụ học tập, sách, vở.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

1. Ổn định tổ chức (1')
2. Kiểm tra bài cũ: Nhập công gồm mấy bước? Lợi ích của việc nhập địa chỉ vào ô công thức?

3. Bài mới:

Đặt vấn đề: (1') Ở tiết trước, chúng ta đã biết được cách sử dụng công thức để tính toán, tiết học hôm nay các em sẽ vận dụng các kiến thức đã học để thực hành trên máy.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung												
Hoạt động 1:(15') Hướng dẫn HS cách sử dụng công thức để tính toán													
GV: Chiếu hình ảnh ký hiệu các phép toán trong chương trình bảng tính. GV: Các em hãy nhắc lại các bước nhập công thức vào trang tính? HS: Trả lời GV: Chiếu hình ảnh ví dụ nhập công thức = 20+15 tại ô A1	1. Nhập công thức: * Bài tập 1: - Nếu độ rộng của cột quá nhỏ không hiển thị hết dãy số quá dài, em sẽ thấy dãy các ký hiệu ## trong ô. Khi đó cần tăng độ rộng của ô để hiển thị hết các số. - Chú ý : Dấu = là dấu đầu tiên cần gõ khi nhập công thức vào một ô.												
Hoạt động 2:(20') Hướng dẫn HS cách sử dụng địa chỉ trong ô công thức													
GV: Đưa ra yêu cầu của bài tập HS: Thực hành trên máy GV: Quan sát HS thực hành, điều chỉnh sửa sai cho HS HS: Rút kinh nghiệm	2. Tạo trang tính và nhập công thức. * Bài tập 2: <table><tr><td></td><td>E</td><td>F</td><td>G</td><td>H</td><td>I</td></tr><tr><td>1</td><td>=A1+5</td><td>=A1*5</td><td>=A1+B2</td><td>=(A1+B2)*C4</td><td>=(A1+B2)*C4</td></tr></table>		E	F	G	H	I	1	=A1+5	=A1*5	=A1+B2	=(A1+B2)*C4	=(A1+B2)*C4
	E	F	G	H	I								
1	=A1+5	=A1*5	=A1+B2	=(A1+B2)*C4	=(A1+B2)*C4								

Hoạt động của GV và HS		Nội dung				
					/3	
	2	$=A1* C4$	$=B2- A1$	$= (A1+B 2)-C4$	$= (A1+ B2)/C4$	$=B2^A 1-C4$
	3	$=B2* C4$	$= (C4- A1)/ B2$	$= (A1+B 2)^2$	$= (B2+ C4)^2$	

4. củng cố: (8')

- Nhận xét lại các kết quả của từng nhóm học sinh, nêu ra cái đã làm được và cái chưa làm được, rút kinh nghiệm cho giờ học sau.

- Chiếu lên màn hình các câu hỏi trắc nghiệm, gọi HS trả lời, GV nhận xét và tổng kết.

5. Dặn dò: - Về nhà các em luyện tập thêm ở trên máy

Bài thực hành 3: BẢNG ĐIỂM CỦA EM**I. MỤC TIÊU:****1. Kiến thức:** HS nắm bắt được các thao tác tính toán bằng cách sử dụng các công thức.**2. Kỹ năng:** Biết nhập và sử dụng công thức trên trang tính.**3. Thái độ:** Tập trung, nghiêm túc.**4. Các năng lực, phương pháp cần hướng tới**

- Các năng lực
 - NL giải quyết vấn đề
 - NL tự học
 - NL sáng tạo
 - NL giao tiếp
 - NL tự quản lý bản thân
 - NL sử dụng ngôn ngữ
 - NL hợp tác
 - NL sử dụng công nghệ thông tin
- Phương pháp và hình thức dạy học
 - Phương pháp dạy học, phương pháp hoạt động nhóm, phương pháp giao bài tập.
 - Hình thức dạy học : Dạy học trên lớp ; DH trên phòng máy tính, tự học, hoạt động nhóm.

II. CHUẨN BỊ:

- Giáo viên: Giáo án, SGK, phòng máy tính, máy chiếu.
- Học sinh: Dụng cụ học tập, sách, vở.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

1. Ổn định tổ chức (1').
2. Kiểm tra bài cũ: Không
3. Bài mới:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
Hoạt động 1:(14') Thực hành lập và sử dụng công thức	
GV: Nêu yêu cầu của bài toán HS: Lắng nghe GV: Các em hãy cho thầy biết số tiền trong sổ tiết kiệm sau mỗi tháng được tính như thế nào? HS: Trả lời GV: Nhận xét và tổng kết lại Bảng gốc cộng lãi sau mỗi tháng. Lãi của mỗi tháng được tính bằng gốc nhân lãi suất và nhân với số tháng GV: Theo cách tính đó, các em hãy cho biết công thức nhập vào ô E3 như thế nào? HS: Công thức là: =B2+B2*B3*D3 GV: Nhận xét, tổng kết lại HS: Lắng nghe, suy nghĩ thực hành	3. Thực hành lập và sử dụng công thức: * Bài tập 3: Số tiền trong sổ: Bảng gốc cộng lãi sau mỗi tháng. Lãi của mỗi tháng được tính bằng gốc nhân lãi suất và nhân với số tháng Công thức là: =B2+B2*B3*D3
Hoạt động 2:(25') Thực hành lập một bảng tính	
GV: Sử dụng máy chiếu để dẫn dắt HS thực	4. Lập bảng tính và sử dụng công thức

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
hành trên máy HS: Vừa quan sát vừa thực hành GV: Chú ý những không sinh yếu để hướng dẫn cụ thể cho các em	

4. Kết luận củng cố: (4')

- Nhận xét lại các kết quả của từng nhóm học sinh, nêu ra cái đã làm được và cái chưa làm được, rút kinh nghiệm cho giờ học sau.

5. Dặn dò: (1')

- Về nhà các em luyện tập thêm ở trên máy
- Xem trước bài sử dụng hàm để tính toán

Bài 4: SỬ DỤNG CÁC HÀM ĐỂ TÍNH TOÁN**I. MỤC TIÊU:**

- Kiến thức:-** Biết khái niệm hàm sử dụng hàm, trong chương trình bảng tính
- Kỹ năng:-** Biết cách sử dụng hàm để giải quyết bài toán trong thực tế
- Thái độ:** Tập trung, nghiêm túc, nhận thức được việc sử dụng các hàm.
- Các năng lực, phương pháp cần hướng tới**
 - Các năng lực
 - NL giải quyết vấn đề
 - NL tự học
 - NL sáng tạo
 - NL giao tiếp
 - NL tự quản lý bản thân
 - NL sử dụng ngôn ngữ
 - NL hợp tác
 - NL sử dụng công nghệ thông tin
 - Phương pháp và hình thức dạy học
 - Phương pháp dạy học, phương pháp hoạt động nhóm, phương pháp giao bài tập.
 - Hình thức dạy học : Dạy học trên lớp ; DH trên phòng máy tính, tự học, hoạt động nhóm.

II. PHƯƠNG PHÁP:

- Vấn đáp, thuyết trình.

II. CHUẨN BỊ:

- Giáo viên: Giáo án, SGK, phòng máy tính, máy chiếu.
- Học sinh: Dụng cụ học tập, sách, vở.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

- Ôn định tổ chức (1'):
- Kiểm tra bài cũ: (5')

	A	B	C	D	E	F	G
1	STT	Họ Tên	Toán	Lý	Tin	Tổng	TBC
2	1	Hải Anh	2	5	6	?	
3	2	Ngọc Anh	4	9	7	?	
.	.	Minh Ánh	8	3	9	?	
41	40						

- Hãy tính tổng điểm 3 môn cho HS1, HS2.
- Hãy tính $TBC = (toán + lý + Tin) / 3$ cho HS1, HS2.

3. Bài mới:

Đặt vấn đề: (1') Ngoài cách tính theo công thức trên ta còn có cách nào nữa không? Cách mới có ưu điểm gì? Bài học hôm nay các em sẽ tìm hiểu về nó.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
Hoạt động 1: (10') Giới thiệu về hàm trong chương trình bảng tính	
GV : Hàm là gì? HS: Đọc sgk: trả lời. GV: cách tính như trên ta gọi là sử dụng công thức, cách tính sử dụng hàm ntn? HS: lên bảng tính tổng điểm 3 môn củ a	1. Hàm trong chương trình bảng tính. • Hàm là một số công thức được định nghĩa từ trước. • Hàm được sử dụng để thực hiện tính

Hoạt động của GV và HS		Nội dung
HS1, HS2 bằng cách sử dụng hàm.		toán theo công thức với các giá trị dữ liệu cụ thể.
Sử dụng công thức: =2+5+6 Hoặc: =c2+d2+e2	Sử dụng hàm: =sum(2,5,6) Hoặc: =Sum(c2,d2,e2)	
Hoạt động 2:(10') Hướng dẫn HS cách sử dụng hàm trong chương trình bảng tính		
GV: Hãy nhắc lại 4 bước nhập công thức vào ô tính. HS: Nhắc lại HS: Ghi vở. GV: Kí tự bắt buộc phải có trước tên hàm là gì? HS: Dấu bằng.		2. Cách sử dụng hàm. * bước nhập hàm: +Chọn ô cần nhập hàm. +Gõ dấu = +Gõ tên hàm theo cú pháp của hàm. +Nhấn Enter.
Hoạt động 2:(13') Giới thiệu 1 số hàm trong chương trình bảng tính		
GV: Hãy tính tổng điểm 3 môn của học sinh 3: HS. Tính tổng GV: có một cách tính tổng khác như sau: =Sum (2,5,6) Hoặc = sum(c2,d2,e2). GV: Các biến số a,b,c... có giới hạn số lượng không? HS: Không GV: Hãy lên bảng xác định các ô thuộc khối C2:D4 GV: Hãy lên bảng viết công thức tính tổng các ô thuộc khối C2: D4. HS: sum(C2:D4). GV: Hãy tính tổng tất cả các ô thuộc 2 khối c2:d4 và F2:F4. HS: Thực hiện GV: treo bảng phụ bài tập: -Công thức nào sau đây cho kết quả khác các công thức còn lại. A) =SUM(C3,D3,E3) B) =SUM(C3:E3) C) =SUM(C3,D3:E3) D) =SUM(8,D3,E3) E) =SUM(8,C3:E3) F) =C3+D3+E3. HS: Hoạt động nhóm.		3. Một số hàm trong chương trình bảng tính. a. Hàm tính tổng. - Tên hàm: Sum - Cú pháp: =Sum(a,b,c...) Trong đó: a,b,c...: Là các biến số, (các biến số có thể là địa chỉ ô tính, địa chỉ khối) - Hàm Sum cho phép sử dụng địa chỉ khối trong công thức tính. Ưu điểm khi sử dụng hàm:

4. Kết luận củng cố: (5')

+ Sử dụng thông tin của hình 30-sgk(34)

Hãy viết công thức tính nhanh nhất tổng điểm toán của 15 học sinh

+ Chọn công thức và kết quả đúng nếu tính tổng của khối A1:C3

	F6		
	A	B	C
1	-5		6
2		8	
3	10		5

- A. =sum(A1,C3) → 0
- B. =sum(A1,C3) → 24
- C. =sum(A1:C3) → 24
- D. =sum(A1,A3,B2,C1,C3) → 0

5. **Dặn dò:** Về nhà học lại cú pháp của các hàm

Bài 4: SỬ DỤNG CÁC HÀM ĐỂ TÍNH TOÁN(tt)**I. MỤC TIÊU:**

- Kiến thức:-** Biết khái niệm hàm sử dụng hàm trong chương trình bảng tính
- Kỹ năng:** Biết cách sử dụng hàm để giải quyết bài toán trong thực tế
- Thái độ:** - Tập trung, nghiêm túc, nhận thức được việc sử dụng các hàm.
- Các năng lực, phương pháp cần hướng tới**
 - Các năng lực
 - NL giải quyết vấn đề
 - NL tự học
 - NL sáng tạo
 - NL giao tiếp
 - NL tự quản lý bản thân
 - NL sử dụng ngôn ngữ
 - NL hợp tác
 - NL sử dụng công nghệ thông tin
 - Phương pháp và hình thức dạy học
 - Phương pháp dạy học, phương pháp hoạt động nhóm, phương pháp giao bài tập.
 - Hình thức dạy học : Dạy học trên lớp ; DH trên phòng máy tính, tự học, hoạt động nhóm.

II. PHƯƠNG PHÁP:

- Vấn đáp, thuyết trình.

II. CHUẨN BỊ:

- Giáo viên: Giáo án, SGK, phòng máy tính, máy chiếu.
- Học sinh: Dụng cụ học tập, sách, vở.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

- Ôn định:
- Kiểm tra bài cũ: (5')
- Bài mới:

Đặt vấn đề: (1') Ở tiết trước chúng ta đã biết được hàm tính tổng, hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu tiếp các hàm còn lại trong bài 4 này.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
Hoạt động 1:(23') Giới thiệu 1 số hàm trong chương trình bảng tính	
GV :Hãy lên bảng tính trung bình cộng cho HS1. HS : Thực hiện ? hãy quan sát bảng tính : Hình 30- sgk-34 và tìm ra giá trị lớn nhất trong khối ô C3 :E4 HS: Thực hiện GV: Hãy sử dụng hàm Max để viết công thức lấy giá trị lớn nhất trong khối ô C3 :E4. GV: Hãy quan sát bảng tính : Hình 30- sgk-	3. Một số hàm trong chương trình bảng tính. b. Hàm tính trung bình cộng Hàm AVERAGE được nhập vào ô tính như sau: =AVERAGE(a,b,c,...) Trong đó các biến a, b, c,... là các số hay địa chỉ của các ô cần tính. Ví dụ: =AVERAGE(3,7,20) tương đương =(3+7+20)/3

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
<p>34 và tìm ra giá trị nhỏ nhất trong khối ô C3 :E4</p> <p>GV: Hãy sử dụng hàm Min để viết công thức lấy giá trị nhỏ nhất trong khối ô C3 :E4.</p> <p>HS: Thực hiện</p> <p>GV: Nhận xét, tổng kết</p> <p>HS: Lắng nghe, ghi chép</p>	<p>c. Hàm xác định giá trị lớn nhất : MAX</p> <p>Hàm MAX được nhập vào ô tính như sau:</p> <p>=MAX(a,b,c,...)</p> <p>Hàm MIN được nhập vào ô tính như sau:</p> <p>d. Hàm xác định giá trị nhỏ nhất: MIN</p> <p>=MIN(a,b,c,...)</p> <p>trong đó các biến a, b, c,... là các số hay địa chỉ của các ô tính.</p>
Hoạt động 2:(15') Bài tập	
<p>GV : Đưa ra 1 số bài tập</p> <p>HS : Lên bảng làm bài tập</p> <p>GV : Gọi HS nhận xét</p> <p>HS : Trả lời</p> <p>GV : Tổng kết</p> <p>Câu 1: Để tính điểm tổng kết ở ô G4, thì cách nhập hàm nào sau đây là không đúng?</p> <p>A) =Average(C4:F4)</p> <p>B) =Average(8,D4:F5)</p> <p>C) =AVERAGE(C4,7,E4:F4)</p> <p>D) =Average(C4,D4,E4,F4)</p> <p>Câu 2: Nếu môn Toán được tính hệ số 3, môn văn tính hệ số 2. Công thức nào sau đây cho kết quả sai tại ô G4?</p> <p>A) =average(c4*3,d4*2,e4,e4)</p> <p>B) =average(8,8,8,7,7,8,8)</p> <p>C) =average(c4,c4,c4,d4,d4:f4)</p> <p>D) =average(c4,c4,c4,d4,d4,e4,f4)</p>	

4. Kết luận củng cố: (4')

- Cách sử dụng hàm trong bảng tính
- Các hàm cơ bản: Sum, Average, Max, Min

5. Dặn dò: (1')

- Về nhà các em xem trước bài mới, chuẩn bị cho 2 tiết thực hành tới

Tuần 10

Tiết:19

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Bài thực hành 4: BẢNG ĐIỂM CỦA LỚP EM

I. MỤC TIÊU:

- Kiến thức:** HS nắm bắt được các thao tác tính toán bằng cách sử dụng các công thức.
- Kỹ năng:** Biết nhập và sử dụng công thức và hàm vào ô tính.
 - Biết sử dụng các hàm Sum, Average, Max, Min
- Thái độ:** - Tập trung, nghiêm túc, có ý thức tự học.

II. PHƯƠNG PHÁP:

- Thực hành.

II. CHUẨN BỊ:

- Giáo viên: Giáo án, SGK, phòng máy tính, máy chiếu.

- Học sinh: Dụng cụ học tập, sách, vở.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

1. Ổn định tổ chức (1')

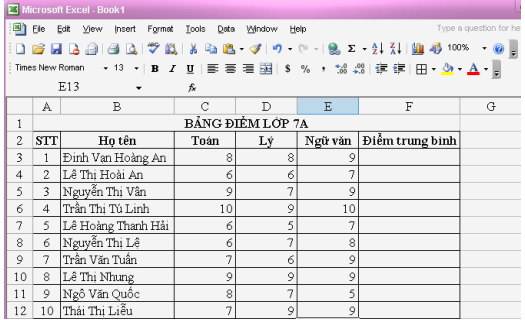
2. Kiểm tra bài cũ: (5').

- Em hãy nêu các bước để nhập hàm vào 1 ô tính?

3. Bài mới:

Đặt vấn đề: (1')- Ở các tiết trước chúng ta đã tìm hiểu hàm là gì, các hàm tính toán cơ bản như hàm Sum, Average, Max, Min..., tiết học hôm nay chúng ta sẽ hiểu kỹ hơn khi thực hành tính toán trên máy vi tính.

2. Triển khai bài:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
Hoạt động 1:(20') Hướng dẫn HS sử dụng hàm để tính toán	
GV: Nhấn mạnh những kiến thức trọng tâm để học sinh vận dụng vào bài tập. HS: Lắng nghe, quan sát. GV phát cho HS nội dung thực hành. GV: Làm mẫu 1 lần HS: Quan sát, ghi chép, thực hành. GV hướng dẫn, quan sát, giúp đỡ, uốn nắn sai sót, chú ý học sinh cá biệt sinh.	1. Bài tập 1: Lập trang tính và sử dụng công thức:  a. Nhập điểm thi tương tự như hình ảnh minh họa b. Sử dụng công thức thích hợp để tính điểm TB c. Tính điểm trung bình của cả lớp d. Lưu bảng tính với tên Bang diem lop em
Hoạt động 2:(15') HS mở bảng tính So theo dõi the luc và thực hiện theo yêu cầu	
GV: Hướng dẫn cho HS vận dụng kiến thức ở bài tập 1 HS: Lắng nghe, thực hành. GV: Kiểm tra và chấm điểm cho các nhóm. GV: Tổng kết lại: Những cái HS làm được và những hạn chế trong giờ thực hành.	Bài tập 2: Mở bảng tính So theo dõi the luc. + Tính chiều cao trung bình + Cân nặng trung bình + Lưu trang tính.

4. Kết luận củng cố: (3')

- Nhận xét lại các kết quả của từng nhóm học sinh, gọi 1 em lên bảng ghi lại các công thức.

5. Dặn dò: - Các em đọc trước bài mới cho tiết học tiếp theo

Tuần 10
Tiết: 20

Ngày soạn:
Ngày dạy:

Bài thực hành 4: BẢNG ĐIỂM CỦA LỚP EM

I. MỤC TIÊU:

1. **Kiến thức:**
 - HS nắm bắt được các thao tác tính toán bằng cách sử dụng các công thức.
2. **Kỹ năng:**
 - Biết nhập và sử dụng công thức và hàm vào ô tính.
 - Biết sử dụng các hàm Sum, Average, Max, Min
3. **Thái độ:**
 - Tập trung, nghiêm túc, có ý thức tự học.
4. **Các năng lực cần hướng tới:**
 - Giải quyết vấn đề
 - Tự học
 - Sáng tạo
 - Giao tiếp
 - Tự quản lý bản thân
 - Sử dụng ngôn ngữ
 - Hợp tác
 - Sáng tạo
 - Sử dụng CNTT

II. PHƯƠNG PHÁP:

- Hoạt động nhóm.
- Giao bài tập

II. CHUẨN BỊ:

- Giáo viên: Giáo án, SGK, phòng máy tính, máy chiếu.

- Học sinh: Dụng cụ học tập, sách, vở.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

1. Ổn định tổ chức (1')

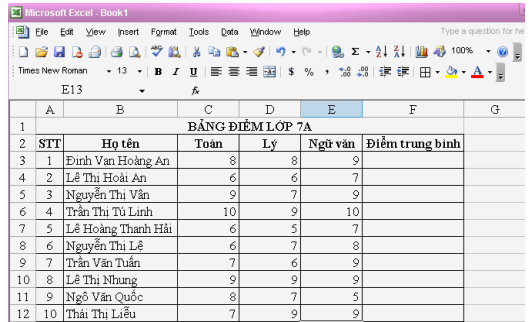
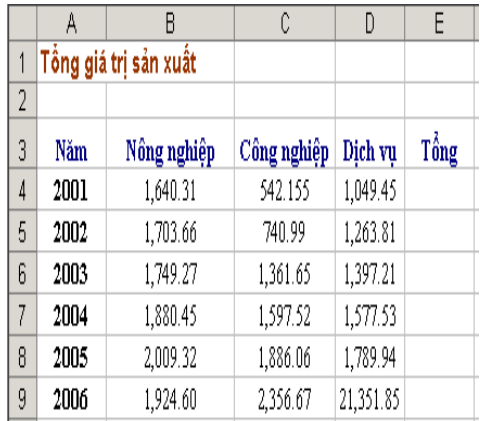
2. Kiểm tra bài cũ: (5').

- Em hãy nêu các bước để nhập hàm vào 1 ô tính?

3. Bài mới:

1. **Đặt vấn đề:**

2. **Triển khai bài:**

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
Hoạt động 1:(20') Thực hành sử dụng các hàm Average, Max, Min	
GV: Nhấn mạnh những kiến thức trọng tâm để học sinh vận dụng vào bài tập. HS: Lắng nghe, quan sát. GV: Phát cho HS nội dung thực hành. HS: Thảo luận nhóm, thực hành.	1. Bài tập 3: Sử dụng các hàm Average, Max, Min:  a. Hãy sử dụng hàm thích hợp để tính lại các kết quả đã tính trong bài tập 1, so sánh với cách tính bằng công thức. b. Sử dụng hàm Average để tính điểm TB c. Hãy sử dụng hàm Max, Min để xác định điểm trung bình cao nhất và điểm trung bình thấp nhất.
Hoạt động 2:(15') Lập trang tính và sử dụng hàm Sum	
GV: Hướng dẫn cho HS vận dụng kiến thức ở bài tập 1 HS: Lắng nghe, thực hành. GV: Kiểm tra và chấm điểm cho các nhóm. GV: Tổng kết lại: Những cái HS làm được và những hạn chế trong giờ thực hành.	Bài tập 4:Lập trang tính và sử dụng hàm sum:  Sử dụng hàm thích hợp tính: 1. Tổng giá trị sản xuất của vùng đó theo từng năm vào cột bên phải. 2. Tính giá trị sản xuất trung bình trong sáu năm theo từng ngành sản xuất. Lưu bảng tính với tên “Gia tri san xuat”.

4. Kết luận củng cố: (3')

- Nhận xét lại các kết quả của từng nhóm học sinh, gọi 1 em lên bảng ghi lại các hàm tính toán.

5. Dặn dò: (1)

- Về nhà các em thực hành lại trên máy tính và xem lại các bài đã học.

Tuần 12
Tiết: 21, 22

Ngày soạn:
Ngày dạy:

BÀI TẬP**I. MỤC TIÊU:****1. Kiến thức:**

- Củng cố, nắm vững các kiến thức đã học.
- Thông qua các bài trắc nghiệm nắm vững kiến thức về bảng tính

2. Kỹ năng:

- Vận dụng vào thực tế, làm bài tập

3. Thái độ:

- Nghiêm túc, chăm chỉ

II. PHƯƠNG PHÁP:

- Vấn đáp, thuyết trình.

II. CHUẨN BỊ:

- Giáo viên: Giáo án, SGK, phòng máy tính, máy chiếu.
- Học sinh: Dụng cụ học tập, sách, vở.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**1. Ổn định tổ chức (1')****2. Kiểm tra bài cũ: (5')**

- Công dụng và cú pháp của các hàm: Sum, Average, Max, Min

3. Bài mới:

Đặt vấn đề: (1') Để hệ thống hóa lại kiến thức mà các em đã học từ đầu năm học cho đến nay, hôm nay cô và các em sẽ giải quyết một số bài tập cơ bản để tiết sau chúng ta làm bài tập kiểm tra 1 tiết

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
<i>Hoạt động 1: (10') Những kiến thức trọng tâm</i>	
GV: Hệ thống lại kiến thức: HS: Lắng nghe, ghi chép	I. Kiến thức trọng tâm: + Các thành phần chính và dữ liệu của bảng tính. + Thực hiện tính toán trên trang tính. + Sử dụng các hàm để tính toán.
<i>Hoạt động 2: (25') Giải các bài tập</i>	
GV: Đưa ra bài tập HS: Thảo luận, trả lời GV: Nhận xét, tổng kết lại HS: Ghi chép, rút ra bài học	Bài 1: Những phát biểu sau đúng (Đ) hay sai (S)

Hoạt động của GV và HS	Nội dung		
<p>GV: Đưa ra bài tập HS: Thảo luận, trả lời GV: Nhận xét, tổng kết lại HS: Ghi chép, rút ra bài học</p> <p>GV: Đưa ra bài tập HS: Thảo luận, trả lời GV: Nhận xét, tổng kết lại HS: Ghi chép, rút ra bài học</p> <p>GV: Đưa ra bài tập HS: Thảo luận, trả lời GV: Nhận xét, tổng kết lại HS: Ghi chép, rút ra bài học</p> <p>GV: Đưa ra bài tập HS: Thảo luận, trả lời GV: Nhận xét, tổng kết lại HS: Ghi chép, rút ra kiến thức bài học</p>	Phát biểu	Đ	S
	1. Bảng tính ít được dùng trong cuộc sống.		
	2. Có thể thực hiện tính toán tự động trên các bảng tính thực hiện bằng tay		
	3. Khi dữ liệu ban đầu thay đổi thì kết quả tính toán trong các bảng tính điện tử thay đổi một cách tự động mà không cần phải tính toán lại.		
	4. Chương trình bảng tính chỉ có thể xử lý dữ liệu dạng số.		
	5. Các bảng tính cho phép sắp xếp dữ liệu theo những tiêu chuẩn khác nhau.		
	<p>Bài 2: Ích lợi của chương trình bảng tính là :</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Việc tính toán được thực hiện tự động. b) Khi các dữ liệu thay đổi thì các tính toán cũng được cập nhật tự động. c) Các công cụ giúp trình bày dữ liệu nổi bật và đẹp mắt. d) Có thể dễ dàng tạo ra các biểu đồ minh họa trực quan. e) Tất cả các lợi ích trên. <p>Bài 3: Giao của một hàng và một cột được gọi là :</p> <ul style="list-style-type: none"> 1. dữ liệu 2. trường 3. ô công thức. <p>Theo mặc định, Excel sẽ lưu sổ tính của bạn với phần mở rộng .Xls. Đúng hay sai?</p> <ul style="list-style-type: none"> A. Đúng B. Sai <p>Bài 4: Bạn không thể ẩn thanh công thức. Đúng hay sai?</p> <ul style="list-style-type: none"> A. Đúng B. Sai <p>Bài 5: Theo mặc định, mỗi sổ tính Excel chứa bao nhiêu trang tính?</p> <ul style="list-style-type: none"> A. 1 B. 2 C. 3 D. 4 		

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
GV: Đưa ra bài tập HS: Thảo luận, trả lời GV: Nhận xét, tổng kết lại HS: Ghi chép, rút ra kiến thức bài học	<p>Bài 6: Một sổ tính Excel có thể chứa tối đa bao nhiêu trang tính?</p> <p>A. 10 B. 100 C. 255 D. 256</p> <p>Bài 7: Địa chỉ của ô thuộc hàng thứ ba và cột thứ ba là:</p> <p>A. A3 B. B3 C. C3 D. D3</p> <p>Bài 8: Cái gì được hiển thị trong thanh công thức?</p> <p>A. Thông báo lỗi B. Giá trị đã tính toán của công thức C. Công thức của ô hiện hành D. Ghi chú của ô hiện hành</p> <p>Bài 9: Hàm nào tính tổng giá trị của các đối số?</p> <p>A. Average B. SUM C. Min D. Max</p> <p>Bài 10: Theo mặc định, dữ liệu văn bản được căn lề</p> <p>A. Trái B. Phải C. Giữa D. Hai bên</p> <p>Bài 11: Theo mặc định, dữ liệu số được căn lề</p> <p>A. Trái B. Phải C. Giữa D. Hai bên</p> <p>Bài 12: Bạn không thể nhập một số dưới dạng văn bản. Đúng hay sai?</p> <p>A. Đúng B. Sai</p> <p>Bài 13: Bạn phải nhập ký tự nào đầu tiên khi nhập công thức?</p> <p>A. ' B. " C. = D. :=</p>

4. Kết luận củng cố: (3')

+ Đánh giá kết quả làm bài tập của HS

+ Học bài cũ , chuẩn bị tiết sau kiểm tra 1 tiết

5. **Dặn dò:** Về nhà học kỹ bài tiết sau làm kt một tiết

KIỂM TRA MỘT TIẾT**I. MỤC TIÊU:****1. Kiến thức:**

- Đánh giá kiến thức của học sinh về bảng tính, trang tính, các kiểu dữ liệu trên trang tính, sử dụng các hàm để tính toán

2. Kỹ năng:

- Biết cách sử dụng bảng tính, sử dụng các hàm để tính toán

3. Thái độ:

- Nghiêm túc, tích cực, tư duy.

II. PHƯƠNG PHÁP:

- Kiểm tra đánh giá.

II. CHUẨN BỊ:

- Giáo viên: Đề kiểm tra, đáp án, biểu điểm.
- HS: Đồ dùng học tập, bút, thước, giấy . . . , học bài cũ

	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Tổng cộng
	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
Chương trình bảng tính	2 0.5đ						2 1đ
Các thành phần và kiểu dữ liệu	2 0.5đ						2 1đ
Sử dụng hàm và công thức	1 0.5đ		3 0.5đ			3 2đ	7 8đ
Tổng cộng	5 2.5đ		3 1.5đ			3 6đ	11 10đ

Phần I: TRẮC NGHIỆM

Khoanh tròn vào chữ cái in hoa đứng trước câu trả lời đúng:

1: Muốn lưu trang tính em thực hiện

A. Chọn File -> Save -> gõ tên

B. Chọn File -> Save as -> Gõ lại tên khác

C. Chọn View -> Save -> gõ tên

D. Cả A, B, C đều đúng

2: Để nhập dữ liệu vào một ô ta thực hiện?

A. Nháy đúp chuột vào ô và nhập công thức

B. Nháy chuột vào ô và nhập công thức

C. Nhập dữ liệu trên thanh công thức

D. Tất cả đều đúng

3: Kết quả nào sau đây là của biểu thức Sum(6) - max(5)

A. 11

B. 1

C. -1

D. Tất cả sai

4: Trong ô C1 có dữ liệu là 18, các ô D1, E1 không có dữ liệu, khi em nhập vào ô F1: =Average(C1:E1) tại ô F1 em sẽ được kết quả là.

- A. 30 B. #VALUE C. 6 D. Tất cả sai
- 5: Khi viết sai tên hàm trong tính toán, chương trình báo lỗi
A. #VALUE B. #NAME C. #DIV/0! D. #N/A
- 6: Hộp tên cho biết thông tin:
A. Tên của cột B. Tên của hàng
C. Địa chỉ ô tính được chọn D. Cả A, B, C sai
- 7: Thanh công thức dùng để:
A. Hiển thị nội dung ô tính được chọn C. Hiển thị công thức trong ô tính được chọn
B. Nhập dữ liệu cho ô tính được chọn D. Cả 3 ý trên.
- 8: Trong các công thức sau công thức nào viết đúng
A. =Sum(A1;A2;A3;A4) B. =SUM(A1,A2,A3,A4)
C. =Sum(A1;A4) D. =Sum(A1-A4)

Phần II: TỰ LUẬN

1: Sử dụng các ký hiệu phép toán của Excel. Hãy viết các công thức sau:

a) $(7+9):(6-2)x(3+1)$ b) $\frac{5^3-3^2}{(5+2)^2}$

2: Cho trang tính sau:

	A	B	C	D	E	F
1	-15	55	34	-60	4	
2						
3						

- a) Viết công thức để tính tổng các ô chứa dữ liệu
b) Viết công thức sử dụng địa chỉ để tính trung bình cộng các ô chứa dữ liệu
c) Viết công thức sử dụng hàm để tính trung bình cộng các ô chứa dữ liệu
d) Sử dụng hàm viết công thức tìm ô có giá trị lớn nhất, nhỏ nhất.

Câu3: Cho trang tính sau:

	A	B	C	D	E	F	G
1							
2		4	8				
3		-7	4				
4		5	-6				
5		5	1				
6							
7				7	8	2	
8				-5	3	-9	
9							

- a) Viết công thức có sử dụng địa chỉ tính trung bình cộng các ô có chứa dữ liệu.
b) Viết công thức sử dụng hàm tính tổng các ô có chứa dữ liệu.

* Đáp án

I/ Trắc nghiệm (4 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	D	B	D	B	C	D	B

II/ Tự luận (6 điểm)

Bài 1: a) $= (7+9)/(6-2)*(3+1)$ (1 điểm)

b) $= (5^3 - 3^2)/(5+2)^2$ (1 điểm)

Bài 2: a) Viết công thức để tính tổng các ô chứa dữ liệu :

$= (A1+B1+C1+D1+E1)$ (0,5 điểm)

b) Viết công thức sử dụng địa chỉ để tính trung bình cộng các ô chứa dữ liệu : $= (A1+B1+C1+D1+E1)/5$ (0,5 điểm)

c) Viết công thức sử dụng hàm để tính trung bình cộng các ô chứa dữ liệu

= AVERAGE(A1,B1,C1,D1,E1) hoặc AVERAGE(A1:E1)(0,5 điểm)

d) Sử dụng hàm viết công thức tìm ô có giá trị lớn nhất, nhỏ nhất

= Max(A1, B1, C1, D1, E1) hoặc Max(A1:E1)

= Min(A1, B1, C1, D1, E1) hoặc Min(A1:E1)

Bài 3: a) Viết công thức có sử dụng địa chỉ tính trung bình cộng các ô có dữ liệu:

= AVERAGE(B2:C5,D7:F8) (1 điểm)

b) Viết công thức sử dụng hàm để tính tổng các ô có chứa dữ liệu:

= Sum(B2:C5,D7:F8) (1 điểm)

CHỦ ĐỀ 4 : CÁC THAO TÁC VỚI BẢNG TÍNH
Bài 5. THAO TÁC VỚI BẢNG TÍNH**I. MỤC TIÊU:****1. Kiến thức:**

- Hướng dẫn cho HS cách điều chỉnh độ rộng của cột và chiều cao của hàng, đồng thời giới thiệu khi nào thì thêm cột, thêm hàng hoặc xóa cột, xóa hàng.

2. Kỹ năng:

- HS biết cách điều chỉnh độ rộng của cột và chiều cao của hàng và biết thêm cột, thêm hàng hoặc xóa cột, xóa hàng.

3. Thái độ:

- Tập trung, nghiêm túc

4. Các năng lực, phương pháp cần hướng tới

- Các năng lực

- NL giải quyết vấn đề
- NL tự học
- NL sáng tạo
- NL giao tiếp
- NL tự quản lý bản thân
- NL sử dụng ngôn ngữ
- NL hợp tác
- NL sử dụng công nghệ thông tin

- Phương pháp và hình thức dạy học

- Phương pháp dạy học, phương pháp hoạt động nhóm, phương pháp giao bài tập.
- Hình thức dạy học : Dạy học trên lớp ; DH trên phòng máy tính, tự học, hoạt động nhóm.

II. CHUẨN BỊ:

- Giáo viên: Giáo án, SGK, phòng máy tính, máy chiếu.
- Học sinh: Dụng cụ học tập, sách, vở.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**1. Ổn định tổ chức (1')****2. Kiểm tra bài cũ: KT 15 '**

Đề KT :

Câu 1: Hãy nêu các thành phần chính của trang tính?

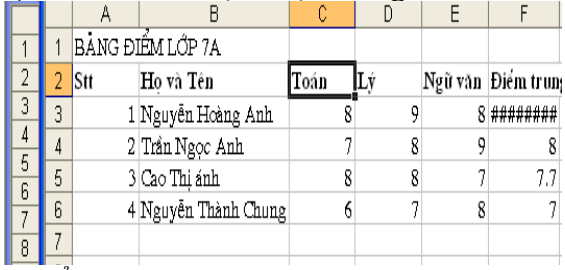
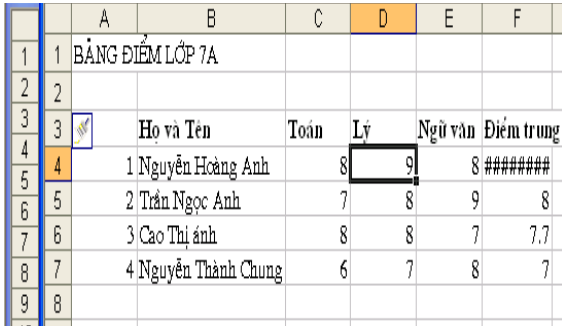
Câu 2: Nêu cú pháp của hàm tính tổng, tính trung bình cộng , tìm giá trị lớn nhất , giá trị nhỏ nhất?

Câu 3 : Để tính trung bình cộng của các ô từ A1 đến ô A7 ta nhập hàm như thế nào?

3. Bài mới:

Hoạt động của GV và HS		Nội dung																																																							
Hoạt động 1:(20')Điều chỉnh cột và hàng																																																									
GV: Đưa tình huống: khi nhập vào trang tính xuất hiện các trường hợp như hình minh hoạ. (GV treo bảng phụ). + Cột Họ Tên và cột điểm trung bình quá hẹp.		1. Điều chỉnh độ rộng của cột và độ cao của hàng																																																							
		<table><tr><td></td><td>A</td><td>B</td><td>C</td><td>D</td><td>E</td><td>F</td><td>G</td></tr><tr><td>1</td><td colspan="3">BẢNG ĐIỂM LỚP 7A</td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>2</td><td>Stt</td><td>Họ và Tên</td><td>Toán</td><td>Lý</td><td>Ngữ văn</td><td>Điểm trung bình</td><td></td></tr><tr><td>3</td><td>1</td><td>Nguyễn Hoàn</td><td>8</td><td>9</td><td>8</td><td>#####</td><td></td></tr><tr><td>4</td><td>2</td><td>Trần Ngọc A</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>8</td><td></td></tr><tr><td>5</td><td>3</td><td>Cao Thị ánh</td><td>8</td><td>8</td><td>7</td><td>7.7</td><td></td></tr><tr><td>6</td><td>4</td><td>Nguyễn Thảo</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>7</td><td></td></tr></table>			A	B	C	D	E	F	G	1	BẢNG ĐIỂM LỚP 7A							2	Stt	Họ và Tên	Toán	Lý	Ngữ văn	Điểm trung bình		3	1	Nguyễn Hoàn	8	9	8	#####		4	2	Trần Ngọc A	7	8	9	8		5	3	Cao Thị ánh	8	8	7	7.7		6	4	Nguyễn Thảo	6	7	8
	A	B	C	D	E	F	G																																																		
1	BẢNG ĐIỂM LỚP 7A																																																								
2	Stt	Họ và Tên	Toán	Lý	Ngữ văn	Điểm trung bình																																																			
3	1	Nguyễn Hoàn	8	9	8	#####																																																			
4	2	Trần Ngọc A	7	8	9	8																																																			
5	3	Cao Thị ánh	8	8	7	7.7																																																			
6	4	Nguyễn Thảo	6	7	8	7																																																			

	A	B	C	D	E	F	G
1	BẢNG ĐIỂM LỚP 7A						
2	Stt	Họ và Tên	Toán	Lý	Ngữ văn	Điểm trung bình	
3	1	Nguyễn Hoàn	8	9	8	#####	
4	2	Trần Ngọc A	7	8	9	8	
5	3	Cao Thị ánh	8	8	7	7.7	
6	4	Nguyễn Thà	6	7	8	7	

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
+ Dòng quá hẹp - GV thao tác các tình huống vừa đưa ra và cách giải quyết. - Yêu cầu HS tự tạo ra tình huống và thao tác nhiều lần. HS: Quan sát, ghi chép	- Đưa con trỏ vào vạch ngăn cách 2 cột hoặc hai dòng. - Kéo thả sang phải, trái/lên, xuống để mở rộng hoặc thu hẹp độ rộng hoặc chiều cao theo ý muốn. * <i>Chú ý:</i> Nháy đúp chuột trên vạch phân cách cột hoặc hàng sẽ điều chỉnh độ rộng cột, độ cao hàng vừa khít với dữ liệu có trong cột và hàng đó.
Hoạt động 2:(20') Chèn thêm hoặc xóa cột và hàng	
- GV đưa ra tình huống cần phải chèn thêm cột hoặc hàng trên màn chiếu. (Chèn thêm cột Giới tính bên cạnh cột Họ tên) - Chèn thêm một hàng để tạo khoảng cách như hình minh họa. - GV giới thiệu cách làm bằng menu lệnh hoặc dùng chuột, hoặc dùng bàn phím. - Chú ý: Khi xóa cột hoặc xóa hàng, các cột bên phải được đẩy sang trái, các hàng phía dưới được đẩy lên trên. HS: Quan sát, ghi chép	2. Chèn thêm hoặc xóa cột và hàng a) Chèn thêm cột hoặc hàng  + Để chèn thêm cột: - Chọn một cột - Insert → Columns  + Để chèn thêm hàng: - Chọn một hàng - Insert → Rows b) Xóa cột hoặc hàng - Chọn cột hoặc hàng cần xóa - Chuột phải → Delete

4. Kết luận củng cố: (3')

- Yêu cầu học sinh nhắc lại cách chèn và xóa cột và hàng

5. Dặn dò: Về nhà xem lại bài, đọc trước phần còn lại củ bài

CHỦ ĐỀ 4 : CÁC THAO TÁC VỚI BẢNG TÍNH**Bài 5. THAO TÁC VỚI BẢNG TÍNH (tt)****I. MỤC TIÊU:****1. Kiến thức:**

- Hướng dẫn cho HS cách sao chép và di chuyển dữ liệu, sao chép công thức

2. Kỹ năng:

HS biết làm và làm tốt các thao tác đối với các kiến thức trên

3. Thái độ:

- Tập trung, nghiêm túc

4. Các năng lực và phương pháp:

- Các năng lực cần hướng tới
- NL giải quyết vấn đề
- NL tự học
- NL sáng tạo
- NL giao tiếp
- NL tự quản lý bản thân
- NL sử dụng ngôn ngữ
- NL hợp tác
- NL sử dụng công nghệ thông tin
- Phương pháp và hình thức dạy học
- Phương pháp dạy học, phương pháp hoạt động nhóm, phương pháp giao bài tập.
- Hình thức dạy học : Dạy học trên lớp ; DH trên phòng máy tính, tự học, hoạt động nhóm.

II. CHUẨN BỊ:

- Giáo viên: Giáo án, SGK, máy chiếu.
- Học sinh: Dụng cụ học tập, sách, vở.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**1. Ổn định tổ chức (1'):****2. Kiểm tra bài cũ: (5')**

Hãy nêu các bước để chèn một cột vào bảng tính.

3. Bài mới:

1. **Đặt vấn đề:** (1') Ở tiết trước chúng ta đã biết cách điều chỉnh độ rộng của cột, độ cao của hàng cũng như việc chèn hoặc xóa đi cột và hàng. Tiết học hôm nay chúng ta sẽ tiếp tục tìm hiểu các thao tác khác trên trang tính.

2. Triển khai bài:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung																																																								
Hoạt động 1:(15') Sao chép và di chuyển dữ liệu																																																									
<p>GV: Đưa tình huống cần sao chép dữ liệu trong một ô hoặc một khối ô.</p> <p>- Chèn thêm một hàng để tạo khoảng cách như hình minh họa.</p> <p>- GV thao tác cụ thể cách sao chép nhiều lần cho HS quan sát.</p> <p>- GV giới thiệu cách làm bằng menu lệnh hoặc dùng chuột, hoặc dùng bàn phím.</p>	<p>1. Điều chỉnh độ rộng của cột và độ cao của hàng</p> <table><tr><td></td><td>A</td><td>B</td><td>C</td><td>D</td><td>E</td><td>F</td><td>G</td></tr><tr><td>1</td><td colspan="7">BẢNG ĐIỂM LỚP 7A</td></tr><tr><td>2</td><td>Stt</td><td>Họ và Tên</td><td>Toán</td><td>Lý</td><td>Ngữ văn</td><td>Điểm trung bình</td><td></td></tr><tr><td>3</td><td>1</td><td>Nguyễn Hoàn</td><td>8</td><td>9</td><td>8</td><td>#####</td><td></td></tr><tr><td>4</td><td>2</td><td>Trần Ngọc A</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>8</td><td></td></tr><tr><td>5</td><td>3</td><td>Cao Thị ánh</td><td>8</td><td>8</td><td>7</td><td>7.7</td><td></td></tr><tr><td>6</td><td>4</td><td>Nguyễn Thảo</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>7</td><td></td></tr></table> <p>- Đưa con trỏ vào vạch ngăn cách 2 cột hoặc hai dòng.</p> <p>- Kéo thả sang phải, trái/lên, xuống để</p>		A	B	C	D	E	F	G	1	BẢNG ĐIỂM LỚP 7A							2	Stt	Họ và Tên	Toán	Lý	Ngữ văn	Điểm trung bình		3	1	Nguyễn Hoàn	8	9	8	#####		4	2	Trần Ngọc A	7	8	9	8		5	3	Cao Thị ánh	8	8	7	7.7		6	4	Nguyễn Thảo	6	7	8	7	
	A	B	C	D	E	F	G																																																		
1	BẢNG ĐIỂM LỚP 7A																																																								
2	Stt	Họ và Tên	Toán	Lý	Ngữ văn	Điểm trung bình																																																			
3	1	Nguyễn Hoàn	8	9	8	#####																																																			
4	2	Trần Ngọc A	7	8	9	8																																																			
5	3	Cao Thị ánh	8	8	7	7.7																																																			
6	4	Nguyễn Thảo	6	7	8	7																																																			

- Di chuyển nội dung của ô tính khác với sao chép nội dung của ô tính (GV lấy VD cho HS quan sát sự khác nhau) → Khi di chuyển nội dung thì đến ô tính khác thì nội dung ở ô ban đầu sẽ bị xoá

GV yêu cầu HS thao tác nhiều lần việc sao chép và di chuyển trên bảng tính.

- Chú ý: Khi xoá cột hoặc xoá hàng, các cột bên phải được đẩy sang trái, các hàng phía dưới được đẩy lên trên.

mở rộng hoặc thu hẹp độ rộng hoặc chiều cao theo ý muốn.

* **Chú ý:** Nháy đúp chuột trên vạch phân cách cột hoặc hàng sẽ điều chỉnh độ rộng cột, độ cao hàng vừa khít với dữ liệu có trong cột và hàng đó.

3. Sao chép và di chuyển dữ liệu

a) Sao chép nội dung ô tính

(Sử dụng các nút lệnh: **Copy**, **Cut**, **Paste**)

- Chọn ô hoặc khối ô có thông tin cần sao chép.

- Nháy nút Copy trên thanh công cụ.

- Chọn ô cần đưa thông tin được sao chép vào.

- Nháy nút Paste trên thanh công cụ.

b) Di chuyển nội dung ô tính

- Chọn ô hoặc các ô thông tin cần chuyển.

- Nháy nút **Cut** trên thanh công cụ

- Chọn ô cần đưa thông tin di chuyển đến.

- Nháy nút **Paste** trên thanh công cụ.

Hoạt động 2:(20') Sao chép công thức

- Xét VD: (GV minh hoạ trên màn chiếu tương tự như hình bên)

Ô A5 có số 200

Ô D1 có số 150

B3 có công thức = A5+D1

-> Nếu sao chép công thức ở ô B3 và dán vào ô C6 ta thấy trong ô C6 có công thức = B8+E4 (Tức là công thức đã bị điều chỉnh)

Như vậy:

+ ở hình 1, A1 và D5 được xác định quan hệ tương đối về vị trí của các địa chỉ trong công thức so với ô B3

+ Trong hình 2, ở ô đích C6, sau khi sao chép, quan hệ tương đối

4. Sao chép công thức

a) sao chép nội dung các ô có công thức

	A	B	C	D
1				
2				150
3			350	
4				
5	200			
6				

	A	B	C	D	E
1					
2				150	
3			350		
4					500
5	200				
6			600		
7					
8		100			
9					

- Khi sao chép một ô có nội dung là công thức chứa địa chỉ, các địa chỉ được điều chỉnh để giữ nguyên quan hệ tương đối về vị trí so với ô đích.

b) Di chuyển nội dung các ô có công thức

- Ta có thể di chuyển bằng các nút lệnh Cut và Paste và các địa chỉ trong công thức không bị điều chỉnh (công thức được sao chép y nguyên).

4. Kết luận củng cố: (3')

- Yêu cầu học sinh nhắc lại các kiến thức đã học

5. Dặn dò: học bài và trả lời câu hỏi ở cuối bài

Tiết: 26**Ngày soạn:****Ngày dạy:**

CHỦ ĐỀ 4 : CÁC THAO TÁC VỚI BẢNG TÍNH
Bài thực hành 5: CHỈNH SỬA TRANG TÍNH CỦA EM

I. MỤC TIÊU:**1. Kiến thức:**

- Thực hiện các thao tác điều chỉnh độ rộng của cột hoặc độ cao của hàng, chèn thêm hoặc xóa hàng và cột của trang tính.

- Thực hiện các thao tác sao chép và di chuyển dữ liệu

2. Kỹ năng:

- Biết sử dụng thành thạo các kiến thức trên

3. Thái độ:

- Tập trung, nghiêm túc, có ý thức tự học.

4. Các năng lực và phương pháp:

- Các năng lực cần hướng tới

- NL giải quyết vấn đề

- NL tự học

- NL sáng tạo

- NL giao tiếp

- NL tự quản lý bản thân

- NL sử dụng ngôn ngữ

- NL hợp tác

- NL sử dụng công nghệ thông tin

- Phương pháp và hình thức dạy học

- Phương pháp dạy học, phương pháp hoạt động nhóm, phương pháp giao bài tập.

- Hình thức dạy học : Dạy học trên lớp ; DH trên phòng máy tính, tự học, hoạt động nhóm.

II. CHUẨN BỊ:

- Giáo viên: Giáo án, SGK, phòng máy tính, máy chiếu.

- Học sinh: Dụng cụ học tập, sách, vở.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**1. Ổn định tổ chức (1')**

2. Kiểm tra bài cũ: Khi sao chép một ô có nội dung là công thức chức địa chỉ ta làm sao?

3. Bài mới:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung																																																																																																		
Hoạt động 1:(38') Thực hành các thao tác trên trang tính																																																																																																			
GV: Yêu cầu học sinh khởi động chương trình bảng tính Excel và mở bảng tính <i>Bang diem lop em</i> đã được lưu trong bài thực hành 4.	1. Bài 1 Điều chỉnh độ rộng của cột, độ cao hàng, chèn thêm hàng và cột, sao chép và di chuyển dữ liệu.																																																																																																		
a) Chèn thêm cột trống vào trước cột D (Vật Lý) để nhập điểm môn Tin học như minh họa bảng phụ.																																																																																																			
b) Chèn thêm các hàng trống và thực hiện các thao tác điều chỉnh độ rộng của cột, độ cao của hàng để có trang tính tương tự như hình 48a (Bảng phụ).																																																																																																			
c) Trong các ô của cột G (Diem trung binh)	a) <table><tr><td></td><td>A</td><td>B</td><td>C</td><td>D</td><td>E</td><td>F</td></tr><tr><td>1</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>2</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>3</td><td>STT</td><td>Họ và Tên</td><td>Toán</td><td>Vật Lý</td><td>Ngữ Văn</td><td>Điểm trung bình</td></tr><tr><td>4</td><td>1</td><td>Lê Hoài An</td><td>7</td><td>8</td><td>8</td><td></td></tr><tr><td>5</td><td>2</td><td>Nguyễn Thái Anh</td><td>8</td><td>7</td><td>7</td><td></td></tr><tr><td>6</td><td>3</td><td>Trần Văn Ba</td><td>7</td><td>9</td><td>8</td><td></td></tr><tr><td>7</td><td>4</td><td>Nguyễn Thanh Hải</td><td>9</td><td>8</td><td>8</td><td></td></tr><tr><td>8</td><td>5</td><td>Phạm Mỹ Hạnh</td><td>8</td><td>7</td><td>8</td><td></td></tr><tr><td>9</td><td>6</td><td>Trương Văn Hùng</td><td>7</td><td>8</td><td>7</td><td></td></tr><tr><td>10</td><td>7</td><td>Hoàng Thị Hoa</td><td>8</td><td>7</td><td>8</td><td></td></tr><tr><td>11</td><td>8</td><td>Lương Văn Hoàng</td><td>7</td><td>8</td><td>7</td><td></td></tr><tr><td>12</td><td>9</td><td>Cao Việt Hùng</td><td>8</td><td>9</td><td>7</td><td></td></tr><tr><td>13</td><td>10</td><td>Nguyễn Mai Ngọc</td><td>9</td><td>7</td><td>6</td><td></td></tr></table>		A	B	C	D	E	F	1							2							3	STT	Họ và Tên	Toán	Vật Lý	Ngữ Văn	Điểm trung bình	4	1	Lê Hoài An	7	8	8		5	2	Nguyễn Thái Anh	8	7	7		6	3	Trần Văn Ba	7	9	8		7	4	Nguyễn Thanh Hải	9	8	8		8	5	Phạm Mỹ Hạnh	8	7	8		9	6	Trương Văn Hùng	7	8	7		10	7	Hoàng Thị Hoa	8	7	8		11	8	Lương Văn Hoàng	7	8	7		12	9	Cao Việt Hùng	8	9	7		13	10	Nguyễn Mai Ngọc	9	7	6	
	A	B	C	D	E	F																																																																																													
1																																																																																																			
2																																																																																																			
3	STT	Họ và Tên	Toán	Vật Lý	Ngữ Văn	Điểm trung bình																																																																																													
4	1	Lê Hoài An	7	8	8																																																																																														
5	2	Nguyễn Thái Anh	8	7	7																																																																																														
6	3	Trần Văn Ba	7	9	8																																																																																														
7	4	Nguyễn Thanh Hải	9	8	8																																																																																														
8	5	Phạm Mỹ Hạnh	8	7	8																																																																																														
9	6	Trương Văn Hùng	7	8	7																																																																																														
10	7	Hoàng Thị Hoa	8	7	8																																																																																														
11	8	Lương Văn Hoàng	7	8	7																																																																																														
12	9	Cao Việt Hùng	8	9	7																																																																																														
13	10	Nguyễn Mai Ngọc	9	7	6																																																																																														

Hoạt động của GV và HS	Nội dung																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																															
<p>có công thức tính điểm trung bình của học sinh. Hãy kiểm tra công thức trong các ô đó để biết sau khi chèn thêm một cột, công thức có còn đúng không? điều chỉnh lại công thức cho đúng.</p> <p>d) Di chuyển dữ liệu trong các ô cột thích hợp để có trang tính như hình 48b. Lưu bảng tính của em.</p> <p>- Tiếp tục sử dụng bảng tính <i>Bảng điểm lớp em</i></p> <p>a) Di chuyển dữ liệu trong cột D (Tin học) tạm thời sang cột khác và xóa cột D.</p> <p>- Sử dụng hàm thích hợp để tính điểm trung bình ba môn học (toán, Vật lý, Ngữ Văn) của bạn đầu tiên trong ô F5 và sao chép công thức để tính điểm trung bình của các bạn còn lại.</p> <p>b) Chèn thêm cột mới vào cột E (Ngữ văn) và sao chép dữ liệu từ cột lưu tạm thời (điểm Tin học) vào cột mới được chèn thêm.</p> <p>Kiểm tra công thức trong cột Điểm trung bình có còn đúng không? Từ đó rút ra kết luận thêm về ưu điểm của việc sử dụng hàm thay vì sử dụng công thức.</p> <p>c) Chèn thêm cột mới vào cột Điểm trung bình và nhập dữ liệu để có trang tính như hình 49.</p>	<p>b)</p> <table><tr><th></th><th>A</th><th>B</th><th>C</th><th>D</th><th>E</th><th>F</th><th>G</th></tr><tr><td>1</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>2</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>3</td><td>STT</td><td>Họ và Tên</td><td>Toán</td><td>Vật Lý</td><td>Ngữ Văn</td><td>Tin học</td><td>Điểm trung bình</td></tr><tr><td>4</td><td>1</td><td>Le Hoài An</td><td>7</td><td>8</td><td>8</td><td>7</td><td></td></tr><tr><td>5</td><td>2</td><td>Nguyễn Thái Anh</td><td>8</td><td>7</td><td>7</td><td>8</td><td></td></tr><tr><td>6</td><td>3</td><td>Trần Văn Ba</td><td>7</td><td>9</td><td>8</td><td>7</td><td></td></tr><tr><td>7</td><td>4</td><td>Nguyễn Thanh Hải</td><td>9</td><td>8</td><td>8</td><td>8</td><td></td></tr><tr><td>8</td><td>5</td><td>Phạm Mỹ Hạnh</td><td>8</td><td>7</td><td>8</td><td>8</td><td></td></tr><tr><td>9</td><td>6</td><td>Trương Văn Hùng</td><td>7</td><td>8</td><td>7</td><td>8</td><td></td></tr><tr><td>10</td><td>7</td><td>Hoàng Thái Hòa</td><td>8</td><td>7</td><td>8</td><td>7</td><td></td></tr><tr><td>11</td><td>8</td><td>Lương Văn Hoàng</td><td>7</td><td>8</td><td>7</td><td>8</td><td></td></tr><tr><td>12</td><td>9</td><td>Cao Việt Hùng</td><td>8</td><td>9</td><td>7</td><td>7</td><td></td></tr><tr><td>13</td><td>10</td><td>Nguyễn Mai Ngọc</td><td>9</td><td>7</td><td>6</td><td>9</td><td></td></tr><tr><td>14</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table> <table><tr><th></th><th>A</th><th>B</th><th>C</th><th>D</th><th>E</th><th>F</th><th>G</th></tr><tr><td>1</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>2</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>3</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>4</td><td>STT</td><td>Học và tên</td><td>Toán</td><td>Tin Học</td><td>Vật Lý</td><td>Ngữ văn</td><td>Điểm trung bình</td></tr><tr><td>5</td><td>1</td><td>Đinh Văn Hoàng An</td><td>8</td><td>8</td><td>7</td><td>8</td><td>7.75</td></tr><tr><td>6</td><td>2</td><td>Le Thị Hoài An</td><td>8</td><td>8</td><td>8</td><td>8</td><td>8</td></tr><tr><td>7</td><td>3</td><td>Le Thái Anh</td><td>8</td><td>8</td><td>8</td><td>7</td><td>7.75</td></tr><tr><td>8</td><td>4</td><td>Phạm Như Anh</td><td>9</td><td>10</td><td>10</td><td>10</td><td>9.75</td></tr><tr><td>9</td><td>5</td><td>Vũ Việt Anh</td><td>8</td><td>8</td><td>6</td><td>8</td><td>7.5</td></tr><tr><td>10</td><td>6</td><td>Phạm Thanh Bình</td><td>8</td><td>8</td><td>9</td><td>9</td><td>8.5</td></tr><tr><td>11</td><td>7</td><td>Trần Quốc Bình</td><td>8</td><td>9</td><td>8</td><td>9</td><td>8.5</td></tr><tr><td>12</td><td>8</td><td>Nguyễn Linh Chi</td><td>7</td><td>9</td><td>6</td><td>8</td><td>7.5</td></tr><tr><td>13</td><td>9</td><td>Vũ Xuân Cường</td><td>8</td><td>9</td><td>8</td><td>7</td><td>8</td></tr></table> <p>2. Bài 2</p> <p>Tìm hiểu các trường hợp tự điều chỉnh của công thức khi chèn, thêm cột mới</p> <table><tr><th></th><th>A</th><th>B</th><th>C</th><th>D</th><th>E</th><th>F</th><th>G</th><th>H</th></tr><tr><td>1</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>2</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>3</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>4</td><td>STT</td><td>Học và tên</td><td>Toán</td><td>Tin Học</td><td>Vật Lý</td><td>Ngữ văn</td><td>Cong nghệ</td><td>Điểm trung bình</td></tr><tr><td>5</td><td>1</td><td>Đinh Văn Hoàng An</td><td>8</td><td>8</td><td>7</td><td>8</td><td>8</td><td>7.8</td></tr><tr><td>6</td><td>2</td><td>Le Thị Hoài An</td><td>8</td><td>8</td><td>8</td><td>8</td><td>8</td><td>8</td></tr><tr><td>7</td><td>3</td><td>Le Thái Anh</td><td>8</td><td>8</td><td>8</td><td>7</td><td>8</td><td>7.8</td></tr><tr><td>8</td><td>4</td><td>Phạm Như Anh</td><td>9</td><td>10</td><td>10</td><td>10</td><td>10</td><td>9.8</td></tr><tr><td>9</td><td>5</td><td>Vũ Việt Anh</td><td>8</td><td>8</td><td>6</td><td>8</td><td>8</td><td>7.6</td></tr><tr><td>10</td><td>6</td><td>Phạm Thanh Bình</td><td>8</td><td>8</td><td>9</td><td>9</td><td>8</td><td>8.4</td></tr><tr><td>11</td><td>7</td><td>Trần Quốc Bình</td><td>8</td><td>9</td><td>8</td><td>9</td><td>9</td><td>8.6</td></tr><tr><td>12</td><td>8</td><td>Nguyễn Linh Chi</td><td>7</td><td>9</td><td>6</td><td>8</td><td>9</td><td>7.8</td></tr><tr><td>13</td><td>9</td><td>Vũ Xuân Cường</td><td>8</td><td>9</td><td>8</td><td>7</td><td>9</td><td>8.2</td></tr><tr><td>14</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table> <p>Đóng bảng tính nhưng không lưu.</p>		A	B	C	D	E	F	G	1								2								3	STT	Họ và Tên	Toán	Vật Lý	Ngữ Văn	Tin học	Điểm trung bình	4	1	Le Hoài An	7	8	8	7		5	2	Nguyễn Thái Anh	8	7	7	8		6	3	Trần Văn Ba	7	9	8	7		7	4	Nguyễn Thanh Hải	9	8	8	8		8	5	Phạm Mỹ Hạnh	8	7	8	8		9	6	Trương Văn Hùng	7	8	7	8		10	7	Hoàng Thái Hòa	8	7	8	7		11	8	Lương Văn Hoàng	7	8	7	8		12	9	Cao Việt Hùng	8	9	7	7		13	10	Nguyễn Mai Ngọc	9	7	6	9		14									A	B	C	D	E	F	G	1								2								3								4	STT	Học và tên	Toán	Tin Học	Vật Lý	Ngữ văn	Điểm trung bình	5	1	Đinh Văn Hoàng An	8	8	7	8	7.75	6	2	Le Thị Hoài An	8	8	8	8	8	7	3	Le Thái Anh	8	8	8	7	7.75	8	4	Phạm Như Anh	9	10	10	10	9.75	9	5	Vũ Việt Anh	8	8	6	8	7.5	10	6	Phạm Thanh Bình	8	8	9	9	8.5	11	7	Trần Quốc Bình	8	9	8	9	8.5	12	8	Nguyễn Linh Chi	7	9	6	8	7.5	13	9	Vũ Xuân Cường	8	9	8	7	8		A	B	C	D	E	F	G	H	1									2									3									4	STT	Học và tên	Toán	Tin Học	Vật Lý	Ngữ văn	Cong nghệ	Điểm trung bình	5	1	Đinh Văn Hoàng An	8	8	7	8	8	7.8	6	2	Le Thị Hoài An	8	8	8	8	8	8	7	3	Le Thái Anh	8	8	8	7	8	7.8	8	4	Phạm Như Anh	9	10	10	10	10	9.8	9	5	Vũ Việt Anh	8	8	6	8	8	7.6	10	6	Phạm Thanh Bình	8	8	9	9	8	8.4	11	7	Trần Quốc Bình	8	9	8	9	9	8.6	12	8	Nguyễn Linh Chi	7	9	6	8	9	7.8	13	9	Vũ Xuân Cường	8	9	8	7	9	8.2	14								
	A	B	C	D	E	F	G																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																									
1																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																
2																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																
3	STT	Họ và Tên	Toán	Vật Lý	Ngữ Văn	Tin học	Điểm trung bình																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																									
4	1	Le Hoài An	7	8	8	7																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
5	2	Nguyễn Thái Anh	8	7	7	8																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
6	3	Trần Văn Ba	7	9	8	7																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
7	4	Nguyễn Thanh Hải	9	8	8	8																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
8	5	Phạm Mỹ Hạnh	8	7	8	8																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
9	6	Trương Văn Hùng	7	8	7	8																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
10	7	Hoàng Thái Hòa	8	7	8	7																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
11	8	Lương Văn Hoàng	7	8	7	8																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
12	9	Cao Việt Hùng	8	9	7	7																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
13	10	Nguyễn Mai Ngọc	9	7	6	9																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
14																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																
	A	B	C	D	E	F	G																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																									
1																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																
2																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																
3																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																
4	STT	Học và tên	Toán	Tin Học	Vật Lý	Ngữ văn	Điểm trung bình																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																									
5	1	Đinh Văn Hoàng An	8	8	7	8	7.75																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																									
6	2	Le Thị Hoài An	8	8	8	8	8																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																									
7	3	Le Thái Anh	8	8	8	7	7.75																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																									
8	4	Phạm Như Anh	9	10	10	10	9.75																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																									
9	5	Vũ Việt Anh	8	8	6	8	7.5																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																									
10	6	Phạm Thanh Bình	8	8	9	9	8.5																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																									
11	7	Trần Quốc Bình	8	9	8	9	8.5																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																									
12	8	Nguyễn Linh Chi	7	9	6	8	7.5																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																									
13	9	Vũ Xuân Cường	8	9	8	7	8																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																									
	A	B	C	D	E	F	G	H																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																								
1																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																
2																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																
3																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																
4	STT	Học và tên	Toán	Tin Học	Vật Lý	Ngữ văn	Cong nghệ	Điểm trung bình																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																								
5	1	Đinh Văn Hoàng An	8	8	7	8	8	7.8																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																								
6	2	Le Thị Hoài An	8	8	8	8	8	8																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																								
7	3	Le Thái Anh	8	8	8	7	8	7.8																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																								
8	4	Phạm Như Anh	9	10	10	10	10	9.8																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																								
9	5	Vũ Việt Anh	8	8	6	8	8	7.6																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																								
10	6	Phạm Thanh Bình	8	8	9	9	8	8.4																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																								
11	7	Trần Quốc Bình	8	9	8	9	9	8.6																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																								
12	8	Nguyễn Linh Chi	7	9	6	8	9	7.8																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																								
13	9	Vũ Xuân Cường	8	9	8	7	9	8.2																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																								
14																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																

4. Kết luận củng cố: (5')

- Nhận xét lại các kết quả của từng nhóm học sinh, gọi 1 em lên thực hiện lại.

5. Dặn dò: Về học lại nắm vững thao tác chỉnh sửa trang tính tiết sau thực hành

Tiết:27

Ngày soạn:

Ngày dạy:

CHỦ ĐỀ 4 : CÁC THAO TÁC VỚI BẢNG TÍNH

Bài thực hành 5: CHỈNH SỬA TRANG TÍNH CỦA EM

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Thực hiện các thao tác điều chỉnh độ rộng của cột hoặc độ cao của hàng, chèn thêm hoặc xóa hàng và cột của trang tính.

- Thực hiện các thao tác sao chép và di chuyển dữ liệu

2. Kỹ năng:

- Biết sử dụng thành thạo các kiến thức trên

3. Thái độ:

- Tập trung, nghiêm túc, có ý thức tự học.

4. Các năng lực và phương pháp:

- Các năng lực cần hướng tới
- NL giải quyết vấn đề
- NL tự học
- NL sáng tạo
- NL giao tiếp
- NL tự quản lý bản thân
- NL sử dụng ngôn ngữ
- NL hợp tác
- NL sử dụng công nghệ thông tin
- Phương pháp và hình thức dạy học
- Phương pháp dạy học, phương pháp hoạt động nhóm, phương pháp giao bài tập.
- Hình thức dạy học : Dạy học trên lớp ; DH trên phòng máy tính, tự học, hoạt động nhóm.

II. CHUẨN BỊ:

- Giáo viên: Giáo án, SGK, phòng máy tính, máy chiếu.

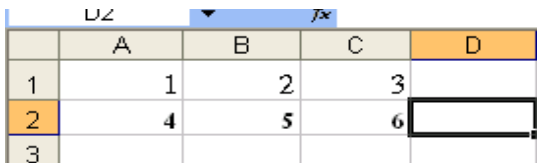
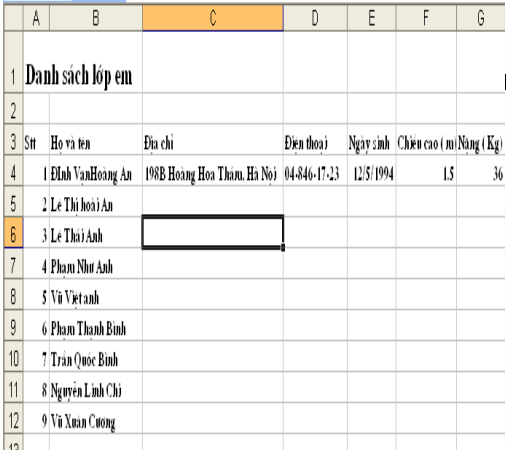
- Học sinh: Dụng cụ học tập, sách, vở.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

1. Ổn định tổ chức (1')

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
<i>Hoạt động 1: (39') Thực hành các thao tác trên trang tính</i>	
Kiểm tra tính đúng đắn của công thức trong cột điểm trung bình và sửa công thức cho phù hợp. Hãy rút ra kết luận khi nào chèn thêm cột mới, công thức vẫn đúng.	3. Bài 3 Thực hành sao chép và di chuyển công thức và dữ liệu <i>Tạo trang tính</i>
a) Tạo trang tính mới với nội dung như hình 50.	
b) Sử dụng hàm hoặc công thức thích hợp trong ô D1 để tính tổng các số trong các ô A1, B1 và C1	
c) Sao chép công thức trong ô D1 vào các ô: D2; E1; E2 và E3.	
- Quan sát các kết quả nhận được và giải thích?	
- Di chuyển công thức trong ô D1 vào ô G1 và công thức trong ô D2 vào ô G2 → Quan sát kết quả nhận được và rút ra nhận xét của em.	rộng của
d) Ta nói rằng sao chép nội dung của một ô (Hay một khối ô) vào một khối có nghĩa rằng sau khi chọn các ô và nhấn nút copy, ta chọn khối đích trước khi nhấn nút Paste.	
- Sao chép nội dung ô A1 vào khối H1:J4	
- Sao chép khối A1:A2 vào các khối sau:	

A5:A7; B5:B8; C5:C9.

? Quan sát các kết quả nhận được và rút ra nhận xét của em.

4. Kết luận củng cố: (4')

- Nhận xét lại các kết quả của từng nhóm học sinh

5. Dặn dò: (1)

- Về nhà các em thực hành lại trên máy tính và xem trước bài mới.

BÀI TẬP

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

Kiểm tra việc nắm bắt kiến thức của học sinh và việc sử dụng các hàm để tính toán.

2. Kỹ năng:

- Thực hiện được các phép toán bằng cách sử dụng hàm, công thức

3. Thái độ:

- Tập trung, nghiêm túc, có ý thức tự học.

II. CHUẨN BỊ:

- Giáo viên: Giáo án, SGK, phòng máy tính, máy chiếu.

- Học sinh: Dụng cụ học tập, sách, vở.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

1. Ổn định tổ chức (1’):

2. Kiểm tra bài cũ: (5’).

Em hãy nêu các bước để sao chép, di chuyển nội dung ô tính?

3. Bài mới:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung																																																
Hoạt động 1:(25') Làm bài tập																																																	
GV: Các em hãy thực hành làm bài tập trên máy. GV: Các em hãy nhớ lại các bước nhập công thức vào ô tính. HS: Lắng nghe, thực hành. GV: Em có nhận xét gì về cách tính toán trong bảng tính Excel có gì khác so với cách tính toán thông thường? HS: Có sự khác nhau đó là các ký hiệu của phép toán nhân, chia và phép toán lũy thừa. GV: Tổng kết lại: GV: Em nào có thể cho thầy biết các phép toán trong công thức được thực hiện theo trình tự như thế nào? HS: Trả lời GV: Tổng kết lại: Các phép toán trong dấu ngoặc đơn thực hiện trước, tiếp đến là phép nâng lên lũy thừa, tiếp theo là phép nhân, phép chia, cuối cùng là phép cộng, phép trừ. GV: Vậy theo các em để nhập công thức đúng thì chúng ta phải tiến hành qua những bước nào? HS: Trả lời: 4 bước. ----- GV: Trước lúc làm bài tập số 2, em nào cho thầy biết các bước để nhập đúng hàm vào ô tính. HS: có 4 bước GV: Nhận xét lại	1. Bài 1 Sử dụng công thức tính các giá trị sau a) $15^2 : 4$ b) $(2 + 7)^2 : 7$ c) $(32 - 7)^2 - (6 + 5)^3$ d) $(188 - 12^2) \times 7$ 2. Bài 2 Cho bảng dữ liệu: Bảng điểm lớp 7A <table><tr><th>2</th><th>St</th><th>Họ tên</th><th>Toán</th><th>Tn</th><th>NV</th><th>TĐ</th><th>ĐTB</th></tr><tr><td>3</td><td>1</td><td>An</td><td>8</td><td>7</td><td>8</td><td>?</td><td>?</td></tr><tr><td>4</td><td>2</td><td>Bình</td><td>10</td><td>9</td><td>9</td><td>?</td><td>?</td></tr><tr><td>5</td><td>3</td><td>Khánh</td><td>8</td><td>6</td><td>8</td><td>?</td><td>?</td></tr><tr><td>6</td><td>4</td><td>Vân</td><td>7</td><td>8</td><td>6</td><td>?</td><td>?</td></tr><tr><td>7</td><td>5</td><td>Hoa</td><td>9</td><td>9</td><td>9</td><td>?</td><td>?</td></tr></table> a) Sử dụng các hàm để tính TĐ, ĐTB của các học sinh trên. b) Sử dụng hàm để tính TĐ, ĐTB lớn nhất, nhỏ nhất. c) Điều chỉnh độ rộng của hàng và cột cho phù hợp. d) Chèn thêm cột Lý và cho điểm vào. Nhận xét kết quả của tổng điểm, điểm trung bình.	2	St	Họ tên	Toán	Tn	NV	TĐ	ĐTB	3	1	An	8	7	8	?	?	4	2	Bình	10	9	9	?	?	5	3	Khánh	8	6	8	?	?	6	4	Vân	7	8	6	?	?	7	5	Hoa	9	9	9	?	?
2	St	Họ tên	Toán	Tn	NV	TĐ	ĐTB																																										
3	1	An	8	7	8	?	?																																										
4	2	Bình	10	9	9	?	?																																										
5	3	Khánh	8	6	8	?	?																																										
6	4	Vân	7	8	6	?	?																																										
7	5	Hoa	9	9	9	?	?																																										

<p>GV: Các em hãy nhìn lên màn chiếu và thực hiện các yêu cầu của bài toán sau:</p> <p>HS: Làm bài tập.</p> <p>GV: Các em có nhận xét gì về cách sao chép công thức.</p> <p>HS: Trả lời</p> <p>GV: Tổng kết: Khi sao chép 1 ô có nội dung là công thức chứa địa chỉ, các địa chỉ được điều chỉnh để giữ nguyên quan hệ tương đối so với ô đích</p> <p>GV: Em nào cho thầy biết các bước để điều chỉnh độ rộng của cột và độ cao của hàng.</p> <p>HS: trả lời</p> <p>GV: Em có nhận xét gì về kết quả của tổng điểm.</p> <p>HS: Khi chèn thêm một cột mới thì giá trị cuối cùng của ô chứa công thức (hàm) sẽ không thay đổi.</p> <p>GV: Nhận xét lại</p>	
Hoạt động 2:(10') Kiến thức mở rộng(Hàm IF)	
<p>GV: Hàm IF gọi là hàm điều kiện là 1 hàm rất quan trọng và được sử dụng rất phổ biến.</p> <p>GV: Nói rõ hơn về các điều kiện trong cuộc sống liên quan tới hàm IF</p> <p>GV: Yêu cầu học sinh làm bài tập</p> <p>GV: Gọi HS lên làm bài tập</p> <p>HS: Làm bài tập</p> <p>GV: Tổng kết lại</p>	<p>II. Hàm IF</p> <p>Cú pháp: =IF(điều kiện, biểu thức 1, biểu thức 2)</p> <p>Khi đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu điều kiện là đúng thì giá trị của hàm IF sẽ là giá trị của biểu thức 1 - Nếu điều kiện là sai thì giá trị của hàm IF là giá trị của biểu thức 2 <p>VD: =IF(3<5, "Hoa Hồng", "Hoa Mai")</p> <p>Vận dụng: Ở bài tập 2 các em chèn thêm một cột có tên là Phần thưởng sau cột ĐTB, và sử dụng hàm if để điền phần thưởng với điều kiện sau: Nếu điểm trung bình lớn hơn 7 thì thưởng 100.000đ, còn ngược lại thì điền vào là Không thưởng.</p>

4. Kết luận củng cố: (2')

- Nhắc lại các bước sử dụng công thức.
- Nhận xét giờ thực hành của học sinh.

5. Dặn dò:

- Về nhà các em thực hành lại trên máy tính và xem trước bài mới.

KIỂM TRA THỰC HÀNH**I. MỤC TIÊU:**

1. **Kiến thức:**
 - Kiểm tra các thao tác trong bài thực hành 5
2. **Kỹ năng:**
 - Các thao tác cơ bản ban đầu khi làm việc với trang tính
3. **Thái độ:**
 - Tập trung, nghiêm túc.

II. PHƯƠNG PHÁP:

- Kiểm tra thực hành trên máy .

II. CHUẨN BỊ:

- Giáo viên: Giáo án, SGK, phòng máy tính, máy chiếu.
- Học sinh: Dụng cụ học tập, sách, vở.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

1. Ổn định tổ chức (1')

2.ĐỀ BÀI

Bài 1: Khởi động chương trình bảng tính Excel. Nhập trang tính với nội dung như sau:

	A	B	C	D	E	F
1	Stt	Họ và tên	Toán	Lý	Văn	ĐTB
2	1	Đinh Hoàng An	8	7	8	
3	2	Lê Hoài An	9	10	10	
4	3	Phạm Như Anh	8	6	8	
5	4	Phạm Thanh Bình	8	8	9	
6	5	Nguyễn Linh Chi	7	6	8	
7	6	Vũ Xuân Cương	10	9	9	
8	7	Trần Quốc Đạt	8	8	9	
9	8	Nguyễn Anh Duy	8	9	9	
10	9	Nguyễn Trung Dũng	8	8	7	
11	10	Trần Hoàng Hà	8	7	8	

(H1)

- a) Nhập điểm thi các môn như minh họa trong hình.
- b) Tính điểm trung bình bằng công thức thích hợp vào cột ĐTB.
- c) Lưu bảng tính với tên *Bang diem cua em*.

Bài 2 (Sử dụng hình của Bài 1)

- a) Sử dụng các hàm thích hợp để tính lại các kết quả đã tính trong **Bài 1** và so sánh với cách tính bằng công thức.
- b) Sử dụng hàm Average tính điểm trung bình từng môn học của cả lớp trong dòng ĐTB.
- c) Sử dụng hàm Max, Min xác định điểm trung bình cao nhất và điểm trung bình thấp nhất.

Bài 3

- a) Chèn thêm một cột trống vào trước cột D (**Lý**) để nhập môn **Tin** như hình dưới.
- b) Chèn các hàng trống và thực hiện các thao tác điều chỉnh độ rộng cột, độ cao hàng để có trang tính như hình H2.

	A	B	C	D	E	F	G
1	Stt	Họ và tên	Toán	Tin	Lý	Văn	ĐTB
2	1	Đinh Hoàng An	8	8	7	8	7.7
3							

4	2	Lê Hoài An	9	10	10	10	9.7
5	3	Phạm Như Anh	8	8	6	8	7.3
6	4	Phạm Thanh Bình	8	9	8	9	8.5
7	5	Nguyễn Linh Chi	7	9	6	8	7.5
8	6	Vũ Xuân Cương	10	10	9	9	9.5
9	7	Trần Quốc Đạt	8	9	8	9	8.5
10							
11	8	Nguyễn Anh Duy	8	7	9	6	7.5
12	9	Nguyễn Trung Dũng	8	9	8	7	7.7
13	10	Trần Hoàng Hà	8	7	7	8	7.5

(H2)

c) Di chuyển dữ liệu trong các cột thích hợp để có trang tính như hình H3.

	A	B	C	D	E	F	G
1	Stt	Họ và tên	Toán	Tin	Lý	Văn	ĐTB
2	1	Đinh Hoàng An	8	7	8	8	7.7
3							
4	2	Lê Hoài An	10	10	10	9	9.7
5	3	Phạm Như Anh	8	6	8	8	7.3
6	4	Phạm Thanh Bình	9	8	9	8	8.5
7	5	Nguyễn Linh Chi	8	6	9	7	7.5
8	6	Vũ Xuân Cương	9	9	10	10	9.5
9	7	Trần Quốc Đạt	9	8	9	8	8.5
10							
11	8	Nguyễn Anh Duy	6	9	7	8	7.5
12	9	Nguyễn Trung Dũng	7	8	9	8	7.7
13	10	Trần Hoàng Hà	8	7	7	8	7.5

4. Kết luận củng cố: (2')

Ôn lại các kiến thức đã học.

5. Dặn dò: (1)

- Về nhà các em thực hành lại trên máy tính bài mới.

Tiết:33***Ngày soạn:******Ngày dạy:*****ÔN TẬP****I/ MỤC TIÊU:****1. Kiến thức:**

- Kiểm tra việc nắm bắt kiến thức của học sinh từ đầu năm học.
- Điều chỉnh việc học của học sinh cũng như việc dạy của giáo viên.

2. Kỹ Năng: Hình thành cho học sinh kỹ năng quan sát, phân tích, tư duy tổng hợp.

3. Thái độ: Nghiêm túc, tập trung, chú ý.

II/ CHUẨN BỊ::

1.GV: Giáo trình, phòng máy, bảng phụ.

2. HS: Học và chuẩn bị bài ở nhà.

III/ PHƯƠNG PHÁP:

Quan sát, phân tích tổng hợp.

IV/ TIẾN TRÌNH BÀI DẠY:

1. ổn định:

2.Bài mới:

HD của GV và HS	Ghi Bảng
<p>Giáo viên đưa ra các chủ đề kiến thức lý thuyết cơ bản đã học trong chương trình học kỳ I.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu học sinh theo cá nhân lần lượt giải đáp các chủ đề lý thuyết đó. <p>GV: Ra bài tập (treo bảng phụ) và hướng dẫn học sinh làm bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Để học sinh làm bài. <p>GV: Đưa ra đáp án.</p> <p>-1, 2, -6, 1, 1, 1.</p> <p>GV: Đưa ra bài tập 2 (phat phiếu học tập cho học sinh).</p> <p>HS: Quan sát, nghe hướng dẫn và làm bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - So sánh với các máy xung quanh. - Chữa bài nếu sai. 	<p>1. Lý thuyết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các thao tác khởi động Excel - Các thành phần trên cửa sổ của Excel - Các bước nhập công thức - Cú pháp của các hàm <p>SUM</p> <p>AVERAGE</p> <p>MAX</p> <p>MIN</p> <p>2. Bài tập</p> <p>a) Bài 1</p> <p>Giả sử trong ô A1, B1 lần lượt là các số -4, 3. Em hãy cho biết kết quả của các phép tính:</p> <p>=SUM(A1,B1)</p> <p>=SUM(A1,B1,B1)</p>

HD của GV và HS	Ghi Bảng
	=SUM(A1,B1,-5) =SUM(A1,B1,2)

3 . Củng cố:

- Nhắc lại các bước sử dụng hàm để tính toán.
- Nhận xét bài tập của học sinh.

Tiết:34

Ôn TẬP(tt)

Ngày soạn:

Ngày dạy:

I / MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Kiểm tra việc nắm bắt kiến thức của học sinh từ đầu năm học.
- Điều chỉnh việc học của học sinh cũng như việc dạy của giáo viên.

2. Kỹ Năng:

- Hình thành cho học sinh kỹ năng quan sát, phân tích, tư duy tổng hợp.

3. Thái độ:

- Nghiêm túc, tập trung, chú ý.

II /CHUẨN BỊ:

1. **Giáo viên:** Giáo trình, phòng máy, bảng phụ.

2. Học sinh: Học và chuẩn bị bài ở nhà.

III/ PHƯƠNG PHÁP:

Quan sát, phân tích tổng hợp.

IV/TIẾN TRÌNH BÀI DẠY:

1. Ôn định:

2. Bài mới:

HD của GV và HS	Ghi Bảng																																																
<p>Giáo viên đưa ra các chủ đề kiến thức lý thuyết cơ bản đã học trong chương trình học kỳ I.</p> <p>- Yêu cầu học sinh theo cá nhân lần lượt giải đáp các chủ đề lý thuyết đó.</p> <p>GV: Ra bài tập (treo bảng phụ) và hướng</p> <p>GV: Đưa ra bài tập 2 (phat phiếu học tập cho học sinh).</p> <p>Hướng dẫn học sinh làm.</p> <p>HS: Quan sát và ghi chép.</p> <p>Nhớ lại và trả lời.</p> <p>HS: Quan sát, nghe hướng dẫn và làm bài.</p> <p>- So sánh với các máy xung quanh.</p> <p>- Chữa bài nếu sai.</p> <p>HS: Quan sát bài tập.</p> <p>- Nghe hướng dẫn và thực hành làm bài.</p>	<p>1. Lý thuyết</p> <p>- Các thao tác khởi động Excel</p> <p>- Các thành phần trên cửa sổ của Excel</p> <p>- Các bước nhập công thức</p> <p>- Cú pháp của các hàm</p> <p>SUM</p> <p>AVERAGE</p> <p>MAX</p> <p>MIN</p> <p>2. Bài tập</p> <p>b) Bài tập 2</p> <p>- Sử dụng các hàm: SUM tính Tổng, MAX, MIN tính cột Tổng, AVERAGE tính cột Nông nghiệp, Công nghiệp, Dịch vụ.</p> <table><tr><td>1</td><td>Năm</td><td>NNghiệp</td><td>CNghiệp</td><td>DVụ</td><td>Tổng</td></tr><tr><td>2</td><td>2001</td><td>164031</td><td>542155</td><td>104945</td><td>?</td></tr><tr><td>3</td><td>2002</td><td>170366</td><td>70499</td><td>126381</td><td>?</td></tr><tr><td>4</td><td>2003</td><td>174927</td><td>136165</td><td>139721</td><td>?</td></tr><tr><td>5</td><td>2004</td><td>188045</td><td>159752</td><td>157753</td><td>?</td></tr><tr><td>6</td><td>GTB</td><td>?</td><td>?</td><td>?</td><td>?</td></tr><tr><td>7</td><td>GILN</td><td></td><td></td><td></td><td>?</td></tr><tr><td>8</td><td>GINN</td><td></td><td></td><td></td><td>?</td></tr></table> <p>- Lưu bảng với tên <i>Gia tri san xuat</i>.</p>	1	Năm	NNghiệp	CNghiệp	DVụ	Tổng	2	2001	164031	542155	104945	?	3	2002	170366	70499	126381	?	4	2003	174927	136165	139721	?	5	2004	188045	159752	157753	?	6	GTB	?	?	?	?	7	GILN				?	8	GINN				?
1	Năm	NNghiệp	CNghiệp	DVụ	Tổng																																												
2	2001	164031	542155	104945	?																																												
3	2002	170366	70499	126381	?																																												
4	2003	174927	136165	139721	?																																												
5	2004	188045	159752	157753	?																																												
6	GTB	?	?	?	?																																												
7	GILN				?																																												
8	GINN				?																																												

3. củng cố:

- Nhắc lại các bước sử dụng hàm để tính toán.

- Nhận xét bài tập của học sinh.

4. Hướng dẫn về nhà :

- Thực hành trên máy nếu có điều kiện.
- Chuẩn bị tốt cho bài kiểm tra học kỳ I.

KIỂM TRA HỌC KÌ I

I /MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Các thành phần trong trang tính.
- Các khái niệm đơn giản ban đầu của trang tính.

2. Kỹ Năng: Các thao tác cơ bản ban đầu khi làm việc với trang tính.

3. Thái độ: Hình thành thái độ trung thực, nghiêm túc khi làm bài.

II/ CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên: Giáo trình, đề bài.

2. Học sinh: Học và chuẩn bị bài ở nhà.

III /PHƯƠNG PHÁP:

Thi viết trên giấy.

IV /TIẾN TRÌNH LÊN LỚP:

A. Ma trận:

Nội dung	Cấp độ	Biết		Hiểu		Vận dụng		Tổng
		TN	TL	TN	TL	TN	TL	
Định dạng trang tính		C2,3 (1)			C1 (2)			4
Hàm				C5 (1)				1
In		C4 (1)						1
Các khái niệm				C1 (0,5)				0,5
Sắp xếp dữ liệu		C6 (0,5)					C2 (2)	3,5
Tổng		2,5		1,5	3		3	10

B. Nội dung đề:

I/TRẮC NGHIỆM (3đ)

Câu 1: Các dữ liệu nào sau đây dữ liệu nào kiểu kí tự?

- A. 20/08/1005
C. $=(20 * A1) / 10$

Câu 2: Nếu chọn đồng thời nhiều khối ô khác nhau không liên tục, ta chọn khối đầu tiên và nhấn chọn phím nào để lần lượt chọn các khối ô tiếp theo?

- A. Alt
B. Ctrl
C. Shift
D. Phím nào cũng được

Câu 3: Thanh công thức cho ta biết điều gì?

- A. Nội dung của ô tính đang được chọn.
B. Địa chỉ của ô tính đang được chọn.
C. Con trỏ ô đang ở vị trí nào đó.
D. Cả 3 câu A, B, C đều sai.

Câu 4: Muốn chèn thêm một cột em chọn lệnh nào sau đây?

- A. Mở bảng chọn table, sau đó chọn Insert Columns;
B. Mở bảng chọn Insert, sau đó chọn Rows;
C. Mở bảng chọn Insert, sau đó chọn Columns;
D. Mở bảng chọn Insert, sau đó chọn Insert Columns;

Câu 5: Để tính giá trị trung bình cộng của các ô A1, B1, C1, các cách tính nào sau đây là đúng?

- A. = Sum (A1+B1+C1) B. = AVERAGE(A1.B1.C1)
 C. = (A1+ B1+ C1)/3 D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 6: Công thức =Max(49,8,15,2007,30) có kết quả là?

- A. 2109 B. 2007
 C. 8 D. Công thức sai

II./ PHẦN TỰ LUẬN: (7 điểm)

Câu 1: (2đ) Nêu thao tác xóa cột ?

Câu 2: (2đ) Hãy nêu thao tác sao chép nội dung trong ô tính?

Câu 3: (3đ) Hãy cho biết ý nghĩa của các nút lệnh sau đây trên thanh công cụ chuẩn của Excell:

Nút lệnh	Tên tiếng anh	Ý nghĩa
	New	
	Save	
	Open	
	Copy	
	Cut	
	Paste	

C. Đáp án:

I. Trắc nghiệm:

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	B	B	A	C	C	B

Câu 1: (2đ) Nêu đúng được 2đ theo các cách khác nhau

Câu 2: (2đ) Hãy nêu thao tác sao chép nội dung trong ô tính?

- B1: Chọn ô hoặc các ô có thông tin em muốn sao chép (0.5 đ)
- B2: Nháy nút Copy trên thanh công cụ (0.5 đ)
- B3: Chọn ô em muốn đưa thông tin được sao chép vào. (0.5 đ)
- B4: Nháy nút Paste trên thanh công cụ (0.5 đ)

Câu 3: Hãy cho biết ý nghĩa của các nút lệnh sau đây trên thanh công cụ chuẩn của Excell: (3đ)

Nút lệnh	Tên tiếng anh	Ý nghĩa
	New	Mở trang tính mới (0.5 đ)
	Save	Lưu trang tính (0.5 đ)
	Open	Mở trang tính đã có trên đĩa (0.5 đ)
	Copy	Sao chép (0.5 đ)
	Cut	Di chuyển (0.5 đ)
	Paste	Dán (0.5 đ)

Ngày soạn:

Tiết: 37

Ngày dạy:

CHỦ ĐỀ 5 : ĐỊNH DẠNG TRÌNH BÀY VÀ IN TRANG TÍNH
BÀI 6: ĐỊNH DẠNG TRANG TÍNH

I/ MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: HS nắm được:

- Định dạng phông chữ, cỡ chữ và kiểu chữ.
- Chọn màu phông, cách căn lề trong ô tính.

2. Kỹ năng: Thao tác định dạng trang tính: thay đổi phông chữ, cỡ chữ, màu chữ, căn chỉnh.

3. Thái độ:

- Rèn kỹ năng thao tác nhanh với trang tính, tính thẩm mỹ khi trang trí. Tự giác tìm tòi học tập.

4. Các năng lực và phương pháp:

- Các năng lực cần hướng tới
 - NL giải quyết vấn đề
 - NL tự học
 - NL sáng tạo
 - NL giao tiếp
 - NL tự quản lý bản thân
 - NL sử dụng ngôn ngữ
 - NL hợp tác
 - NL sử dụng công nghệ thông tin
- Phương pháp và hình thức dạy học
 - Phương pháp dạy học, phương pháp hoạt động nhóm, phương pháp giao bài tập.
 - Hình thức dạy học : Dạy học trên lớp ; DH trên phòng máy tính, tự học, hoạt động nhóm.

II/ CHUẨN BỊ:

- GV: Giáo án, mẫu trang tính, máy tính.
- HS: Vở ghi.

III/ TIẾN TRÌNH LÊN LỚP.

1. Ôn định : sĩ số:

2. Kiểm tra bài cũ:

- Không kiểm tra.

3. Bài mới:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung chính
<p>Hoạt động 1: <u>Định dạng phông chữ, cỡ chữ và kiểu chữ.</u></p> <p>? Định dạng văn bản là gì? Định dạng văn bản nhằm mục đích gì?</p> <p>HS: Trả lời và nhận xét bổ sung</p> <p>GV: Kết luận</p> <p>GV: Đối với trang tính ta cũng phải định dạng để tạo ra trang tính rõ ràng khoa học.</p> <p>GV: Đưa ra trang tính mẫu để học sinh so sánh.</p> <p>? Em hãy nhắc lại các nút lệnh định dạng.</p> <p>HS: Trả lời.</p> <p>GV: Để định dạng đầu tiên ta phải chọn ô, khối, cột hay hàng.</p> <p>? Quan sát h53, h54, h55 em nào có thể thực hiện mẫu trên máy trong 5 phút.</p> <p>GV: Giới thiệu thêm cách định dạng Format\Cells và chọn Font</p> <p>GV: Thực hiện trên máy</p> <p>HS: Quan sát. Ghi bài</p>	<p><u>1. Định dạng phông chữ, cỡ chữ và kiểu chữ.</u></p> <p>Chọn phông chữ: VD vn.time</p> <p>Chọn cỡ chữ: VD 14</p> <p>Chọn kiểu chữ: B (đậm), I (ngghiêng), U (gạch chân).</p> <p>Có thể kết hợp 3 kiểu chữ.</p> <p>a) Thay đổi phông chữ.</p> <p>b) Thay đổi cỡ chữ</p> <p>c) Thay đổi kiểu chữ</p>

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung chính
Hoạt động 2 : <u>Chọn màu phong</u> GV: HS tìm hiểu thông tin h56 và thực hiện chọn màu phong HS: Thực hiện và nhận xét. HS: Ghi bài. Hoạt động 3 : <u>Căn lề trong ô tính</u> GV: HS quan sát hình 58 và thực hiện thao tác căn trái, căn giữa, căn phải ô tính. HS: Thực hiện GV: Giới thiệu nút lệnh <i>Merge and Center</i> : Gộp và căn giữa. HS: Quan sát và thực hiện lại	<u>2. Chọn màu phong</u> Bước 1: Chọn ô (hoặc các ô) cần định dạng) Bước 2: Nháy nút Font Color <u>3. Căn lề trong ô tính</u> Căn thẳng mép trái ô tính Căn thẳng mép phải ô tính Căn giữa ô tính Gộp ô và căn giữa.

4. Củng cố:

GV: Hướng dẫn làm bài tập và trả lời câu hỏi.

HS: Thực hiện kiểm tra trên máy.

5. Hướng dẫn về nhà:

-Về học bài.

-Chuẩn bị bài sau.

Tiết: 38

Ngày soạn:

Ngày dạy:

CHỦ ĐỀ 5 : ĐỊNH DẠNG TRÌNH BÀY VÀ IN TRANG TÍNH BÀI 6: ĐỊNH DẠNG TRANG TÍNH(tt)

I/ MỤC TIÊU:

1) Kiến thức:

- Sự tăng hay giảm số chữ số thập phân.
- Tô màu nền và kẻ đường biên của các ô tính.

2) Kỹ năng:

- Thực hiện thao tác định dạng trang tính: tăng giảm chữ số thập phân và tô màu nền ,kẻ đường biên.

3) Thái độ:

- Rèn kỹ năng thao tác với trang tính, tính thẩm mỹ khi trang trí. Tự giác tìm tòi học tập.

4) Các năng lực và phương pháp:

- Các năng lực cần hướng tới
- NL giải quyết vấn đề

- NL tự học
- NL sáng tạo
- NL giao tiếp
- NL tự quản lý bản thân
- NL sử dụng ngôn ngữ
- NL hợp tác
- NL sử dụng công nghệ thông tin
- Phương pháp và hình thức dạy học
- Phương pháp dạy học, phương pháp hoạt động nhóm, phương pháp giao bài tập.
- Hình thức dạy học : Dạy học trên lớp ; DH trên phòng máy tính, tự học, hoạt động nhóm.

II/ CHUẨN BỊ:

- GV: Giáo án, mẫu trang tính, máy tính.
- HS: Vở ghi.

III/ TIẾN TRÌNH LÊN LỚP.

1) Ổn định tổ chức: (1 phút) Kiểm tra sĩ số:

2) Kiểm tra bài cũ: (5 phút)

Câu hỏi: Em hãy thực hiện định dạng trang tính thay đổi phông chữ, cỡ chữ, kiểu chữ, màu chữ?

HS: Thực hiện trên máy.

GV: Nhận xét ghi điểm

3) Bài mới:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung chính
<p>Hoạt động 1 : <u>Tăng hoặc giảm số chữ số thập phân của dữ liệu số.</u> (12 phút)</p> <p>GV: Hướng dẫn thực hiện tăng giảm số chữ số thập phân.</p> <p>HS: Chú ý quan sát và ghi bài</p> <p>GV: HS mở trang tính <i>Bang diem cua lop em</i></p> <p>Thực hiện thao tác tính trung bình môn học.</p> <p>? Em có nhận xét gì về ĐTB</p> <p>HS: Có rất nhiều chữ số thập phân</p> <p>GV: Để thực hiện được ta thực hiện như hình 62</p> <p>HS: Thực hiện trong 5 phút</p> <p>GV: Quan sát nhận xét.</p> <p>Hoạt động 2 : <u>Tô màu nền và kẻ đường biên của các ô tính.</u> (15 phút)</p> <p>GV: Ta thấy các ô, hàng, cột khi soi không thấy. Do đó ta phải tạo đường đường biên. Để phân biệt và so sánh miền dữ liệu ta đổ màu nền.</p> <p>HS: hình 63 và hình 65 thực hiện thao tác đổ màu nền và tạo đường biên.</p> <p>HS: Thực hiện trên máy trong 7 phút.</p> <p>GV: Quan sát chỉ dẫn.</p> <p>GV: Hướng dẫn cách tạo đường biên và thực hiện trên máy.</p>	<p><u>4. Tăng hoặc giảm số chữ số thập phân của dữ liệu số.</u></p> <p>Bước 1: Chọn ô (hoặc các ô) cần tăng hay giảm chữ số</p> <p>Bước 2: Chọn nút lệnh tăng hay giảm</p> <p><u>5. Tô màu nền và kẻ đường biên của các ô tính.</u></p> <p>Bài 5: Khi sao chép thì phông chữ và màu chữ không thay đổi</p> <p>Bài 6: Kết quả là một số thập phân</p>

4) Củng cố: (8 phút).

GV: Hướng dẫn làm bài tập 4, 5, 6 tr 56:

- Bài 5: Khi sao chép thì phông chữ và màu chữ không thay đổi
- Bài 6: Kết quả là một số thập phân

HS: Thực hiện kiểm tra trên máy.

5) Hướng dẫn về nhà: (2 phút).

- Về học bài.
- Chuẩn bị bài sau.

CHỦ ĐỀ 5 : ĐỊNH DẠNG TRÌNH BÀY VÀ IN TRANG TÍNH**Thực hành: TRÌNH BÀY BẢNG ĐIỂM LỚP EM****I/ MỤC TIÊU:****1) Kiến thức:**

- Học sinh biết thực hiện các thao tác căn chỉnh dữ liệu và định dạng trang tính.
- Biết được mục đích, ý nghĩa của định dạng trang tính.

2) Kỹ năng:

- Thực hiện được việc định dạng về phong chữ, cỡ chữ, kiểu chữ.
- Sử dụng nút lệnh tăng giảm chữ số thập phân.

3) Thái độ:

- Rèn kỹ năng thao tác với trang tính, tự giác trong học tập.

4) Các năng lực và phương pháp:

- Các năng lực cần hướng tới
- NL giải quyết vấn đề
- NL tự học
- NL sáng tạo
- NL giao tiếp
- NL tự quản lý bản thân
- NL sử dụng ngôn ngữ
- NL hợp tác
- NL sử dụng công nghệ thông tin
- Phương pháp và hình thức dạy học
- Phương pháp dạy học, phương pháp hoạt động nhóm, phương pháp giao bài tập.
- Hình thức dạy học : Dạy học trên lớp ; DH trên phòng máy tính, tự học, hoạt động nhóm.

II/ CHUẨN BỊ:

- GV: Phòng máy, Một số trang tính mẫu để thực hành.
- HS: Ôn tập các nội dung đã học.

III/ TIẾN TRÌNH LÊN LỚP.**1) Ôn định tổ chức:** Kiểm tra sĩ số:**2) Kiểm tra bài cũ:** Kết hợp trong giờ.**3) Bài mới:**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung chính
Hoạt động 1 : Bài 1 Yêu cầu: - Thực hiện định dạng với phong chữ, kiểu chữ, cỡ chữ và màu sắc khác nhau; dữ liệu số được căn giữa. - Hàng 1 có các ô từ A1 đến G1 được gộp thành một ô và nội dung được căn giữa bảng. - Các cột và các hàng được tô các màu nền cả kẻ đường biên để dễ phân biệt	Bài tập 1: Thực hành định dạng văn bản và số, căn chỉnh dữ liệu, tô màu văn bản, kẻ đường biên và tô màu nền
Hoạt động 2 : Bài 2	

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung chính																																																																																																																																																																																																																											
<p>a) Lập trang tính với dữ liệu các nước trong khu vực Đông Nam á như hình vẽ sau</p> <p>b) Lập công thức để tính mật độ dân số của Bru-nây trong ô E6. Sao chép công thức vào các ô tương ứng của cột E để tính mật độ dân số của các nước còn lại.</p> <p>c) Chèn thêm các hàng trống cần thiết, để điểm chỉnh, cột và thực hiện các thao tác định dạng văn bản, định dạng số để có trang tính tương tự như hình vẽ.</p> <p>d) Lưu bảng tính với tên các nước ĐNA</p>	<table><tr><th></th><th>A</th><th>B</th><th>C</th><th>D</th><th>E</th><th>F</th><th>G</th><th></th></tr><tr><td>1</td><td colspan="8">Bảng điểm lớp 7A</td></tr><tr><td>2</td><td>Stt</td><td>Họ và tên</td><td>Toán</td><td>Vật lí</td><td>Ngữ văn</td><td>Tin học</td><td>Điểm trung bình</td><td></td></tr><tr><td>3</td><td>1</td><td>Đinh Hoàng An</td><td>8</td><td>7</td><td>8</td><td>8</td><td></td><td></td></tr><tr><td>4</td><td>2</td><td>Lê Hoài Anh</td><td>8</td><td>8</td><td>8</td><td>8</td><td></td><td></td></tr><tr><td>5</td><td>3</td><td>Lê Thái Anh</td><td>8</td><td>8</td><td>7</td><td>8</td><td></td><td></td></tr><tr><td>6</td><td>4</td><td>Phạm Như Anh</td><td>9</td><td>10</td><td>10</td><td>10</td><td></td><td></td></tr><tr><td>7</td><td>5</td><td>Vũ Việt Anh</td><td>8</td><td>6</td><td>8</td><td>8</td><td></td><td></td></tr><tr><td>8</td><td>6</td><td>Phạm Thanh Bình</td><td>8</td><td>9</td><td>9</td><td>8</td><td></td><td></td></tr><tr><td>9</td><td>7</td><td>Trần Quốc Bình</td><td>8</td><td>8</td><td>9</td><td>9</td><td></td><td></td></tr><tr><td>10</td><td>8</td><td>Trần Quốc Bình</td><td>7</td><td>6</td><td>8</td><td>9</td><td></td><td></td></tr><tr><td>11</td><td>9</td><td>Vũ Xuân Cường</td><td>8</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td></td><td></td></tr><tr><td>12</td><td>10</td><td>Trần Quốc Đạt</td><td>10</td><td>9</td><td>9</td><td>9</td><td></td><td></td></tr><tr><td>13</td><td>11</td><td>Nguyễn Anh Duy</td><td>8</td><td>7</td><td>8</td><td>8</td><td></td><td></td></tr><tr><td>14</td><td>12</td><td>Nguyễn Trung Dũng</td><td>8</td><td>7</td><td>8</td><td>7</td><td></td><td></td></tr><tr><td>15</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>16</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table> <p>Bài 2: Thực hành lập trang tính, sử dụng công thức, định dạng, căn chỉnh dữ liệu và tô màu.</p> <table><tr><th>Stt</th><th>Quốc gia</th><th>Diện tích (nghìn Km²)</th><th>Dân số (Triệu người)</th><th>Mật độ (Người/Km2)</th><th>Tỉ lệ đô thị (%)</th></tr><tr><td>1</td><td>Việt Nam</td><td>329.3</td><td>83.1</td><td>252</td><td>27</td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table>		A	B	C	D	E	F	G		1	Bảng điểm lớp 7A								2	Stt	Họ và tên	Toán	Vật lí	Ngữ văn	Tin học	Điểm trung bình		3	1	Đinh Hoàng An	8	7	8	8			4	2	Lê Hoài Anh	8	8	8	8			5	3	Lê Thái Anh	8	8	7	8			6	4	Phạm Như Anh	9	10	10	10			7	5	Vũ Việt Anh	8	6	8	8			8	6	Phạm Thanh Bình	8	9	9	8			9	7	Trần Quốc Bình	8	8	9	9			10	8	Trần Quốc Bình	7	6	8	9			11	9	Vũ Xuân Cường	8	7	8	9			12	10	Trần Quốc Đạt	10	9	9	9			13	11	Nguyễn Anh Duy	8	7	8	8			14	12	Nguyễn Trung Dũng	8	7	8	7			15									16									Stt	Quốc gia	Diện tích (nghìn Km²)	Dân số (Triệu người)	Mật độ (Người/Km2)	Tỉ lệ đô thị (%)	1	Việt Nam	329.3	83.1	252	27																																																						
	A	B	C	D	E	F	G																																																																																																																																																																																																																					
1	Bảng điểm lớp 7A																																																																																																																																																																																																																											
2	Stt	Họ và tên	Toán	Vật lí	Ngữ văn	Tin học	Điểm trung bình																																																																																																																																																																																																																					
3	1	Đinh Hoàng An	8	7	8	8																																																																																																																																																																																																																						
4	2	Lê Hoài Anh	8	8	8	8																																																																																																																																																																																																																						
5	3	Lê Thái Anh	8	8	7	8																																																																																																																																																																																																																						
6	4	Phạm Như Anh	9	10	10	10																																																																																																																																																																																																																						
7	5	Vũ Việt Anh	8	6	8	8																																																																																																																																																																																																																						
8	6	Phạm Thanh Bình	8	9	9	8																																																																																																																																																																																																																						
9	7	Trần Quốc Bình	8	8	9	9																																																																																																																																																																																																																						
10	8	Trần Quốc Bình	7	6	8	9																																																																																																																																																																																																																						
11	9	Vũ Xuân Cường	8	7	8	9																																																																																																																																																																																																																						
12	10	Trần Quốc Đạt	10	9	9	9																																																																																																																																																																																																																						
13	11	Nguyễn Anh Duy	8	7	8	8																																																																																																																																																																																																																						
14	12	Nguyễn Trung Dũng	8	7	8	7																																																																																																																																																																																																																						
15																																																																																																																																																																																																																												
16																																																																																																																																																																																																																												
Stt	Quốc gia	Diện tích (nghìn Km²)	Dân số (Triệu người)	Mật độ (Người/Km2)	Tỉ lệ đô thị (%)																																																																																																																																																																																																																							
1	Việt Nam	329.3	83.1	252	27																																																																																																																																																																																																																							

4) Củng cố:

- Kiểm tra kết quả (cho điểm nếu lấy điểm).
- Nhận xét tiết học.
- Tắt máy và vệ sinh phòng máy.

5) Hướng dẫn về nhà:

- Về học bài.
- Chuẩn bị bài sau.

CHỦ ĐỀ 5 : ĐỊNH DẠNG TRÌNH BÀY VÀ IN TRANG TÍNH TRÌNH BÀY VÀ IN TRANG TÍNH

I/ MỤC TIÊU:

1) Kiến thức:

- Giúp học sinh hiểu được mục đích của việc xem trang tính trước khi in.
- Biết điều chỉnh trang in : di chuyển dấu ngắt trang, đặt lề và hướng giấy in.

2) Kỹ năng:

- Biết cách xem trước khi in.
- Biết cách in trang tính.

3) Thái độ: Rèn kỹ năng thao tác với trang tính, tự giác trong học tập.

4) Các năng lực và phương pháp:

- Các năng lực cần hướng tới
 - NL giải quyết vấn đề
 - NL tự học
 - NL sáng tạo
 - NL giao tiếp
 - NL tự quản lý bản thân
 - NL sử dụng ngôn ngữ
 - NL hợp tác
 - NL sử dụng công nghệ thông tin
- Phương pháp và hình thức dạy học
 - Phương pháp dạy học, phương pháp hoạt động nhóm, phương pháp giao bài tập.
 - Hình thức dạy học : Dạy học trên lớp ; DH trên phòng máy tính, tự học, hoạt động nhóm.

II/ CHUẨN BỊ:

- GV: Soạn giáo án và chuẩn bị máy tính có cài đặt máy in để hướng dẫn học sinh

III/ TIẾN TRÌNH LÊN LỚP.

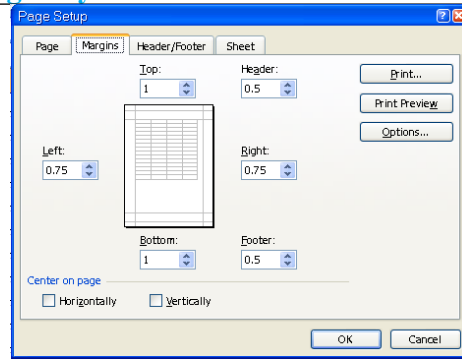
1) Ổn định : Kiểm tra sĩ số:

2) Kiểm tra bài cũ: Kết hợp trong giờ.

3) Bài mới:

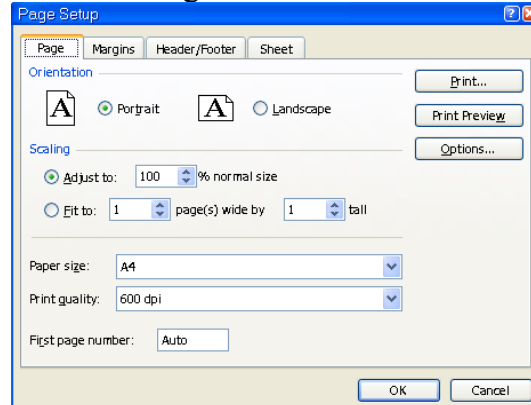
Hoạt động của GV và HS	Nội dung ghi bảng
<p>Giáo viên giới thiệu trước khi in chúng ta cần xem trang tính đã đặt tiêu chuẩn hay chưa để ta sửa lại. Muốn vậy ta phải thực hiện thao tác xem trước khi in.</p> <p><i>Giáo viên: Nhấn mạnh tùy theo từng trang tính mà ta quyết định là in theo chiều dọc hay in theo chiều ngang. Nếu trang tính quá nhiều cột mà in theo chiều dọc không đủ thì bắt buộc ta phải in theo chiều ngang(ví dụ thời khoá biểu của một trường thì bắt buộc phải in theo chiều ngang thì mới đủ các cột trong tuần)</i></p>	<p>1. Xem trước khi in: Để xem trang tính trước khi in ta chỉ cần nháy vào nút lệnh Print Preview trên thanh công cụ </p> <p>1. Đặt lề và hướng giấy in: Menu File/Page setup ta được cửa sổ màn hình như sau:</p> <p>Để đặt lề cho trang in ta thao tác theo các bước sau:</p>

Gv: Giới thiệu hộp thoại Print trong đó nhấn mạnh các mục : All, Page, Number of copies, Colage...



+ Top/ Bottom/ Left/ Right: Để thay đổi độ rộng, hẹp các lề của trang in.

Để đặt hướng in ta thao tác theo các bước như sau:



-Portrait: In theo chiều dọc của trang giấy.

- Landscape: In theo chiều ngang của trang giấy.

4) Củng cố:

- Trình bày cách đặt lề và đặt hướng in cho trang tính cho trang tính.
- Nêu các mục lựa chọn trong mục hội thoại Print.

5) Hướng dẫn về nhà:

BÀI 7: TRÌNH BÀY VÀ IN TRANG TÍNH(tt)**I/ MỤC TIÊU:****1) Kiến thức:**

- Giúp học sinh hiểu được mục đích của việc xem trang tính trước khi in.
- Biết điều chỉnh trang in bằng cách di chuyển dấu ngắt trang, đặt lề và hướng giấy in.

2) Kỹ năng:

- Biết cách xem trước khi in.
- Biết cách in trang tính.

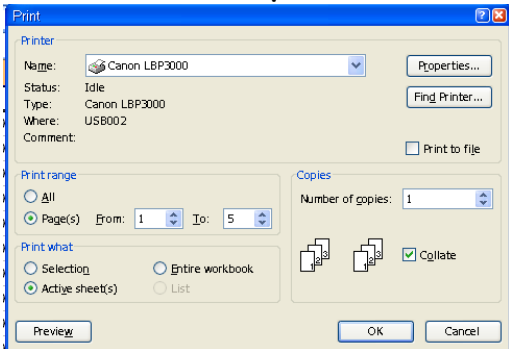
3) Thái độ: Rèn kỹ năng thao tác với trang tính, tự giác trong học tập.**4) Các năng lực và phương pháp:**

- Các năng lực cần hướng tới
 - NL giải quyết vấn đề
 - NL tự học
 - NL sáng tạo
 - NL giao tiếp
 - NL tự quản lý bản thân
 - NL sử dụng ngôn ngữ
 - NL hợp tác
 - NL sử dụng công nghệ thông tin
- Phương pháp và hình thức dạy học
 - Phương pháp dạy học, phương pháp hoạt động nhóm, phương pháp giao bài tập.
 - Hình thức dạy học : Dạy học trên lớp ; DH trên phòng máy tính, tự học, hoạt động nhóm

II/ CHUẨN BỊ:

- GV: Soạn giáo án và chuẩn bị máy tính có cài đặt máy in để hướng dẫn học sinh

III/ TIẾN TRÌNH LÊN LỚP.**1) Ổn định tổ chức:****2) Kiểm tra bài cũ:****3) Bài mới:**

Hoạt động của GV và HS	Nội dung ghi bảng
<p>Giáo viên: Giới thiệu hộp thoại Print trong đó nhấn mạnh các mục : All, Page, Number of copies, Colage...</p>	<p>2 In trang tính:</p> <p>Để in trang tính ta có thể thực hiện các cách sau:</p> <p>C1: Nháy vào biểu tượng máy in trên thanh công cụ.</p> <p>C2: Vào File và chọn Print</p>  <p>-Đánh dấu khối cần in (Selection)</p> <p>- Menu File/Print/Selection/OK</p> <p>-In một hoặc những trang in trong bảng tính:</p> <p>- menu File/Print/Page(s) From: nhập trang bắt đầu in</p>

4) Củng cố:

- Trình bày cách đặt lề và đặt hướng in cho trang tính cho trang tính.
- Nêu các mục lựa chọn trong mục hội thoại Print.

5) Hướng dẫn về nhà:

- Về nhà ôn tập các nội dung đã học
- Giờ sau thực hành trên phòng máy.

CHỦ ĐỀ 5 : ĐỊNH DẠNG TRÌNH BÀY VÀ IN TRANG TÍNH**Bài thực hành 7****THỰC HÀNH IN DANH SÁCH LỚP EM****I/ MỤC TIÊU:****1) Kiến thức:**

- Học sinh biết vận dụng lệnh xem trước khi in trang tính, các thao tác định dạng trang in, giấy in.

2) Kỹ năng:

- Biết kiểm tra trang tính trước khi in, Thiết lập lề và hướng giấy cho trang in, Biết điều chỉnh các dấu ngắt trang phù hợp với yêu cầu in.

3) Thái độ:

- Nghiêm túc ghi chép, cẩn thận trong quá trình thực hành phòng máy.

4) Các năng lực và phương pháp:

- Các năng lực cần hướng tới

- NL giải quyết vấn đề
- NL tự học
- NL sáng tạo
- NL giao tiếp
- NL tự quản lý bản thân
- NL sử dụng ngôn ngữ
- NL hợp tác
- NL sử dụng công nghệ thông tin

- Phương pháp và hình thức dạy học

- Phương pháp dạy học, phương pháp hoạt động nhóm, phương pháp giao bài tập.
Hình thức dạy học : Dạy học trên lớp ; DH trên phòng máy tính, tự học, hoạt động nhóm.

II/ CHUẨN BỊ:

1.GV: Giáo trình, Phòng máy.

2.HS: Chuẩn bị bài ở nhà.

III/ TIẾN TRÌNH LÊN LỚP.**1) Ôn định tổ chức:** Kiểm tra sĩ số:**2) Kiểm tra bài cũ:**

HS1: Làm cách nào để có thể điều chỉnh trang in hợp lý?

HS2: Làm thế nào để có thể thay đổi hướng của giấy in?

TL: Để điều chỉnh trang in hợp lý ta dùng bảng chọn File → Print preview

Để thay đổi hướng giấy in ta vào bảng chọn File → Page Setup.

3) Bài mới:

Hoạt động của GV và HS	Ghi bảng
Hoạt động 1: bài tập 1 GV: Yêu cầu HS mở bảng tính Bảng điểm lớp em (đã lưu trong bài thực hành 6). HS: Quan sát trên màn chiếu và thực hiện theo các yêu cầu của giáo viên	Bài tập 1. Kiểm tra trang tính trước khi in <i>a) Sử dụng công cụ Print Preview để xem trang tính trước khi in.</i> Quan sát sự thay đổi của màn hình và các đối tượng trên màn hình. Sử

GV: Yêu cầu HS tiếp tục sử dụng bảng tính *Bảng điểm lớp em*.

a) Mở hộp thoại Page Setup. Trên trang Margins của hộp thoại, quan sát và ghi nhận các thông số ngầm định trong các ô Top, Bottom, Left và Right, sau đó thay đổi các thông số này. Nháy OK sau mỗi lần thay đổi thông số để thấy tác dụng trên trang in. Cuối cùng đặt các thông số này tương ứng là 2; 1.5; 1.5 và 2.

b) trên trang Page của hộp thoại Page Setup, quan sát và ghi nhận các thiết đặt ngầm định Portrait (đứng). Đánh dấu chọn trong ô Landscape và quan sát tác dụng. Cuối cùng đặt lại hướng giấy đứng.

c) Trở lại với các thiết đặt trang đứng và không có tỷ lệ, kiểm tra các trang bằng chế độ hiển thị Page Break Preview. Kéo thả chuột để điều chỉnh lại sao cho các cột được in hết trên một trang, mỗi trang in khoảng 25 hàng (hình)

Hoạt động 2: bài tập 2

- Yêu cầu: Dữ liệu trong hàng tiêu đề (hàng 3) được căn giữa với kiểu chữ đậm và cỡ chữ to hơn.

- Dữ liệu trong các cột Stt, chiều cao, cân nặng được căn giữa; trong các cột Họ và tên, Địa chỉ, Điện thoại – căn trái; trong cột Ngày sinh – căn phải.

- Dữ liệu trong cột chiều cao được định dạng với hai chữ số thập phân.

- Các hàng được tô màu nền phân biệt để dễ tra cứu.

HS: Thực hành trên máy cá nhân.

Hoạt động 3: bài tập 3

dùng các nút lệnh thay đổi của màn hình và các đối tượng trên màn hình. Sử dụng các nút lệnh Next và Previous trên thanh công cụ để xem các trang in.

b) *Tìm hiểu chức năng của các nút lệnh khác trên thanh công cụ Print Preview*



c) Sử dụng nút lệnh để xem các dấu ngắt trang.

d) Ghi nhận các khiếm khuyết về ngắt trang trên các trang in; liệt kê những hướng khắc phục khuyết điểm đó.

Bài tập 2. Thiết đặt lề trang in, hướng giấy và điều chỉnh các dấu ngắt trang.

A	B	C	D	E	F	G	H
Stt	Họ và tên	To, n	Việt Lg	Ng: v	Tin hắc	Siêu trung bình	
1	Sinh Vn Hoàng Ar	9	8	7	9	8.3	
2	L: Thp Hoi An	8	9	8	9	8.3	
3	L: Thp Anh	9	8	7	9	8.3	
4	Phm Nh: Anh	8	7	8	9	8.0	
5	Vô Việt Anh	9	8	7	9	8.3	
6	Phm Thanh Bnh	8	9	8	8	8.3	
7	Nguy Ôn Linh Chi	9	7	9	9	8.5	
8	Vô Xuân C-nh	8	8	7	8	7.5	
9	Trên Quốc St	9	9	9	9	9.0	
10	Nguy Ôn Anh Dug	9	7	7	9	8.0	
11	Sinh Vn Hoàng Ar	9	8	7	9	8.3	
12	L: Thp Hoi An	8	9	8	8	8.3	
13	L: Thp Anh	9	8	7	9	8.3	
14	Phm Nh: Anh	8	7	8	9	8.0	
15	Vô Việt Anh	9	8	7	9	8.3	
16	Phm Thanh Bnh	8	9	8	8	8.3	
17	Nguy Ôn Linh Chi	9	7	9	9	8.5	
18	Vô Xuân C-nh	8	8	7	8	7.5	
19	Trên Quốc St	9	9	9	9	9.0	
20	Nguy Ôn Anh Dug	9	7	7	9	8.0	
21	Sinh Vn Hoàng Ar	9	8	7	9	8.3	
22	L: Thp Hoi An	8	9	8	8	8.3	
23	L: Thp Anh	9	8	7	9	8.3	
24	Phm Nh: Anh	8	7	8	9	8.0	
25	Vô Việt Anh	9	8	7	9	8.3	
26	Phm Thanh Bnh	8	9	8	8	8.3	
27	Nguy Ôn Linh Chi	9	7	9	9	8.5	
28	Vô Xuân C-nh	8	8	7	8	7.5	
29	Trên Quốc St	9	9	9	9	9.0	
30	Nguy Ôn Anh Dug	9	7	7	9	8.0	
31	Sinh Vn Hoàng Ar	9	8	7	9	8.3	
32	L: Thp Hoi An	8	9	8	8	8.3	
33	L: Thp Anh	9	8	7	9	8.3	
34	Phm Nh: Anh	8	7	8	9	8.0	
35	Vô Việt Anh	9	8	7	9	8.3	

Bài tập 3: Định dạng và trình bày trang tính.

a) Thực hiện các định dạng cần thiết để có trang tính tương tự hình 81.

b) Xem trước trang in, kiểm tra các dấu ngắt trang và thiết đặt hướng trang nằm ngang để in hết các cột trên một trang, thiết đặt lề thích hợp và lựa chọn để in nội dung giữa trang giấy theo chiều ngang.

c) Lưu bảng tính và thực hiện lệnh in.

4) củng cố:

- Xem lại các nội dung trong tiết vừa thực hành

5) Hướng dẫn về nhà:

- Về nhà ôn tập các nội dung đã học
- Thực hành lại ở nhà nếu có điều kiện.

Tiết:45

Ngày soạn:

Ngày dạy:

CHỦ ĐỀ 6: SẮP XẾP VÀ LỌC DỮ LIỆU
BÀI 8: SẮP XẾP VÀ LỌC DỮ LIỆU

I/ MỤC TIÊU:**1) Kiến thức:** HS được trang bị kiến thức về sắp xếp và lọc dữ liệu trang tính.**2) Kỹ năng:**

- Biết sắp xếp dữ liệu trong trang tính, biết lọc dữ liệu theo yêu cầu cụ thể
- Từ việc sắp xếp dữ liệu, học sinh có thể so sánh dữ liệu trong cùng một bảng tính.

3) Thái độ: Nghiêm túc ghi chép, cẩn thận trong quá trình thực hành phòng máy.**4) Các năng lực và phương pháp:**

- Các năng lực cần hướng tới
 - NL giải quyết vấn đề
 - NL tự học
 - NL sáng tạo
 - NL giao tiếp
 - NL tự quản lý bản thân
 - NL sử dụng ngôn ngữ
 - NL hợp tác
 - NL sử dụng công nghệ thông tin
 - Phương pháp và hình thức dạy học
 - Phương pháp dạy học, phương pháp hoạt động nhóm, phương pháp giao bài tập.
- Hình thức dạy học : Dạy học trên lớp ; DH trên phòng máy tính, tự học, hoạt động nhóm.

II/ CHUẨN BỊ:

1. GV: Giáo án, phòng máy.

2. HS: Tập sách.

III/ TIẾN TRÌNH LÊN LỚP:**1) Ổn định tổ chức:** Kiểm tra sĩ số:**2) Kiểm tra bài cũ:**

? Mở một bảng tính bất kỳ. Thực hiện thao tác thay đổi hướng của giấy in?

Giáo viên quan sát, nhận xét và cho điểm.

3) Bài mới:

Hoạt động của GV và HS	Ghi bảng																																																																													
<p>Hoạt động 1: Sắp xếp dữ liệu</p> <p>GV: Sắp xếp dữ liệu là hoán đổi vị trí các hàng để giá trị dữ liệu trong một hay nhiều cột được sắp xếp theo thứ tự tăng dần hoặc giảm dần.</p> <p>GV: cho HS quan sát hình.</p> <p>HS: Quan sát trên hình.</p> <p>GV: Để sắp xếp thứ hạng của HS theo điểm Trung bình ta thực hiện như sau:</p> <p>1. Nháy chuột chọn một ô trong cột điểm trung bình</p> <p>2. Nháy nút  trên thanh công cụ</p> <p>Ta sẽ nhận được kết quả tương tự như hình minh họa.</p> <p>HS: Lắng nghe và ghi chép</p>	<p>1. Sắp xếp dữ liệu</p> <p>- Nháy chuột chọn một ô trong cột cần sắp xếp dữ liệu</p> <p>- Nháy nút  hay  trên thanh công cụ để sắp xếp theo thứ tự tăng dần hoặc giảm dần.</p> <p>Ví dụ: Trang tính dưới đây là kết quả học tập của một số HS lớp 7a.</p> <table><caption>BẢNG ĐIỂM LỚP 7A</caption><tr><th>Stt</th><th>Họ tên</th><th>Toán</th><th>Vật Lý</th><th>Ngữ văn</th><th>Tin học</th><th>Điểm trung bình</th></tr><tr><td>1</td><td>Đinh Văn Hoàng An</td><td>4</td><td>8</td><td>7</td><td>9</td><td>7.0</td></tr><tr><td>2</td><td>Lê Thị Hoài An</td><td>6</td><td>9</td><td>8</td><td>8</td><td>7.8</td></tr><tr><td>3</td><td>Lê Thái Anh</td><td>8</td><td>8</td><td>7</td><td>9</td><td>8.0</td></tr><tr><td>4</td><td>Phạm Như Anh</td><td>7</td><td>7</td><td>5</td><td>9</td><td>7.0</td></tr><tr><td>5</td><td>Vũ Việt Anh</td><td>5</td><td>8</td><td>8</td><td>9</td><td>7.5</td></tr><tr><td>6</td><td>Phạm Thanh Bình</td><td>4</td><td>9</td><td>4</td><td>8</td><td>6.5</td></tr><tr><td>7</td><td>Nguyễn Linh Chi</td><td>5</td><td>7</td><td>7</td><td>9</td><td>7.0</td></tr><tr><td>8</td><td>Vũ Xuân Cường</td><td>8</td><td>8</td><td>6</td><td>8</td><td>7.5</td></tr><tr><td>9</td><td>Trần Quốc Đạt</td><td>9</td><td>9</td><td>9</td><td>9</td><td>9.0</td></tr><tr><td>10</td><td>Nguyễn Anh Duy</td><td>9</td><td>7</td><td>7</td><td>9</td><td>8.0</td></tr></table>	Stt	Họ tên	Toán	Vật Lý	Ngữ văn	Tin học	Điểm trung bình	1	Đinh Văn Hoàng An	4	8	7	9	7.0	2	Lê Thị Hoài An	6	9	8	8	7.8	3	Lê Thái Anh	8	8	7	9	8.0	4	Phạm Như Anh	7	7	5	9	7.0	5	Vũ Việt Anh	5	8	8	9	7.5	6	Phạm Thanh Bình	4	9	4	8	6.5	7	Nguyễn Linh Chi	5	7	7	9	7.0	8	Vũ Xuân Cường	8	8	6	8	7.5	9	Trần Quốc Đạt	9	9	9	9	9.0	10	Nguyễn Anh Duy	9	7	7	9	8.0
Stt	Họ tên	Toán	Vật Lý	Ngữ văn	Tin học	Điểm trung bình																																																																								
1	Đinh Văn Hoàng An	4	8	7	9	7.0																																																																								
2	Lê Thị Hoài An	6	9	8	8	7.8																																																																								
3	Lê Thái Anh	8	8	7	9	8.0																																																																								
4	Phạm Như Anh	7	7	5	9	7.0																																																																								
5	Vũ Việt Anh	5	8	8	9	7.5																																																																								
6	Phạm Thanh Bình	4	9	4	8	6.5																																																																								
7	Nguyễn Linh Chi	5	7	7	9	7.0																																																																								
8	Vũ Xuân Cường	8	8	6	8	7.5																																																																								
9	Trần Quốc Đạt	9	9	9	9	9.0																																																																								
10	Nguyễn Anh Duy	9	7	7	9	8.0																																																																								

Sau khi sắp xếp được kết quả:

	A	B	C	D	E	F	G
1	BẢNG ĐIỂM LỚP 7A						
2	Stt	Họ tên	Toán	Vật Lý	Ngữ văn	Tin học	Điểm trung bình
3	6	Phạm Thanh Bình	4	9	4	8	6.3
4	1	Đinh Văn Hoàng An	4	8	7	9	7.0
5	4	Phạm Như Anh	7	7	5	9	7.0
6	7	Nguyễn Linh Chi	5	7	7	9	7.0
7	5	Vũ Việt Anh	5	8	8	9	7.5
8	8	Vũ Xuân Cường	8	8	6	8	7.5
9	2	Lê Thị Hoài An	6	9	8	8	7.8
10	3	Lê Thái Anh	8	8	7	9	8.0
11	10	Nguyễn Anh Duy	9	7	7	9	8.0
12	9	Trần Quốc Đạt	9	9	9	9	9.0
13							

4) Củng cố:

- Yêu cầu: Tự lập bảng tính tương tự như bảng tính trên và thực hiện sắp xếp theo thứ tự tăng dần và giảm dần.

5) Hướng dẫn về nhà:

- Xem lại các thao tác để sắp xếp dữ liệu trong bảng tính.
- Thực hành nếu có điều kiện

Tiết: 46

Ngày soạn:

Ngày dạy:

CHỦ ĐỀ 6: SẮP XẾP VÀ LỌC DỮ LIỆU
BÀI 8: SẮP XẾP VÀ LỌC DỮ LIỆU(tt)

I/ MỤC TIÊU:**1) Kiến thức:** HS được trang bị kiến thức về sắp xếp và lọc dữ liệu trang tính..**2) Kỹ năng:**

- Biết sắp xếp dữ liệu trong trang tính, biết lọc dữ liệu theo yêu cầu cụ thể
- Từ việc sắp xếp dữ liệu, học sinh có thể so sánh dữ liệu trong cùng một bảng tính.

3) Thái độ: Nghiêm túc ghi chép, cẩn thận trong quá trình thực hành phòng máy.**4) Các năng lực và phương pháp:**

- Các năng lực cần hướng tới
 - NL giải quyết vấn đề
 - NL tự học
 - NL sáng tạo
 - NL giao tiếp
 - NL tự quản lý bản thân
 - NL sử dụng ngôn ngữ
 - NL hợp tác
 - NL sử dụng công nghệ thông tin
 - Phương pháp và hình thức dạy học
 - Phương pháp dạy học, phương pháp hoạt động nhóm, phương pháp giao bài tập.
- Hình thức dạy học : Dạy học trên lớp ; DH trên phòng máy tính, tự học, hoạt động nhóm.

II/ CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên: Giáo trình, Phòng máy.

2. Học sinh: Chuẩn bị bài ở nhà.

III/ TIẾN TRÌNH LÊN LỚP.**1) Ổn định tổ chức:** Kiểm tra sĩ số:**2) Kiểm tra bài cũ:**

? Mở bảng tính Bảng điểm lớp em. Thực hiện thao tác sắp xếp dữ liệu tăng dần theo Điểm trung bình.

- GV quan sát học sinh thực hiện trên máy → nhận xét và cho điểm.

3) Bài mới:

Hoạt động của GV và HS	Ghi bảng																																																																																																																																											
<p>Hoạt động 1: Lọc dữ liệu</p> <p>GV: Lọc dữ liệu là chọn và chỉ hiện thị các hàng thoả mãn các tiêu chuẩn nhất định nào đó.</p> <p>- Ví dụ: Lọc ra các học sinh có điểm trung bình là 8.8 trở lên (minh hoạ)</p> <table><tr><th>A</th><th>B</th><th>C</th><th>D</th><th>E</th><th>F</th><th>G</th><th>H</th></tr><tr><td>1</td><td colspan="7">BẢNG ĐIỂM LỚP 7A</td></tr><tr><td>2</td><td>St</td><td>Họ tên</td><td>Toán</td><td>Vật Lý</td><td>Ngữ văn</td><td>Tin học</td><td>Điểm trung bình</td></tr><tr><td>10</td><td>3</td><td>Lê Thái Anh</td><td>8</td><td>8</td><td>7</td><td>9</td><td>8.0</td></tr><tr><td>11</td><td>10</td><td>Nguyễn Anh Duy</td><td>9</td><td>7</td><td>7</td><td>9</td><td>8.0</td></tr><tr><td>12</td><td>9</td><td>Trần Quốc Đạt</td><td>9</td><td>9</td><td>9</td><td>9</td><td>9.0</td></tr></table> <p>GV: Để lọc dữ liệu thì bước đầu tiên ta phải làm gì?</p>	A	B	C	D	E	F	G	H	1	BẢNG ĐIỂM LỚP 7A							2	St	Họ tên	Toán	Vật Lý	Ngữ văn	Tin học	Điểm trung bình	10	3	Lê Thái Anh	8	8	7	9	8.0	11	10	Nguyễn Anh Duy	9	7	7	9	8.0	12	9	Trần Quốc Đạt	9	9	9	9	9.0	<p>2. Lọc dữ liệu</p> <p>Thực hiện các thao tác sau:</p> <p><i>Bước 1. Chuẩn bị:</i></p> <p>- Nháy chuột chọn 1 một ô trong vùng có dữ liệu cần lọc.</p> <p>- Mở bảng chọn Data -> Filter→</p> <p>A</p> <table><tr><th>A</th><th>B</th><th>C</th><th>D</th><th>E</th><th>F</th><th>G</th></tr><tr><td>1</td><td colspan="6">BẢNG ĐIỂM LỚP 7A</td></tr><tr><td>2</td><td>St</td><td>Họ tên</td><td>Toán</td><td>Vật Lý</td><td>Ngữ văn</td><td>Tin học</td></tr><tr><td>3</td><td>6</td><td>Phạm Thanh Bình</td><td>4</td><td>9</td><td>4</td><td>8</td></tr><tr><td>4</td><td>1</td><td>Đinh Văn Hoàng An</td><td>4</td><td>8</td><td>7</td><td>9</td></tr><tr><td>5</td><td>4</td><td>Phạm Như Anh</td><td>7</td><td>7</td><td>5</td><td>9</td></tr><tr><td>6</td><td>7</td><td>Nguyễn Linh Chi</td><td>5</td><td>7</td><td>7</td><td>9</td></tr><tr><td>7</td><td>5</td><td>Vũ Việt Anh</td><td>5</td><td>8</td><td>8</td><td>9</td></tr><tr><td>8</td><td>8</td><td>Vũ Xuân Cường</td><td>8</td><td>8</td><td>6</td><td>8</td></tr><tr><td>9</td><td>2</td><td>Lê Thị Hoài An</td><td>6</td><td>9</td><td>8</td><td>8</td></tr><tr><td>10</td><td>3</td><td>Lê Thái Anh</td><td>8</td><td>8</td><td>7</td><td>9</td></tr><tr><td>11</td><td>10</td><td>Nguyễn Anh Duy</td><td>9</td><td>7</td><td>7</td><td>9</td></tr><tr><td>12</td><td>9</td><td>Trần Quốc Đạt</td><td>9</td><td>9</td><td>9</td><td>9</td></tr></table> <p>S</p> <p>→ sau:</p>	A	B	C	D	E	F	G	1	BẢNG ĐIỂM LỚP 7A						2	St	Họ tên	Toán	Vật Lý	Ngữ văn	Tin học	3	6	Phạm Thanh Bình	4	9	4	8	4	1	Đinh Văn Hoàng An	4	8	7	9	5	4	Phạm Như Anh	7	7	5	9	6	7	Nguyễn Linh Chi	5	7	7	9	7	5	Vũ Việt Anh	5	8	8	9	8	8	Vũ Xuân Cường	8	8	6	8	9	2	Lê Thị Hoài An	6	9	8	8	10	3	Lê Thái Anh	8	8	7	9	11	10	Nguyễn Anh Duy	9	7	7	9	12	9	Trần Quốc Đạt	9	9	9	9
A	B	C	D	E	F	G	H																																																																																																																																					
1	BẢNG ĐIỂM LỚP 7A																																																																																																																																											
2	St	Họ tên	Toán	Vật Lý	Ngữ văn	Tin học	Điểm trung bình																																																																																																																																					
10	3	Lê Thái Anh	8	8	7	9	8.0																																																																																																																																					
11	10	Nguyễn Anh Duy	9	7	7	9	8.0																																																																																																																																					
12	9	Trần Quốc Đạt	9	9	9	9	9.0																																																																																																																																					
A	B	C	D	E	F	G																																																																																																																																						
1	BẢNG ĐIỂM LỚP 7A																																																																																																																																											
2	St	Họ tên	Toán	Vật Lý	Ngữ văn	Tin học																																																																																																																																						
3	6	Phạm Thanh Bình	4	9	4	8																																																																																																																																						
4	1	Đinh Văn Hoàng An	4	8	7	9																																																																																																																																						
5	4	Phạm Như Anh	7	7	5	9																																																																																																																																						
6	7	Nguyễn Linh Chi	5	7	7	9																																																																																																																																						
7	5	Vũ Việt Anh	5	8	8	9																																																																																																																																						
8	8	Vũ Xuân Cường	8	8	6	8																																																																																																																																						
9	2	Lê Thị Hoài An	6	9	8	8																																																																																																																																						
10	3	Lê Thái Anh	8	8	7	9																																																																																																																																						
11	10	Nguyễn Anh Duy	9	7	7	9																																																																																																																																						
12	9	Trần Quốc Đạt	9	9	9	9																																																																																																																																						

HS: Trả lời

HS: Quan sát và thực hiện trên máy tính cá nhân.

GV: Hướng dẫn học sinh thao tác trên máy tính.

GV: Để kết thúc chế độ lọc ta thực hiện thao tác nào?

HS: Trả lời

GV: Để thoát khỏi chế độ lọc ta thực hiện thao tác nào?

HS: Trả lời

GV: Hướng dẫn học sinh cách lọc hàng có giá trị lớn nhất hay nhỏ nhất.

HS: Quan sát và thực hành.

Bước 2. Lọc:

- Chọn tiêu đề để lọc
- Nháy vào nút  trên hàng tiêu đề cột (hình vẽ).

	A	B	C	D	E	F	G	H
1	BẢNG ĐIỂM LỚP 7A							
2	Stt	Họ tên	Toán	Vật Lý	Ngữ văn	Tin học	Điểm trung bình	
3	6	Phạm Thanh Bình	4	9			6.3	
4	1	Đinh Văn Hoàng An	4	8			7.0	
5	4	Phạm Như Anh	7	7			7.0	
6	7	Nguyễn Linh Chi	5	7			7.0	
7	5	Vũ Việt Anh	5	8			7.5	
8	8	Vũ Xuân Cường	8	8			7.5	
9	2	Lê Thị Hoài An	6	9	8	8	7.8	
10	3	Lê Thái Anh	8	8	7	9	8.0	
11	10	Nguyễn Anh Duy	9	7	7	9	8.0	
12	9	Trần Quốc Đạt	9	9	9	9	9.0	
13								

- Kết thúc lọc: Chọn Data → Filter → Show All (Hiện thị tất cả).

- Thoát khỏi chế độ lọc: Chọn Data → Filter → bỏ chọn Auto filter

3. Lọc các hàng có giá trị lớn nhất hay nhỏ nhất

- Khi nháy chuột ở mũi tên trên tiêu đề cột có các lựa chọn sau:

+ Top 10: Lọc các hàng có giá trị dữ liệu thuộc một số giá trị.

VD: Chọn 3 học sinh có ĐTB lớn nhất: Chọn Top 10 → Chọn ô thứ 2 có giá trị là 3 → OK.

4) **Củng cố:**

- Trả lời câu hỏi.
- Yêu cầu: Tự lập bảng tính tương tự như bảng tính trên và thực hiện lọc dữ liệu.

5) **Hướng dẫn về nhà:**

- Xem lại các thao tác để sắp xếp dữ liệu và lọc dữ liệu trong bảng tính.
- Thực hành nếu có điều kiện.

Tiết: 47-48

Ngày soạn:

Ngày dạy:

CHỦ ĐỀ 6: SẮP XẾP VÀ LỌC DỮ LIỆU **BÀI THỰC HÀNH 8: AI LÀ NGƯỜI HỌC GIỎI**

I/ MỤC TIÊU:

1) Kiến thức: Biết được các thao tác sắp xếp dữ liệu. Biết khái niệm lọc dữ liệu

2) Kỹ năng:

- Thực hiện được thao tác sắp xếp dữ liệu trong trang tính. Biết cách lọc dữ liệu theo yêu cầu cụ thể.
- Từ việc sắp xếp dữ liệu, học sinh có thể so sánh dữ liệu trong cùng một bảng tính.

3) Thái độ: Nghiêm túc học tập, cẩn thận trong quá trình thực hành phòng máy.

4) Các năng lực và phương pháp:

- Các năng lực cần hướng tới
 - NL giải quyết vấn đề
 - NL tự học
 - NL sáng tạo
 - NL giao tiếp
 - NL tự quản lý bản thân
 - NL sử dụng ngôn ngữ
 - NL hợp tác
 - NL sử dụng công nghệ thông tin
 - Phương pháp và hình thức dạy học
 - Phương pháp dạy học, phương pháp hoạt động nhóm, phương pháp giao bài tập.
- Hình thức dạy học : Dạy học trên lớp ; DH trên phòng máy tính, tự học, hoạt động nhóm.

II/ CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên: Giáo trình, Phòng máy.
2. Học sinh: Chuẩn bị bài ở nhà.

III/ TIẾN TRÌNH LÊN LỚP.

1) Ôn định tổ chức: Kiểm tra sĩ số:

2) Kiểm tra bài cũ: Kết hợp trong quá trình thực hành

3) Bài mới:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
<p>GV : Yêu cầu khởi động chương trình bảng tính Excel, mở bài Bang diem lop em và thực hành theo yêu cầu.</p> <p>HS: Nhận yêu cầu bài tập của giáo viên và thực hành.</p> <p>GV : bt 2 trang 77 SGK</p> <p>HS: Nhận đề bài, nghe hướng dẫn và làm bài thực hành.</p> <p>GV : Hướng dẫn học sinh cách làm bài.</p> <p>GV: Nhắc lại kiến thức về sắp xếp như đã thực hành ở tiết trước và ra tiếp bài yêu cầu học sinh thực hành với công cụ là lọc dữ liệu.</p> <p>HS: Chú ý nghe hướng dẫn của giáo viên và thực hiện làm bài</p> <p>GV: Hướng dẫn học sinh quan sát bài tập</p> <p>3 – SGK trang 78.</p>	<p>Tiết 1</p> <p>1. Bài 1</p> <p>a) Thực hiện các thao tác sắp xếp theo điểm các môn học và điểm trung bình.</p> <p>b) Thực hiện các thao tác lọc dữ liệu để chọn các bạn có điểm 10 môn Tin học.</p> <p>c) Lọc ra các bạn có điểm trung bình cả năm là hai điểm thấp nhất.</p> <p>2. Bài 2</p> <p>a) Mở bảng tính Cac nuoc DNA đã có trong Bài thực hành 6.</p> <p>b) Hãy sắp xếp các nước theo.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diện tích tăng dần hoặc giảm dần. - Dân số tăng dần hặc giảm dần. - Mật độ dân số tăng dần hặc giảm dần. - Tỉ lệ dân số thành thị tăng dần hặc giảm dần. <p>Tiết 2</p> <p>1. Bài 2 (tiếp)</p> <p>c) Sử dụng công cụ để lọc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lọc ra các nước có diện tích là năm diện tích lớn nhất. - Lọc ra các nước có số dân là ba số dân ít nhất. - Lọc ra các nước có mật ssộ dân số la ban mật độ dân số cao nhất. <p>2. Bài 3</p>

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
<ul style="list-style-type: none"> - Đưa ra một số chỉ dẫn để các em hiểu và có khả năng thực hành được bài * Chú ý: Trong quá trình học sinh làm bài giáo viên đi lại quan sát và có thể gợi ý khi các em gặp vướng mắc. 	<p>Tìm hiểu thêm về sắp xếp và lọc dữ liệu (SGK trang 78)</p>

4) Củng cố:

- Các thao tác cơ bản với sắp xếp và lọc dữ liệu trên trang tính.
- Vệ sinh phòng máy.

5) Hướng dẫn về nhà:

- Ôn lại các kiến thức từ bài 6 để chuẩn bị cho kiểm tra một tiết.

CHỦ ĐỀ 7: HỌC TOÁN VỚI PHẦN MỀM HỌC TẬP HỌC TOÁN VỚI TOOLKIT MATH

A.Mục tiêu:**1) Kiến thức:** Hướng dẫn HS biết cách sử dụng phần mềm.**2) Kỹ năng:** học sinh thực hành thành thạo.**3) Thái độ:** nghiêm túc, tích cực học tập.**4) Các năng lực và phương pháp:**

- Các năng lực cần hướng tới
 - NL giải quyết vấn đề
 - NL tự học
 - NL sáng tạo
 - NL giao tiếp
 - NL tự quản lý bản thân
 - NL sử dụng ngôn ngữ
 - NL hợp tác
 - NL sử dụng công nghệ thông tin
 - Phương pháp và hình thức dạy học
 - Phương pháp dạy học, phương pháp hoạt động nhóm, phương pháp giao bài tập.
- Hình thức dạy học : Dạy học trên lớp ; DH trên phòng máy tính, tự học, hoạt động nhóm.

B.Chuẩn bị:

+ GV: Giáo án và chuẩn bị phòng máy.

+ HS: Vở ghi và sách giáo khoa (Tin học dành cho THCS quyển 2).

C.Tiến trình giờ dạy:**I. Ổn định tổ chức:** Kiểm tra sĩ số:**II.Kiểm tra bài cũ:** Xen kẽ trong giờ thực hành.**III.Bài mới:**

Giáo viên	Học sinh
Hoạt động 1: Phổ biến và kiểm tra an toàn	
-Phổ biến nội dung bài thực hành -Kiểm tra an toàn điện, an toàn thiết bị.	HS nắm được nội dung bài thực hành
Hoạt động 2: Bài luyện tập	
1. <u>Giới thiệu phần mềm:</u> GV giới thiệu và phần mềm.	HS lắng nghe
2. <u>Khởi động phần mềm:</u>	

<p>Nháy chuột vào biểu tượng trên màn hình để khởi động phần mềm.</p> <p>GV làm mẫu cho HS.</p> <p>3. <u>Màn hình làm việc của phần mềm:</u></p> <p>GV giới thiệu:</p> <ol style="list-style-type: none"> Thanh bảng chọn Cửa sổ dòng lệnh Cửa sổ làm việc chính Cửa sổ vẽ đồ thị hàm số 	<p>HS thực hành</p> <p>HS quan sát nhìn trên màn hình máy tính.</p>
--	---

IVCủng cố:

- Kiểm tra sản phẩm thực hành.
- Đánh giá và nhận xét.
- Vệ sinh phòng máy.

V. Hướng dẫn về nhà: Tự thực hành thêm.

Tiết:50**Ngày soạn:****Ngày dạy:**

CHỦ ĐỀ 7: HỌC TOÁN VỚI PHẦN MỀM HỌC TẬP
HỌC TOÁN VỚI TOOLKIT MATH(tt)

A.Mục tiêu:**1) Kiến thức:** Hướng dẫn HS biết cách sử dụng phần mềm.**2) Kỹ năng:** học sinh thực hành thành thạo.**3) Thái độ:** nghiêm túc, tích cực học tập.**4) Các năng lực và phương pháp:**

- Các năng lực cần hướng tới
 - NL giải quyết vấn đề
 - NL tự học
 - NL sáng tạo
 - NL giao tiếp
 - NL tự quản lý bản thân
 - NL sử dụng ngôn ngữ
 - NL hợp tác
 - NL sử dụng công nghệ thông tin
 - Phương pháp và hình thức dạy học
 - Phương pháp dạy học, phương pháp hoạt động nhóm, phương pháp giao bài tập.
- Hình thức dạy học : Dạy học trên lớp ; DH trên phòng máy tính, tự học, hoạt động nhóm.

B.Chuẩn bị:

+ Giáo viên: Giáo án và chuẩn bị phòng máy.

+ Học sinh: Vở ghi và sách giáo khoa (Tin học dành cho THCS quyển 2).

C.Tiến trình giờ dạy:**I. Ổn định tổ chức:**Kiểm tra sĩ số:**II.Kiểm tra bài cũ:** Xen kẽ trong giờ thực hành.**III.Bài mới:**

Giáo viên	Học sinh
Hoạt động 1: Phổ biến và kiểm tra an toàn	
-Phổ biến nội dung bài thực hành -Kiểm tra an toàn điện, an toàn thiết bị.	HS nắm được nội dung bài thực hành
Hoạt động 2: Bài luyện tập	

<p>4. <u>Các lệnh tính toán đơn giản:</u></p> <p>Gv giới thiệu:</p> <p>Tính toán các biểu thức đơn giản.</p> <p>GV làm mẫu: Vẽ đồ thị đơn giản</p> <p>5. <u>Các lệnh tính toán nâng cao:</u></p> <p>GV hướng dẫn</p> <p>a. biểu thức đại số</p> <p>b. Tính toán với đa thức</p> <p>c. Giải phương trình đại số</p> <p>d. Định nghĩa đa thức và đồ thị hàm số</p>	<p>HS quan sát làm thử</p>
--	----------------------------

IVCủng cố:

- Kiểm tra sản phẩm thực hành.
- Đánh giá và nhận xét.
- Vệ sinh phòng máy.

V.Hướng dẫn về nhà:Tự thực hành thêm.

CHỦ ĐỀ 7: HỌC TOÁN VỚI PHẦN MỀM HỌC TẬP
HỌC TOÁN VỚI TOOLKIT MATH(tt)

A.Mục tiêu:

1) Kiến thức: Hướng dẫn HS biết cách sử dụng phần mềm.

2) Kỹ năng: học sinh thực hành thành thạo.

3) Thái độ: nghiêm túc, tích cực học tập.

4) Các năng lực và phương pháp:

- Các năng lực cần hướng tới
 - NL giải quyết vấn đề
 - NL tự học
 - NL sáng tạo
 - NL giao tiếp
 - NL tự quản lý bản thân
 - NL sử dụng ngôn ngữ
 - NL hợp tác
 - NL sử dụng công nghệ thông tin
 - Phương pháp và hình thức dạy học
 - Phương pháp dạy học, phương pháp hoạt động nhóm, phương pháp giao bài tập.
- Hình thức dạy học : Dạy học trên lớp ; DH trên phòng máy tính, tự học, hoạt động nhóm.

C.Tiến trình giờ dạy:

I. Ổn định tổ chức:Kiểm tra sĩ số:

II.Kiểm tra bài cũ: Xen kẽ trong giờ thực hành.

III.Bài mới:

Giáo viên	Học sinh
Hoạt động 1: Phổ biến và kiểm tra an toàn	
-Phổ biến nội dung bài thực hành -Kiểm tra an toàn điện, an toàn thiết bị.	HS nắm được nội dung bài thực hành
Hoạt động 2: Bài luyện tập	
6.Các chức năng khác: a.Làm việc trên cửa sổ dòng lệnh. GV giới thiệu và làm thử. b.Lệnh xóa thông tin trên cửa sổ vẽ đồ thị GV giới thiệu và làm thử. c.Các lệnh đặt nét vẽ và màu sắc trên cửa sổ	HS thực hành

vẽ đồ thị.

GV giới thiệu và làm thử.

IV. Củng cố:

Kiểm tra sản phẩm thực hành.Đánh giá và nhận xét.Vệ sinh phòng máy.

V. Hướng dẫn về nhà:Tự thực hành thêm.

CHỦ ĐỀ 7: HỌC TOÁN VỚI PHẦN MỀM HỌC TẬP HỌC TOÁN VỚI TOOLKIT MATH(tt)

A.Mục tiêu:

1) Kiến thức: Hướng dẫn HS biết cách sử dụng phần mềm.

2) Kỹ năng: học sinh thực hành thành thạo.

3) Thái độ: nghiêm túc, tích cực học tập.

4) Các năng lực và phương pháp:

- Các năng lực cần hướng tới
 - NL giải quyết vấn đề
 - NL tự học
 - NL sáng tạo
 - NL giao tiếp
 - NL tự quản lý bản thân
 - NL sử dụng ngôn ngữ
 - NL hợp tác
 - NL sử dụng công nghệ thông tin
 - Phương pháp và hình thức dạy học
 - Phương pháp dạy học, phương pháp hoạt động nhóm, phương pháp giao bài tập.
- Hình thức dạy học : Dạy học trên lớp ; DH trên phòng máy tính, tự học, hoạt động nhóm.

C.Tiến trình giờ dạy:

I. Ổn định tổ chức: Kiểm tra sĩ số:

II. Kiểm tra bài cũ: Xen kẽ trong giờ thực hành.

III. Bài mới:

Giáo viên	Học sinh
Hoạt động 1: Phổ biến và kiểm tra an toàn	
-Phổ biến nội dung bài thực hành -Kiểm tra an toàn điện, an toàn thiết bị.	HS nắm được nội dung bài thực hành
Hoạt động 2: Bài luyện tập	
7.Thực hành: HD HS làm các bài tập	

a.Tính giá trị các biểu thức b.Vẽ đồ thị hàm số c.Tính tổng hai đa thức $P(x) + Q(x)$ SGK trang 118	HS thực hành
--	--------------

IV.Củng cố: -Kiểm tra sản phẩm thực hành.

-Đánh giá và nhận xét.

-Vệ sinh phòng máy.

V.Hướng dẫn về nhà: Tự thực hành thêm

KIỂM TRA 1 TIẾT

I. Mục tiêu:**a. Biết**

- Các thao tác với bảng tính
- Định dạng, trình bày bảng tính
- Sắp xếp và lọc dữ liệu
- Trình bày dữ liệu bằng biểu đồ

b. Hiểu:

- Công dụng của một số nút lệnh
- Mục đích của việc in trang tính
- Nhu cầu sắp xếp, lọc dữ liệu

c. Vận dụng:

- Liên hệ giữa tin học và các môn học khác
- Trong quản lý, sắp xếp, rút trích danh sách lớp, ...

Yêu cầu của đề:

- Vừa sức học sinh, không vượt quá chuẩn
- Dàn trải đều nội dung từ bài 5 đến bài 9

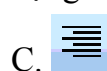
A. Ma trận:

Cấp độ	Nội dung	Biết		Hiểu		Vận dụng		Tổng
		TN	TL	TN	TL	TN	TL	
	Định dạng trang tính	C2,3 (1)			C1 (2)			4
	Hàm			C5 (1)				1
	In	C4 (1)						1
	Các khái niệm			C1 (0,5)				0,5
	Sắp xếp dữ liệu	C6 (0,5)					C2 (2)	3,5
	Tổng	2,5		1,5	3		3	10

B. Nội dung đề:**I. Trắc nghiệm: (3 điểm)**

Phần trả lời: Khoanh tròn câu trả lời của từng câu hỏi phần trắc nghiệm em cho là đúng nhất vào phiếu trả lời dưới đây

Câu 1: Để căn dữ liệu vào giữa nhiều ô tính ta sử dụng nút lệnh:



Câu 2: Câu nào sau đây đúng

A. Để tăng chữ số thập phân ta nhấn nút

B. Để tăng chữ số thập phân ta nhấn nút

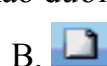
C. Để giảm chữ số thập phân ta nhấn nút

D. Tất cả sai

Câu 3: Để xem trước khi in ta sử dụng nút lệnh nào dưới đây:



Permissiont



(New)

C.  (Print)

D.  (Print Preview)

Câu 4: Để ngắt trang tính ta thực hiện lệnh:

- A. View → Page Break Preview
C. View → Normal

- B. File → Page Setup
D. Tất cả đều sai

Câu 5. Khi lọc dữ liệu xong em có thể

- A. Sắp xếp lại dữ liệu tăng hoặc giảm
C. A và B sai

- B. Không thể sắp xếp lại dữ liệu
D. A và B đúng

Câu 6: Mục đích sắp xếp và lọc dữ liệu là để:

- A. Dễ so sánh dữ liệu
C. Dễ tìm kiếm dữ liệu

- B. Làm đẹp cho bảng tính
D. Tất cả đều đúng

II. Tự luận: (7 điểm)

Câu 1. (3 điểm)

Hãy nêu các bước để thực hiện: Định dạng phông chữ trong các ô tính? định dạng cỡ chữ? định dạng màu chữ?

Câu 2: (2 điểm)

Nêu lợi ích của việc xem trước khi in?

Câu 3 (2đ). Em hãy nêu cách sắp xếp và lọc dữ liệu?

Đáp án

I. Trắc nghiệm: (3 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6
Trả lời	B	B	D	A	A	D

II. Tự luận: (7 điểm)

Câu 1.

- Các bước thay đổi phông chữ:

- B1. Chọn ô (hoặc các ô) có dữ liệu cần định dạng
B2. Nháy mũi tên ở nút lệnh phông
B3. Chọn phông chữ thích hợp.

- Các bước định dạng cỡ chữ:

- B1. Chọn ô (hoặc các ô) có dữ liệu cần định dạng
B2. Nháy mũi tên ở nút lệnh thay đổi cỡ chữ
B3. Chọn cỡ chữ thích hợp.

- Các bước định dạng màu chữ:

- B1. Chọn ô (hoặc các ô) có dữ liệu cần định dạng
B2. Nháy mũi tên ở nút lệnh thay đổi màu chữ
B3. Chọn màu chữ thích hợp.

Câu 2. - Xem trước khi in cho phép em kiểm tra trước những gì sẽ được in ra. Các trang được in ra sẽ giống hệt như em thấy trên màn hình.

Câu 3.

+ Các bước thực hiện sắp xếp dữ liệu:

- Bước 1: nháy chuột, chọn 1 ô trong cột cần sắp xếp.

- Bước 2: Nháy nút  trên thanh công cụ để sắp xếp tăng dần (hoặc nháy nút  trên thanh công cụ để sắp xếp giảm dần).

+ Để lọc dữ liệu em thực hiện các bước sau:

Bước 1: Chuẩn bị:

- Nháy chuột chọn 1 ô trong vùng có dữ liệu cần lọc.
- Mở bảng chọn Data -> Filter -> AutoFilter

Bước 2: Lọc dữ liệu:

- Nháy mũi tên để xem các giá trị chuẩn
- Chọn giá trị chuẩn để đưa ra dữ liệu phù hợp với yêu cầu.

CHỦ ĐỀ 8: TẠO BIỂU ĐỒ
BÀI 9: TRÌNH BÀY DỮ LIỆU BẰNG BIỂU ĐỒ

A.Mục tiêu:

1) Kiến thức: Minh họa số liệu bằng biểu đồ, giới thiệu một số dạng biểu đồ.

2) Kỹ năng: Hs hiểu và nắm vững những kiến thức cơ bản trong bài học.

3) Thái độ: nghiêm túc, tích cực học tập.

4) Các năng lực và phương pháp:

- Các năng lực cần hướng tới
 - NL giải quyết vấn đề
 - NL tự học
 - NL sáng tạo
 - NL giao tiếp
 - NL tự quản lý bản thân
 - NL sử dụng ngôn ngữ
 - NL hợp tác
 - NL sử dụng công nghệ thông tin
- Phương pháp và hình thức dạy học
 - Phương pháp dạy học, phương pháp hoạt động nhóm, phương pháp giao bài tập.

Hình thức dạy học : Dạy học trên lớp ; DH trên phòng máy tính, tự học, hoạt động nhóm.

B.Chuẩn bị:

+ Giáo viên: Giáo án và các tài liệu có liên quan.

+ Học sinh: Vở ghi và sách giáo khoa (Tin học dành cho THCS quyển 2).

C.Tiến trình giờ dạy:

I. Ôn định tổ chức: Kiểm tra sĩ số:

II. Kiểm tra bài cũ:

III. Bài mới:

Giáo viên và học sinh	Nội dung
Hoạt động 1:	1. Minh họa số liệu bằng biểu đồ
GV cho HS quan sát hình 96 và 97 SGK	HS quan sát dữ liệu hình 96 được biểu diễn dưới dạng biểu đồ trên hình 97
Hoạt động 2:	2. Một số dạng biểu đồ
GV cho HS quan sát hình 98. Em hãy nêu những dạng biểu đồ phổ biến nhất	<p>HS:</p> <p>-<i>Biểu đồ cột:</i> Rất thích hợp để so sánh dữ liệu có trong nhiều cột.</p> <p>-<i>Biểu đồ đường gấp khúc:</i> Dùng để so sánh dữ liệu và dự đoán xu thế tăng giảm của dữ liệu.</p> <p>-<i>Biểu đồ hình tròn:</i> Thích hợp để mô tả tỉ lệ của giá trị dữ liệu so với tổng thể.</p>

IV. Củng cố:

Nhắc lại một số kiến thức vừa học.

Trả lời câu hỏi 1 và 2 sgk

V. Hướng dẫn về nhà: Học bài đọc trước phần 3,4

CHỦ ĐỀ 8: TẠO BIỂU ĐỒ
BÀI 9: TRÌNH BÀY DỮ LIỆU BẰNG BIỂU ĐỒ(tt)

A. Mục tiêu:

1) Kiến thức: Tạo biểu đồ, chỉnh sửa biểu đồ.

2) Kỹ năng: Hs hiểu và nắm vững những kiến thức cơ bản trong bài học.

3) Thái độ: nghiêm túc, tích cực học tập.

4) Các năng lực và phương pháp:

- Các năng lực cần hướng tới
 - NL giải quyết vấn đề
 - NL tự học
 - NL sáng tạo
 - NL giao tiếp
 - NL tự quản lý bản thân
 - NL sử dụng ngôn ngữ
 - NL hợp tác
 - NL sử dụng công nghệ thông tin
 - Phương pháp và hình thức dạy học
 - Phương pháp dạy học, phương pháp hoạt động nhóm, phương pháp giao bài tập.
- Hình thức dạy học : Dạy học trên lớp ; DH trên phòng máy tính, tự học, hoạt động nhóm.

B.Chuẩn bị:

+ Giáo viên: Giáo án và các tài liệu có liên quan.

+ Học sinh: Vở ghi và sách giáo khoa (Tin học dành cho THCS quyển 2).

C. Tiến trình giờ dạy:

I. Ôn định tổ chức:

Kiểm tra số:

II. Kiểm tra bài cũ:

HS1: Mục đích của việc sử dụng biểu đồ là gì?

HS2: Nêu một vài dạng biểu đồ thường sử dụng nhất ?

III. Bài mới

Giáo viên và Học sinh	Nội dung
Hoạt động 1:	3.Tạo biểu đồ
GV cho HS quan sát hình 99. Để tạo biểu đồ, em hãy thực hiện các thao tác sau đây: B1.Chọn một ô trong miền có dữ liệu cần vẽ biểu đồ, chẳng hạn ô B5 B2.Nháy nút ChartWizard trên thanh công cụ. Chương trình bảng tính sẽ hiển thị hộp thoại ChartWizart đầu tiên B3.Nháy liên tiếp nút Next trên các hộp thoại và nháy nút Finish trên hộp thoại, em sẽ có kết quả là một biểu đồ tương tự hình 101.	<p>Bước 1: Chọn nhóm biểu đồ</p> <p>Bước 2: Chọn dạng biểu đồ trong nhóm.</p> <p>Bước 3: Nháy Next để sang bước 2.</p>
a. <u>Chọn dạng biểu đồ:</u> GV cho HS quan sát hình 102 Quan sát hình 102, em hãy nêu các bước	<p>Bước 1: Kiểm tra miền dữ liệu và sửa đổi nếu cần.</p> <p>Bước 2: Chọn dãy dữ liệu cần minh hoạ theo hàng hay cột.</p>

Giáo viên và Học sinh	Nội dung
<p>chọn dạng biểu đồ?</p> <p>b. <u>Xác định miền dữ liệu</u> GV cho HS quan sát hình 105. Em hãy nêu các bước cần thực hiện?</p> <p>c. <u>Các thông tin giải thích biểu đồ</u>: GV cho HS quan sát hình 109 SGK. Em hãy nêu các thao tác cho các tên sử dụng trên biểu đồ?</p> <p>d. <u>Vị trí đặt biểu đồ</u>: Gv cho Hs quan sát hình 110. Em hãy nêu các bước để đặt biểu đồ ngay trên trang tính có chứa dữ liệu hay trên một trang biểu đồ riêng biệt.</p>	<p>1. Cho tên tiêu đề biểu đồ</p> <p>2. Cho chú giải trực ngang</p> <p>3. Cho chú giải trực đứng</p> <p>1. Chọn vị trí cần lưu biểu đồ</p> <p>2. Nháy Finish để kết thúc</p>
Hoạt động 2:	4. Chỉnh sửa biểu đồ
<p>a. <u>Thay đổi vị trí của biểu đồ</u>: <i>Để thay đổi vị trí của biểu đồ. Em hãy nháy chuột trên biểu đồ để chọn và kéo thả đến vị trí mới.</i></p> <p>b. <u>Thay đổi dạng biểu đồ</u>: Gv cho Hs quan sát hình 112. Em hãy nêu các bước để thay đổi dạng biểu đồ sau khi một biểu đồ đã được tạo ra mà không phải lặp lại các bước tạo biểu đồ?</p> <p>c. <u>Xoá biểu đồ</u>: <i>Để xoá một biểu đồ đã tạo, em cần làm thế nào?</i></p> <p>d. <u>Sao chép biểu đồ vào văn bản Word</u>. Muốn sao chép một biểu đồ đã tạo vào văn bản Word, em cần thực hiện ntn?</p>	<p>HS quan sát hình 111</p> <p>Các bước 1,2 trên hình 112.</p> <p><i>Em nháy chuột trên biểu đồ và nhấn phím Delete.</i></p> <p>1. Nháy chuột trên biểu đồ và nháy nút lệnh copy</p> <p>2. Mở văn bản Word và nháy nút lệnh Paste trên thanh công cụ của Word.</p>

IV. Củng cố:

Nhắc lại một số kiến thức vừa học.

Trả lời câu hỏi 3,4,5 sgk

V. Hướng dẫn về nhà: Học bài

Tiết: 56

Ngày soạn:

Ngày dạy:

CHỦ ĐỀ 8: TẠO BIỂU ĐỒ BÀI THỰC HÀNH 9: TẠO BIỂU ĐỒ ĐỀ MINH HOẠ

A. Mục tiêu:

1) Kiến thức: Biết nhập các công thức và hàm vào ô tính, thực hiện các thao tác tạo biểu đồ đơn giản.

2) Kỹ năng: học sinh thực hành thành thạo.

3) Thái độ: nghiêm túc, tích cực học tập.

4) Các năng lực và phương pháp:

- Các năng lực cần hướng tới
 - NL giải quyết vấn đề
 - NL tự học
 - NL sáng tạo
 - NL giao tiếp
 - NL tự quản lý bản thân
 - NL sử dụng ngôn ngữ
 - NL hợp tác
 - NL sử dụng công nghệ thông tin
- Phương pháp và hình thức dạy học
 - Phương pháp dạy học, phương pháp hoạt động nhóm, phương pháp giao bài tập.

Hình thức dạy học : Dạy học trên lớp ; DH trên phòng máy tính, tự học, hoạt động nhóm.

B. Chuẩn bị:

+ Giáo viên: Giáo án và chuẩn bị phòng máy.

+ Học sinh: Vở ghi và sách giáo khoa (Tin học dành cho THCS quyển 2).

C. Tiến trình giờ dạy:

I. **Ôn định:** Kiểm tra sĩ số:

II. **Kiểm tra bài cũ:** Xen kẽ trong giờ thực hành.

III. Bài mới:

Giáo viên và Học sinh	Nội dung
Hoạt động 1:	Phổ biến và kiểm tra an toàn
-Phổ biến nội dung bài thực hành -Kiểm tra an toàn điện, an toàn thiết bị.	HS nắm được nội dung bài thực hành
Hoạt động 2:	Bài luyện tập
Bài tập1: lập trang tính và tạo biểu đồ (H113) GV hướng dẫn. Bài tập 2: Tao và thay đổi dạng của biểu đồ.(H114) GV hướng dẫn	HS thực hành

IV. Củng cố:

-Kiểm tra sản phẩm thực hành.

-Đánh giá và nhận xét.

-Vệ sinh phòng máy.

V. **Hướng dẫn về nhà:** Thực hành thêm.

Tiết:61**Ngày soạn:****Ngày dạy:**

CHỦ ĐỀ 8: TẠO BIỂU ĐỒ
BÀI THỰC HÀNH 9: TẠO BIỂU ĐỒ ĐỂ MINH HOẠ(tt)

A.Mục tiêu:

1) Kiến thức: Biết nhập các công thức và hàm vào ô tính, thực hiện các thao tác tạo biểu đồ đơn giản.

2) Kỹ năng: học sinh thực hành thành thạo.

3) Thái độ: nghiêm túc, tích cực học tập.

4) Các năng lực và phương pháp:

- Các năng lực cần hướng tới
 - NL giải quyết vấn đề
 - NL tự học
 - NL sáng tạo
 - NL giao tiếp
 - NL tự quản lý bản thân
 - NL sử dụng ngôn ngữ
 - NL hợp tác
 - NL sử dụng công nghệ thông tin
- Phương pháp và hình thức dạy học
 - Phương pháp dạy học, phương pháp hoạt động nhóm, phương pháp giao bài tập.

Hình thức dạy học : Dạy học trên lớp ; DH trên phòng máy tính, tự học, hoạt động nhóm.

B.Chuẩn bị:

+ Giáo viên: Giáo án và chuẩn bị phòng máy.

+ Học sinh: Vở ghi và sách giáo khoa (Tin học dành cho THCS quyển 2).

C.Tiến trình giờ dạy:

I. Ổn định tổ chức: Kiểm tra sĩ số:

II. Kiểm tra bài cũ: Xen kẽ trong giờ thực hành.

III. Bài mới:

Giáo viên	Học sinh
Hoạt động 1: Phổ biến và kiểm tra an toàn	
-Phổ biến nội dung bài thực hành -Kiểm tra an toàn điện, an toàn thiết bị.	HS nắm được nội dung bài thực hành
Hoạt động 2: Bài luyện tập	
Bài tập 3: Xử lý dữ liệu và tạo biểu đồ GV hướng dẫn	HS thực hành

IV. Củng cố:

-Kiểm tra sản phẩm thực hành.

-Đánh giá và nhận xét.

-Vệ sinh phòng máy.

V. Hướng dẫn về nhà: Tự thực hành thêm.

Tiết:62**Ngày soạn:****Ngày dạy:**

CHỦ ĐỀ 9: PHẦN MỀM HỌC TẬP
VỀ HÌNH HỌC ĐỘNG VỚI GEOGEBRA

A.Mục tiêu:

1) Kiến thức: HDHS biết cách sử dụng phần mềm.

2) Kỹ năng: học sinh thực hành thành thạo.

3) Thái độ: nghiêm túc, tích cực học tập.

4) Các năng lực và phương pháp:

- Các năng lực cần hướng tới
 - NL giải quyết vấn đề
 - NL tự học
 - NL sáng tạo
 - NL giao tiếp
 - NL tự quản lý bản thân
 - NL sử dụng ngôn ngữ
 - NL hợp tác
 - NL sử dụng công nghệ thông tin
- Phương pháp và hình thức dạy học
 - Phương pháp dạy học, phương pháp hoạt động nhóm, phương pháp giao bài tập.

Hình thức dạy học : Dạy học trên lớp ; DH trên phòng máy tính, tự học, hoạt động nhóm.

B.Chuẩn bị:

+ Giáo viên: Giáo án và chuẩn bị phòng máy.

+ Học sinh: Vở ghi và sách giáo khoa (Tin học dành cho THCS quyển 2).

C. Tiến trình giờ dạy:

I. Ôn định tổ chức: Kiểm tra sĩ số:

II. Kiểm tra bài cũ: Xen kẽ trong giờ thực hành.

III. Bài mới:

[illegible]

IV. Củng cố:

- Kiểm tra sản phẩm thực hành.
- Đánh giá và nhận xét.
- Vệ sinh phòng máy.

V. Hướng dẫn về nhà: Tự thực hành thêm.

Tiết:59**Ngày soạn:****Ngày dạy:**

CHỦ ĐỀ 9: PHẦN MỀM HỌC TẬP VỀ HÌNH HỌC ĐỘNG VỚI GEOGEBRA(tt)

A.Mục tiêu:**1) Kiến thức:** HDHS biết cách sử dụng phần mềm.**2) Kỹ năng:** học sinh thực hành thành thạo.**3) Thái độ:** nghiêm túc, tích cực học tập.**4) Các năng lực và phương pháp:**

- Các năng lực cần hướng tới
 - NL giải quyết vấn đề
 - NL tự học
 - NL sáng tạo
 - NL giao tiếp
 - NL tự quản lý bản thân
 - NL sử dụng ngôn ngữ
 - NL hợp tác
 - NL sử dụng công nghệ thông tin
- Phương pháp và hình thức dạy học
 - Phương pháp dạy học, phương pháp hoạt động nhóm, phương pháp giao bài tập.

Hình thức dạy học : Dạy học trên lớp ; DH trên phòng máy tính, tự học, hoạt động nhóm.

B.Chuẩn bị:

+ Giáo viên: Giáo án và chuẩn bị phòng máy.

+ Học sinh: Vở ghi và sách giáo khoa (Tin học dành cho THCS quyển 2).

C.Tiến trình giờ dạy:*I. Ổn định tổ chức:* Kiểm tra sĩ số:*II. Kiểm tra bài cũ:* Xen kẽ trong giờ thực hành.*III. Bài mới:*

Giáo viên	Học sinh
Hoạt động 1:	Phổ biến và kiểm tra an toàn
-Phổ biến nội dung bài thực hành -Kiểm tra an toàn điện, an toàn thiết bị.	HS nắm được nội dung bài thực hành
Hoạt động 2:	Bài luyện tập
3.Vẽ hình đầu tiên: Tam giác ABC GV hướng dẫn cách làm.	HS quan sát, làm theo.
4.Quan hệ giữa các đối tượng hình học: -Điểm nằm trên đoạn thẳng, đường thẳng -Giao điểm của hai đường thẳng -Trung điểm của đoạn thẳng -Đường thẳng đi qua một điểm và song song với đường thẳng khác -Đường thẳng đi qua một điểm và vuông góc với đường thẳng khác -Đường phân giác của một góc. GV hướng dẫn	
	HS lắng nghe, quan sát

IV. Củng cố:

-Kiểm tra sản phẩm thực hành.

-Đánh giá và nhận xét.

-Vệ sinh phòng máy.

V.Hướng dẫn về nhà:Tự thực hành thêm.

Tiết:60***Ngày soạn:******Ngày dạy:*****CHỦ ĐỀ 9: PHẦN MỀM HỌC TẬP
VỀ HÌNH HỌC ĐỘNG VỚI GEOGEBRA(tt)****A.Mục tiêu:****1) Kiến thức:** HDHS biết cách sử dụng phần mềm.**2) Kỹ năng:** học sinh thực hành thành thạo.**3) Thái độ:** nghiêm túc, tích cực học tập.**4) Các năng lực và phương pháp:**

- Các năng lực cần hướng tới
 - NL giải quyết vấn đề
 - NL tự học
 - NL sáng tạo
 - NL giao tiếp
 - NL tự quản lý bản thân
 - NL sử dụng ngôn ngữ
 - NL hợp tác
 - NL sử dụng công nghệ thông tin
 - Phương pháp và hình thức dạy học
 - Phương pháp dạy học, phương pháp hoạt động nhóm, phương pháp giao bài tập.
- Hình thức dạy học : Dạy học trên lớp ; DH trên phòng máy tính, tự học, hoạt động nhóm.

B.Chuẩn bị:

+ Giáo viên: Giáo án và chuẩn bị phòng máy.

+ Học sinh: Vở ghi và sách giáo khoa (Tin học dành cho THCS quyển 2).

C.Tiến trình giờ dạy:**I. Ổn định tổ chức:**Kiểm tra sĩ số:**II.Kiểm tra bài cũ:** Xen kẽ trong giờ thực hành.**III.Bài mới:**

Giáo viên	Học sinh
Hoạt động 1: Phổ biến và kiểm tra an toàn	
-Phổ biến nội dung bài thực hành -Kiểm tra an toàn điện, an toàn thiết bị.	HS nắm được nội dung bài thực hành
Hoạt động 2: Bài luyện tập	
5.Một số lệnh hay dùng: a.Dịch chuyển nhãn của một đối tượng b.Làm ẩn một đối tượng hình học c.Làm ẩn, hiện nhãn của một đối tượng d.Xoá một đối tượng e.Thay đổi tên, nhãn của một đối tượng. g.Phóng to, thu nhỏ các đối tượng trên màn hình. h.Dịch chuyển toàn bộ các đối tượng hình học trên màn hình	HS quan sát làm theo

IV.Củng cố:

-Kiểm tra sản phẩm thực hành.

-Đánh giá và nhận xét.

-Vệ sinh phòng máy.

V.Hướng dẫn về nhà:Tự thực hành thêm.

CHỦ ĐỀ 9: PHẦN MỀM HỌC TẬP VỀ HÌNH HỌC ĐỘNG VỚI GEOGEBRA(tt)

I. Mục tiêu.

1) Kiến thức: Thực hành vẽ các hình học.

2) **Kỹ năng:** Thao tác trên phần mềm.

3) **Thái độ:** Rèn tính cẩn thận

4) Các năng lực và phương pháp:

- Các năng lực cần hướng tới
 - NL giải quyết vấn đề
 - NL tự học
 - NL sáng tạo
 - NL giao tiếp
 - NL tự quản lý bản thân
 - NL sử dụng ngôn ngữ
 - NL hợp tác
 - NL sử dụng công nghệ thông tin
- Phương pháp và hình thức dạy học
 - Phương pháp dạy học, phương pháp hoạt động nhóm, phương pháp giao bài tập.

Hình thức dạy học : Dạy học trên lớp ; DH trên phòng máy tính, tự học, hoạt động nhóm.

II. Phương pháp : Lấy ví dụ cụ thể, đàm thoại, phân tích, tổng hợp, minh họa trực quan, thực hành.

III. Chuẩn bị:

- GV: Giáo án, tài liệu tham khảo, phòng máy, tài liệu phát tay.
- HS: Vở ghi.

IV. Tiến trình lên lớp

1. Tổ chức lớp :

2. Bài mới :

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Hoạt động 1: Hướng dẫn mở đầu	
GV : Giới thiệu mục đích bài thực hành. HS: Chú ý lắng nghe GV: Nhắc lại một lượt các kiến thức HS: Tư duy nhớ lại kiến thức đã học và chú ý lắng nghe, ghi nhớ	<ul style="list-style-type: none"> - Các kiến thức liên quan + Cách khởi động phần mềm + Màn hình làm việc của phần mềm + Các thao tác cơ bản để làm việc với phần mềm + Các thao tác để hiệu chỉnh hình vẽ
Hoạt động 2: Hướng dẫn thường xuyên	
GV: Phân công theo nhóm HS: Ngồi thực hành theo nhóm GV: Giao bài tập và nêu rõ yêu cầu của bài HS: Nhận bài tập trong sách giáo khoa. GV: Quan sát, hướng dẫn, nhắc nhở, kiểm tra học sinh làm bài HS: làm bài trực tiếp trên máy dưới sự hướng dẫn của GV	<ul style="list-style-type: none"> - Phân công vị trí thực hành - Giao bài tập: Vẽ tam giác ABC với trọng tâm G và ba đường trung tuyến - Luyện tập:

3. Củng cố:

- Vẽ hình tam giác.

- Thiết lập một số quan hệ giữa các đối tượng hình học.

4. Hướng dẫn về nhà:

- Luyện tập vẽ một số dạng hình học cơ bản.
- Làm các bài sách giáo khoa trang 125

TÊN BÀI: THỰC HÀNH TỔNG HỢP**I. Mục tiêu.**

Học xong bài này học sinh có khả năng sau:

1) Kiến thức: Thực hành các thao tác tổng hợp trên bảng tính

2) Kỹ năng: Hệ thống các kiến thức thực hành tổng hợp trên Excel.

3) Thái độ: Rèn tính cẩn thận

4) Các năng lực và phương pháp:

- Các năng lực cần hướng tới
 - NL giải quyết vấn đề
 - NL tự học
 - NL sáng tạo
 - NL giao tiếp
 - NL tự quản lý bản thân
 - NL sử dụng ngôn ngữ
 - NL hợp tác
 - NL sử dụng công nghệ thông tin
 - Phương pháp và hình thức dạy học
 - Phương pháp dạy học, phương pháp hoạt động nhóm, phương pháp giao bài tập.
- Hình thức dạy học : Dạy học trên lớp ; DH trên phòng máy tính, tự học, hoạt động nhóm.

II. Phương pháp : VD cụ thể, đàm thoại, phân tích, tổng hợp, trực quan, TH.

III. Chuẩn bị:

- GV: Giáo án thực hành, tài liệu tham khảo, phòng máy, tài liệu phát tay.
- HS: Vở ghi.

IV. Tiến trình lên lớp**1. Tổ chức lớp :****2. Bài mới :**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
<i>Hoạt động 1: Hướng dẫn mở đầu</i>	
GV : Giới thiệu mục đích bài thực hành. HS: Chú ý lắng nghe GV: Nhắc lại một lượt các kiến thức HS: Tự duy nhớ lại kiến thức đã học và chú ý lắng nghe, ghi nhớ	<ul style="list-style-type: none"> - Các kiến thức liên quan + Các kiến thức về định dạng trang tính. + Kiến thức về trình bày và in trang tính + Kiến thức về sắp xếp và lọc dữ liệu + Kiến thức về biểu đồ.
<i>Hoạt động 2: Hướng dẫn thường xuyên</i>	
GV: Phân công theo nhóm HS: Ngồi thực hành theo nhóm GV: Giao bài tập và nêu rõ yêu cầu của bài HS: Nhận bài tập trong sách giáo khoa. GV: Quan sát, hướng dẫn, nhắc nhở, kiểm tra học sinh làm bài HS: làm bài trực tiếp trên máy dưới sự hướng dẫn của GV	<ul style="list-style-type: none"> - Phân công vị trí thực hành - Giao bài tập: Bài tập 1 (a, b, c) sách giáo khoa trang 92 - Luyện tập:

3. Củng cố:

Cách định dạng, trình bày trang tính

Sử dụng công thức

4. Hướng dẫn về nhà:

- Hoàn thiện các bài tập sách giáo khoa trang 93- 96

TÊN BÀI: THỰC HÀNH TỔNG HỢP(tt)**I. Mục tiêu.**

Học xong bài này học sinh có khả năng sau:

1) Kiến thức: Thực hành các thao tác tổng hợp trên bảng tính

2) Kỹ năng: Hệ thống các kiến thức thực hành tổng hợp trên Excel.

3) Thái độ: Rèn tính cẩn thận

4) Các năng lực và phương pháp:

- Các năng lực cần hướng tới
 - NL giải quyết vấn đề
 - NL tự học
 - NL sáng tạo
 - NL giao tiếp
 - NL tự quản lý bản thân
 - NL sử dụng ngôn ngữ
 - NL hợp tác
 - NL sử dụng công nghệ thông tin
- Phương pháp và hình thức dạy học
 - Phương pháp dạy học, phương pháp hoạt động nhóm, phương pháp giao bài tập.

Hình thức dạy học : Dạy học trên lớp ; DH trên phòng máy tính, tự học, hoạt động nhóm.

II. Phương pháp : Lấy ví dụ cụ thể, đàm thoại, phân tích, tổng hợp, minh họa trực quan, thực hành.

III. Chuẩn bị:

- GV: Giáo án thực hành, tài liệu tham khảo, phòng máy, tài liệu phát tay.
- HS: Vở ghi.

IV. Tiến trình lên lớp

1. Tổ chức lớp :

2. Bài mới :

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
<i>Hoạt động 1: Hướng dẫn mở đầu</i>	
GV : Giới thiệu mục đích bài thực hành. HS: Chú ý lắng nghe GV: Nhắc lại một lượt các kiến thức HS: Tư duy nhớ lại kiến thức đã học và chú ý lắng nghe, ghi nhớ	<ul style="list-style-type: none"> - Các kiến thức liên quan + Các kiến thức về định dạng trang tính. + Kiến thức về trình bày và in trang tính + Kiến thức về sắp xếp và lọc dữ liệu + Kiến thức về biểu đồ.
<i>Hoạt động 2: Hướng dẫn thường xuyên</i>	
GV: Phân công theo nhóm HS: Ngồi thực hành theo nhóm GV: Giao bài tập và nêu rõ yêu cầu của bài HS: Nhận bài tập trong sách giáo khoa. GV: Quan sát, hướng dẫn, nhắc nhở, kiểm tra học sinh làm bài HS: làm bài trực tiếp trên máy dưới sự hướng	<ul style="list-style-type: none"> - Phân công vị trí thực hành - Giao bài tập: Bài tập 1 (d, e), bài tập 2 (a, b) sách giáo khoa trang 92, 93, 94. - Luyện tập:

dẫn của GV	
------------	--

3. Cũng cố. Cách định dạng, trình bày trang tính

Sử dụng công thức

4. Hướng dẫn về nhà. - Hoàn thiện các bài tập sách giáo khoa trang

TÊN BÀI: THỰC HÀNH TỔNG HỢP(tt)**I. Mục tiêu.**

Học xong bài này học sinh có khả năng sau:

1) Kiến thức: Thực hành các thao tác tổng hợp trên bảng tính

2) Kỹ năng: Hệ thống các kiến thức thực hành tổng hợp trên Excel.

3) Thái độ: Rèn tính cẩn thận

4) Các năng lực và phương pháp:

- Các năng lực cần hướng tới
 - NL giải quyết vấn đề
 - NL tự học
 - NL sáng tạo
 - NL giao tiếp
 - NL tự quản lý bản thân
 - NL sử dụng ngôn ngữ
 - NL hợp tác
 - NL sử dụng công nghệ thông tin
 - Phương pháp và hình thức dạy học
 - Phương pháp dạy học, phương pháp hoạt động nhóm, phương pháp giao bài tập.
- Hình thức dạy học : Dạy học trên lớp ; DH trên phòng máy tính, tự học, hoạt động nhóm.

II. Phương pháp : Lấy ví dụ cụ thể, đàm thoại, phân tích, tổng hợp, minh họa trực quan, thực hành.

III. Chuẩn bị:

- GV: Giáo án thực hành, tài liệu tham khảo, phòng máy, tài liệu phát tay.
- HS: Vở ghi.

IV. Tiến trình lên lớp :**1. Tổ chức lớp :****2. Bài mới:**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
<i>Hoạt động 1 : Hướng dẫn thường xuyên</i>	
GV : Giao bài tập sách giáo khoa HS: Nhận bài tập, đọc đề bài. GV : Quan sát, hướng dẫn, nhắc nhở, kiểm tra học sinh làm bài HS: Làm bài trực tiếp trên máy dưới sự hướng dẫn của GV	- Giao bài tập: Bài tập 2 (c, d, e) sách giáo khoa trang 94,95. - Luyện tập:
<i>Hoạt động 2: Hướng dẫn kết thúc</i>	
GV: Tổng hợp, đánh giá kết quả buổi thực hành. HS: Chú ý lắng nghe và rút kinh nghiệm GV: Nhắc nhở học sinh thực hiện HS: Thực hiện vệ sinh lớp.	- Đánh giá kết quả buổi thực hành. - Vệ sinh phòng máy

3. Củng cố:

- Các thao tác biên tập, chỉnh sửa, định dạng văn bản

4. Hướng dẫn về nhà:

- Hoàn thiện bài tập 2
- Nghiên cứu làm bài tập 3

TÊN BÀI: THỰC HÀNH TỔNG HỢP(tt)**I. Mục tiêu:****I. Mục tiêu.**

Học xong bài này học sinh có khả năng sau:

1) Kiến thức: Thực hành các thao tác tổng hợp trên bảng tính

2) Kỹ năng: Hệ thống các kiến thức thực hành tổng hợp trên Excel.

3) Thái độ: Rèn tính cẩn thận

4) Các năng lực và phương pháp:

- Các năng lực cần hướng tới
 - NL giải quyết vấn đề
 - NL tự học
 - NL sáng tạo
 - NL giao tiếp
 - NL tự quản lý bản thân
 - NL sử dụng ngôn ngữ
 - NL hợp tác
 - NL sử dụng công nghệ thông tin
 - Phương pháp và hình thức dạy học
 - Phương pháp dạy học, phương pháp hoạt động nhóm, phương pháp giao bài tập.
- Hình thức dạy học : Dạy học trên lớp ; DH trên phòng máy tính, tự học, hoạt động nhóm.

II. Phương pháp: VD cụ thể, đàm thoại, phân tích, tổng hợp, trực quan, thực hành.

III. Chuẩn bị:

GV: Giáo án, tài liệu tham khảo, phòng máy.

HS: Vở ghi.

IV. Tiến trình lên lớp :**1. Tổ chức lớp :****2. Bài mới:**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
<i>Hoạt động 1: Hướng dẫn mở đầu</i>	
GV : Giới thiệu mục đích bài thực hành. HS: Chú ý lắng nghe GV: Nhắc lại một lượt các kiến thức HS: Tư duy nhớ lại kiến thức đã học và chú ý lắng nghe, ghi nhớ	- Các kiến thức liên quan + Các kiến thức về định dạng trang tính. + Kiến thức về trình bày và in trang tính + Kiến thức về sắp xếp và lọc dữ liệu + Kiến thức về biểu đồ.
<i>Hoạt động 2 : Hướng dẫn thường xuyên</i>	
GV : Giao bài tập sách giáo khoa HS: Nhận bài tập, đọc đề bài. GV : Quan sát, hướng dẫn, nhắc nhở, kiểm tra học sinh làm bài HS: Làm bài trực tiếp trên máy dưới sự hướng dẫn của GV	- Giao bài tập: Bài tập 3 sách giáo khoa trang 95, 96 - Luyện tập:
<i>Hoạt động 3: Hướng dẫn kết thúc</i>	
GV: Tổng hợp, đánh giá kết quả buổi thực hành. HS: Chú ý lắng nghe và rút kinh nghiệm	- Đánh giá kết quả buổi thực hành. - Vệ sinh phòng máy

GV: Nhắc nhở học sinh thực hiện HS: Thực hiện vệ sinh lớp.	
---	--

KIỂM TRA THỰC HÀNH**I. Mục tiêu:****1) Kiến thức:** Hệ thống các kiến thức thực hành tổng hợp trên Excel.**2) Kỹ năng:** Đánh giá kiểm tra lại kiến thức đã học.**3) Thái độ:** Rèn tính cẩn thận**4) Các năng lực và phương pháp:**

- Các năng lực cần hướng tới
 - NL giải quyết vấn đề
 - NL tự học
 - NL sáng tạo
 - NL giao tiếp
 - NL tự quản lý bản thân
 - NL sử dụng ngôn ngữ
 - NL hợp tác
 - NL sử dụng công nghệ thông tin
- Phương pháp và hình thức dạy học
 - Phương pháp dạy học, phương pháp hoạt động nhóm, phương pháp giao bài tập.

Hình thức dạy học : Dạy học trên lớp ; DH trên phòng máy tính, tự học, hoạt động nhóm.

II. Phương pháp giảng dạy: Tổng hợp, đánh giá, cho điểm**III. Chuẩn bị:**

GV: Giáo án thực hành, tài liệu tham khảo, phòng máy, đề kt.

HS: kiến thức đã học.

IV. Tiến trình lên lớp :

- 1. Tổ chức lớp:**
- Sĩ số lớp
 - Vệ sinh lớp

2. Bài mới:

a. Hình thức kiểm tra: Thực hành trực tiếp trên máy

b. Nội dung kiến thức kiểm tra: Nội dung kiến thức về các thao tác trên bảng tính.

Tập tin bài làm có tên là A.xls (A là tên của học sinh)

Cho bảng tính sau:

BẢNG THỐNG KÊ SÁCH				
STT	Tên sách	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Hình học 7	28	24000	?
2	Tiếng anh 7	37	14300	?
3	Tin học-Quyển 2	40	8000	?
4	Bài tập toán 7	45	8000	?
5	Ngữ văn 7	50	18000	?
6	Trung bình	?	?	?
7	Số lượng mua			

Yêu cầu:

a/ Nhập và định dạng trang tính như trên.

b/ Sử dụng hàm hoặc công thức thích hợp để tính, sao đó sao chép công thức xuống các ô khác:

- Tính cột thành tiền theo công thức: Thành tiền bằng số lượng * đơn giá.
- Tính trung bình chung cho các cột Số tiền, đơn giá, thành tiền.
- Tìm xem sách nào có số lượng lớn nhất.

- c/ Sắp xếp cột số lượng theo thứ tự tăng dần.
 d/ Lọc ra 3 loại sách có tổng tiền cao nhất.
 e/ Lập biểu đồ hình tròn cho 3 loại sách đã lọc ở trên.
 f/ Thiết lập lề cho trang tính để bảng tính và biểu đồ tạo được cùng ở trên 1 trang giấy.

Đáp án:

a, Trình bày đúng theo mẫu, nhập đầy đủ dữ liệu cho các ô 2 điểm

b, Tính đúng các công thức (2.5 điểm)

= C4*D4

0,5 điểm

= C5*D5

0,5 điểm

= C6*D6

0,5 điểm

= C7*D7

0,5 điểm

= C8*D8

0,5 điểm

= Average(C4:C8)

0,25 điểm

= Average(D4:D8)

0,25 điểm

= Average(E4:E8)

0,25 điểm

= Max(C4:C8)

0,5 điểm

c, Sắp xếp đúng

1 điểm

	A	B	C	D	E
1	BẢNG THỐNG KÊ SÁCH				
2					
3	STT	Tên sách	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
4	1	Tin học-Quyển 2	40	8000	320000
5	2	Bài tập toán 7	45	8000	360000
6	3	Tiếng anh 7	37	14300	529100
7	4	Hình học 7	28	24000	672000
8	5	Ngữ văn 7	50	18000	900000
9					
10		Trung bình	40	14460	556220
11					
12		Số lượng mua	50		

d, Lọc ra đúng được 3 loại sách có tổng tiền cao nhất

1.5 điểm

	A	B	C	D	E
1	BẢNG THỐNG KÊ SÁCH				
2					
3	STT	Tên sách	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
6	3	Tiếng anh 7	37	14300	529100
7	4	Hình học 7	28	24000	672000
8	5	Ngữ văn 7	50	18000	900000
9					
10		Trung bình	40	14460	556220
11					
12		Số lượng mua	50		

e, Lập biểu đồ đúng, trình bày đẹp, rõ ràng

2 điểm

f, Thiết lập lề cho trang tính hợp lý

1 điểm